

**BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**GIẢI PHÁP NÂNG CAO HOẠT ĐỘNG CHO VAY TẠI NGÂN
HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
– CHI NHÁNH HỘI AN**

GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN	: THS. NGÔ ĐỨC CHIẾN
SINH VIÊN THỰC HIỆN	: PHẠM THỊ UYÊN NHI
KHÓA	: 2021 – 2025
LỚP	: 21NH1

Đà Nẵng, tháng 5 năm 2025

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Số: ... /2025

Họ và tên sinh viên: Phạm Thị Uyển Nhi

Ngành học: Tài chính – Ngân hàng

Trình độ đào tạo: Hệ Đại học

Khóa học: 2021 – 2025

1. Tên khóa luận tốt nghiệp.

“Giải pháp nâng cao hoạt động cho vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hội An”

2. Các số liệu ban đầu để làm khóa luận.

- Số liệu về tình hình huy động vốn, tình hình cho vay, dư nợ, thu nợ, tình hình thu nhập, chi phí tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hội An giai đoạn 2022 – 2024.
- Số liệu về tình hình huy động vốn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hội An.
- Số liệu về tình hình dư nợ tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hội An.
- Số liệu về doanh số cho vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hội An.

3. Nội dung các thuyết minh và tính toán.

- Thuyết minh và tính toán về tình hình huy động vốn, tình hình cho vay và kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hội An giai đoạn 2022 – 2024.
- Thuyết minh và tính toán về tình hình nợ quá hạn và nợ xấu theo thành phần kinh tế, theo kỳ hạn và theo tính chất đảm bảo tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hội An giai đoạn 2022 – 2024.
- Thuyết minh giải pháp nâng cao hoạt động cho vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hội An.

4. Các bảng biểu, hình vẽ và sơ đồ.

- Danh mục bảng biểu: xem tại Danh mục bảng biểu của khóa luận.

5. Cán bộ hướng dẫn.

- Tên cán bộ hướng dẫn chính: Thạc sĩ Ngô Đức Chiến, Giảng viên Ngành Tài chính – Ngân hàng, Khoa Kinh Tế, Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng.

6. Ngày giao nhiệm vụ làm khóa luận tốt nghiệp.

Ngày ... tháng ... năm....

7. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận tốt nghiệp.....

Nhiệm vụ khóa luận tốt nghiệp đã được bộ môn thông qua.

....., Ngày ... tháng ... năm 2023

Trưởng bộ môn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Cán bộ hướng dẫn chính

(Ký và ghi rõ tên)

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt bốn năm học tập tại Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng, em đã nhận được rất nhiều sự hỗ trợ và chỉ bảo quý báu từ các thầy cô. Những kiến thức chuyên môn vững chắc, những bài học bổ ích mà các thầy cô truyền đạt đã giúp em có một nền tảng vững chắc để tự tin bước vào con đường nghề nghiệp phía trước. Thời gian học tập tại trường không chỉ giúp em trau dồi kiến thức mà còn dạy cho em những kỹ năng cần thiết để có thể hoàn thành tốt công việc sau này.

Quá trình thực tập tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hội An đã mang đến cho em những trải nghiệm thực tế vô cùng quý giá. Em được tiếp xúc với môi trường làm việc chuyên nghiệp, được hướng dẫn và học hỏi từ những anh chị đi trước. Thời gian thực tập giúp em hiểu sâu sắc hơn về công việc thực tế, rèn luyện thêm nhiều kỹ năng và áp dụng những kiến thức đã học vào công việc thực tế, từ đó mở rộng vốn hiểu biết và sự tự tin.

Em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến quý thầy cô Trường Đại học Kiến Trúc Đà Nẵng, những người đã luôn tận tâm truyền đạt kiến thức và không ngừng động viên, khích lệ em trong suốt thời gian học tập. Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn chân thành tới Thầy Ngô Đức Chiến, người đã tận tình hướng dẫn và góp ý cho em trong quá trình thực hiện khóa luận tốt nghiệp, giúp em hoàn thiện bài viết một cách tốt nhất.

Em cũng xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ, nhân viên Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hội An. Các anh chị đã tạo điều kiện thuận lợi, hướng dẫn và chia sẻ nhiều kinh nghiệm quý báu giúp em hoàn thành tốt kỳ thực tập và bài khóa luận tốt nghiệp này.

Một lần nữa, em xin chân thành cảm ơn tất cả các thầy cô, các anh chị và những người đã hỗ trợ em trong suốt quá trình học tập và thực hiện bài khóa luận.

Em xin trân trọng cảm ơn!

Sinh viên thực hiện
Phạm Thị Uyên Nhi

[illegible]

(Ký và ghi rõ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	9
1. Lý do chọn đề tài.	1
2. Mục tiêu nghiên cứu.	2
2.1. Mục tiêu chung.....	2
2.2. Mục tiêu cụ thể.....	2
3. Câu hỏi nghiên cứu.	2
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.	2
5. Phương pháp nghiên cứu.....	3
6. Ý nghĩa của đề tài.	3
7. Cấu trúc đề tài.....	3
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG CHO VAY TẠI NGÂN HÀNG	
THƯƠNG MẠI.	4
1.1. Tổng quan về Ngân hàng Thương mại.....	4
1.1.1. Khái niệm Ngân hàng Thương mại.....	4
1.1.2. Chức năng của Ngân hàng Thương mại.....	5
1.1.3. Vai trò của Ngân hàng Thương mại.....	6
1.1.4. Các sản phẩm, dịch vụ của Ngân hàng Thương mại.....	7
1.2. Khái niệm và phân loại cho vay của Ngân hàng Thương mại.	8
1.2.1. Khái niệm về cho vay của Ngân hàng Thương mại.....	8
1.2.2. Phân loại cho vay của Ngân hàng Thương mại.	8
1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến cho vay.	10
1.3.1. Nhân tố khách quan.....	10
1.3.2. Nhân tố chủ quan.....	10
1.4. Các chỉ tiêu đo lường hoạt động cho vay.....	11
TÓM TẮT CHƯƠNG 1.....	15
CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CHO VAY CỦA NGÂN	
HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG – CHI NHÁNH HỘI AN GIAI ĐOẠN 2022 – 2024.	
.....	16
2.1. Tổng quan về Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương (Vietinbank). ...	16
2.1.1 Giới thiệu về Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương (Vietinbank).	
.....	16
2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Ngân hàng Thương mại cổ phần	
Công Thương (Vietinbank).	17
2.1.2.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Ngân hàng Thương mại cổ phần	
Công Thương (Vietinbank).	17
2.1.2.2. Giải thưởng và thành tựu.	18

2.1.2.3. Ngành nghề kinh doanh.....	19
2.1.3. Mạng lưới.....	20
2.1.3.1. Mạng lưới trong nước.....	20
2.1.3.2. Mạng lưới quốc tế.....	20
2.1.3.3. Liên kết và hợp tác quốc tế.....	20
2.2. Tổng quan về Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương (Vietinbank) – Chi nhánh Hội An.....	20
2.2.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương (Vietinbank) – Chi nhánh Hội An.	21
2.2.2. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương (Vietinbank) – Chi nhánh Hội An.	22
2.2.3. Các sản phẩm và dịch vụ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương (Vietinbank) – Chi nhánh Hội An.	24
2.2.3.1. Khách hàng cá nhân.....	24
2.2.3.2. Khách hàng doanh nghiệp.....	25
2.2.3.3. Các dịch vụ khác.	26
2.2.4. Tình hình hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương (Vietinbank) – Chi nhánh Hội An trong giai đoạn 2022 - 2024.	26
2.2.4.1. Tình hình hoạt động huy động vốn của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương (Vietinbank) – Chi nhánh Hội An (2022 – 2024).....	26
2.2.4.2. Tình hình hoạt động cho vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương (Vietinbank) – Chi nhánh Hội An (2022 – 2024).	31
2.2.4.3. Kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương (Vietinbank) – Chi nhánh Hội An (2022 – 2024).	35
2.3. Thực trạng hoạt động cho vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương (Vietinbank) – Chi nhánh Hội An trong giai đoạn 2022 - 2024.....	39
2.3.1. Quy trình cho vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương (Vietinbank) – Chi nhánh Hội An.	39
2.3.2. Các sản phẩm cho vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương (Vietinbank) – Chi nhánh Hội An.	41
2.3.3. Thực trạng hoạt động cho vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương (Vietinbank) – Chi nhánh Hội An.	45
2.3.3.1. Tổng quan về hoạt động cho vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương (Vietinbank) – Chi nhánh Hội An phân theo mục đích sử dụng.	45
2.3.3.2. Thực trạng hoạt động cho vay phân theo thời gian.....	49
2.3.3.3. Thực trạng hoạt động cho vay phân theo đối tượng.....	53

2.3.3.4. Thực trạng hoạt động cho vay phân theo mục đích sử dụng.....	58
2.3.3.5. Thực trạng hoạt động cho vay phân theo ngành nghề.....	65
2.3.3.6. Thực trạng hoạt động cho vay phân theo tài sản đảm bảo.	73
2.4.1. Những thành tựu đạt được.	77
2.4.2. Hạn chế.....	79
2.4.3. Nguyên nhân.....	80
TÓM TẮT CHƯƠNG 2.....	81
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP NÂNG CAO HOẠT ĐỘNG CHO VAY TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG – CHI NHÁNH HỘI AN.....	82
3.1. Tổng kết các kết quả nghiên cứu.	82
3.2. Các giải pháp phát triển hoạt động cho vay.	83
3.2.1. Nâng cao hiệu quả kiểm soát nợ xấu trong cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp.....	83
3.2.2. Cải tiến quy trình thẩm định khách hàng vay nhằm nâng cao chất lượng cho vay.....	84
3.2.3. Đa dạng hóa cơ cấu danh mục cho vay để phân tán rủi ro ngành nghề.....	86
3.2.4. Tăng cường hiệu quả công tác kiểm tra và giám sát sau cho vay.....	87
3.2.5. Cân đối lại tỷ trọng cho vay theo thời hạn nhằm nâng cao tính ổn định dòng vốn.....	88
3.2.6. Phát triển thị trường cho vay cá nhân một cách bền vững.	89
TÓM TẮT CHƯƠNG 3.....	91
KẾT LUẬN CHUNG	92
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	93

DANH MỤC HÌNH ẢNH, BIỂU ĐỒ

Hình 1.1. Logo Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam.....	16
Sơ đồ 1.2. Cơ cấu tổ chức của NH TMCP Công Thương - Chi nhánh Hội An.	23
Biểu đồ 2.1. Biểu đồ tình hình hoạt động huy động vốn của Vietinbank – Chi nhánh Hội An (2022 – 2024) (ĐVT: Triệu đồng)	30
Biểu đồ 2.2. Biểu đồ tình hình hoạt động cho vay của Vietinbank – Chi nhánh Hội An (2022 – 2024) (ĐVT: Triệu đồng).....	34
Biểu đồ 2.3. Biểu đồ kết quả hoạt động kinh doanh của Vietinbank – Chi nhánh Hội An (2022 – 2024) (ĐVT: Triệu đồng)	39
Biểu đồ 2.4. Tổng quan về hoạt động cho vay tại Vietinbank – CN Hội An (2022 – 2024) (ĐVT: Triệu đồng).....	48
Biểu đồ 2.5. Biểu đồ tỷ lệ nợ xấu tại Vietinbank – CN Hội An (2022 – 2024) (ĐVT: %).	49
Biểu đồ 2.6. Biểu đồ dư nợ cho vay phân theo thời hạn vay của Vietinbank – Chi nhánh Hội An (2022 – 2024) (ĐVT: Triệu đồng).....	52
Biểu đồ 2.7. Biểu đồ tỷ lệ nợ xấu phân theo thời hạn vay của Vietinbank – Chi nhánh Hội An (2022 – 2024) (ĐVT: %)	Error! Bookmark not defined.
Biểu đồ 2.8. Biểu đồ doanh số cho vay phân theo đối tượng vay của Vietinbank – Chi nhánh Hội An (2022 – 2024) (ĐVT: Triệu đồng).....	57
Biểu đồ 2.9. Biểu đồ tỷ lệ nợ xấu phân theo đối tượng vay của Vietinbank – Chi nhánh Hội An (2022 – 2024) (ĐVT: %)	Error! Bookmark not defined.
Biểu đồ 2.10. Biểu đồ doanh số cho vay phân theo mục đích sử dụng của Vietinbank – Chi nhánh Hội An (2022 – 2024) (ĐVT: Triệu đồng)	63
Biểu đồ 2.11. Biểu đồ dư nợ cuối kỳ phân theo mục đích sử dụng của Vietinbank – Chi nhánh Hội An (2022 – 2024) (ĐVT: Triệu đồng).....	65
Biểu đồ 2.12. Biểu đồ doanh số cho vay phân theo ngành nghề của Vietinbank – Chi nhánh Hội An (2022 – 2024) (ĐVT: Triệu đồng).....	72
Biểu đồ 2.13. Biểu đồ cho vay phân theo tài sản có tài sản bảo đảm của Vietinbank – Chi nhánh Hội An (2022 – 2024) (ĐVT: Triệu đồng)	76

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1. Tình hình hoạt động huy động vốn của Vietinbank – Chi nhánh Hội An (2022 – 2024) (ĐVT: Triệu đồng).....	28
Bảng 2.2. Tình hình hoạt động cho vay của Vietinbank – Chi nhánh Hội An (2022 – 2024) (ĐVT: Triệu đồng).....	32
Bảng 2.3. Kết quả hoạt động động kinh doanh của Vietinbank – Chi nhánh Hội An (2022 – 2024) (ĐVT: Triệu đồng).....	36
Bảng 2.5. Tình hình cho vay tại Vietinbank – CN Hội An (2022 – 2024) phân theo thời hạn vay (ĐVT: Triệu đồng)	50
Bảng 2.6. Tình hình cho vay tại Vietinbank – CN Hội An (2022 – 2024) phân theo đối tượng (ĐVT: Triệu đồng).....	54
Bảng 2.7. Tình hình cho vay tại Vietinbank – CN Hội An (2022 – 2024) phân theo mục đích sử dụng (ĐVT: Triệu đồng)	59
Bảng 2.8. Tình hình cho vay tại Vietinbank – CN Hội An (2022 – 2024) phân theo ngành nghề (ĐVT: Triệu đồng).....	67

DANH MỤC VIẾT TẮT

TỪ VIẾT TẮT	Ý NGHĨA
NH	Ngân hàng
TMCP	Thương mại cổ phần
VIETINBANK	Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam
CN	Chi nhánh
PGD	Phòng giao dịch
TCTD	Tổ chức tín dụng
ĐVT	Đơn vị tính
TGKKH	Tiền gửi không kỳ hạn
TGCKH	Tiền gửi có kỳ hạn
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
TSBĐ	Tài sản bảo đảm

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài.

Trong giai đoạn 2022 đến 2024, nền kinh tế Việt Nam đối mặt với nhiều cơ hội và thách thức khi bước vào thời kỳ phục hồi sau đại dịch Covid-19. Đại dịch đã để lại những hậu quả nặng nề, không chỉ làm gián đoạn chuỗi cung ứng và suy giảm hoạt động kinh tế, mà còn ảnh hưởng sâu sắc đến hoạt động của các ngân hàng thương mại, đặc biệt trong lĩnh vực cho vay. Với vai trò là cầu nối quan trọng trong việc cung ứng vốn cho nền kinh tế, hoạt động cho vay không chỉ mang lại nguồn thu chính mà còn đóng góp lớn vào sự ổn định và phát triển kinh tế địa phương. Tuy nhiên, trong giai đoạn phục hồi, hoạt động cho vay cũng đứng trước nhiều thách thức như gia tăng rủi ro, áp lực cạnh tranh từ các ngân hàng trong và ngoài nước, cũng như nhu cầu cải thiện chất lượng cho vay để đáp ứng nhu cầu phát triển.

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hội An, với vị thế là một trong những tổ chức tài chính hàng đầu tại địa phương, đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ nguồn vốn cho các cá nhân và doanh nghiệp tại Thành phố Hội An, đặc biệt trong các lĩnh vực trọng yếu như du lịch, thương mại và dịch vụ. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2022 đến 2024, chi nhánh cũng đối mặt với những khó khăn đáng kể trong hoạt động cho vay, như tình trạng nợ xấu gia tăng, hiệu quả sử dụng vốn chưa đạt mức tối ưu và áp lực duy trì tốc độ tăng trưởng cho vay bền vững. Những vấn đề này đòi hỏi chi nhánh cần có các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động cho vay, tăng cường khả năng cạnh tranh và đảm bảo sự phát triển ổn định trong bối cảnh kinh tế đầy biến động.

Xuất phát từ thực tế đó, em nhận thấy rằng việc nghiên cứu, phân tích thực trạng hoạt động cho vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương – Chi nhánh Hội An là một hướng đi cần thiết và có tính thời sự. Việc tìm hiểu các yếu tố đang ảnh hưởng đến hoạt động cho vay không chỉ giúp nhận diện chính xác nguyên nhân cốt lõi của những tồn tại, mà còn là cơ sở để xây dựng các giải pháp khắc phục phù hợp với điều kiện cụ thể tại địa phương. Đặc biệt, trong bối cảnh ngành ngân hàng đang đứng trước yêu cầu phải nâng cao năng lực quản trị rủi ro và tối ưu hóa nguồn vốn để thích ứng với xu thế chuyển đổi số và cạnh tranh toàn diện, việc đưa ra các giải pháp thiết thực sẽ giúp chi nhánh cải thiện hoạt động cho vay một cách hiệu quả hơn. Hơn nữa, việc lựa chọn đề tài này cũng là cơ hội quý báu để em có thể vận dụng những kiến thức lý luận đã được trang bị trong quá trình học tập tại trường, kết hợp với các trải nghiệm thực tế tại ngân hàng, từ đó rèn luyện tư duy phân tích và khả năng đề xuất giải pháp mang tính ứng dụng cao. Thông qua quá trình nghiên cứu, em mong muốn được đóng góp một phần nhỏ công sức của mình trong việc hoàn thiện và nâng cao hoạt động cho vay tại VietinBank – Chi nhánh

Hội An. Đồng thời, đây cũng là dịp để em thể hiện trách nhiệm cá nhân đối với ngành ngân hàng nói chung và sự phát triển kinh tế của TP. Hội An nói riêng.

Chính vì vậy, em quyết định chọn đề tài: “Giải pháp nâng cao hoạt động cho vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hội An trong giai đoạn 2022 đến 2024” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp. Em tin rằng, với sự đầu tư nghiêm túc cùng tinh thần học hỏi cầu thị, nghiên cứu này không chỉ mang lại giá trị học thuật mà còn có tính thực tiễn cao, góp phần hỗ trợ ngân hàng trong việc nâng cao hoạt động cho vay, đồng thời thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương theo hướng bền vững và ổn định trong thời gian tới.

2. Mục tiêu nghiên cứu.

2.1. Mục tiêu chung.

Đánh giá thực trạng hoạt động cho vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương – Chi nhánh Hội An trong giai đoạn 2022 – 2024, nhằm xác định những hạn chế và nguyên nhân tồn tại của hoạt động cho vay. Từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hoạt động cho vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương – Chi nhánh Hội An.

2.2. Mục tiêu cụ thể.

Để thực hiện mục tiêu chung thì đi vào nghiên cứu những mục tiêu cụ thể như sau:

- Tổng hợp lý thuyết liên quan về hoạt động cho vay, vai trò của hoạt động cho vay, các chỉ tiêu đo lường hoạt động cho vay.
- Phân tích thực trạng hoạt động cho vay của Ngân hàng TMCP Công Thương – Chi nhánh Hội An giai đoạn 2022 – 2024.
- Đề xuất những giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động cho vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương – Chi nhánh Hội An.

3. Câu hỏi nghiên cứu.

- Cho vay là gì? Vai trò của cho vay? Các chỉ tiêu đo lường hoạt động cho vay?
- Thực trạng hoạt động cho vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương – Chi nhánh Hội An giai đoạn 2022 – 2024 như thế nào?
- Các giải pháp cần thiết nào nhằm nâng cao hoạt động cho vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương – Chi nhánh Hội An?

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

- Đối tượng nghiên cứu: Đề tài nghiên cứu giải pháp nâng cao hoạt động cho vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương – Chi nhánh Hội An.
- Phạm vi nghiên cứu:
 - Phạm vi không gian: Đề tài thực hiện tại Ngân hàng TMCP Công Thương – Chi nhánh Hội An.

- Phạm vi thời gian: Đề tài phân tích hoạt động cho vay trong giai đoạn 2022 – 2024 và các giải pháp nâng cao hoạt động cho vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương – Chi nhánh Hội An.

5. Phương pháp nghiên cứu.

Phương pháp nghiên cứu được sử dụng chủ yếu dựa trên phương pháp thu thập thông tin, tổng hợp, phân tích, đánh giá.

6. Ý nghĩa của đề tài.

Đề tài đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng nền tảng lý luận về ngân hàng thương mại, đặc biệt là các khía cạnh liên quan đến hoạt động cho vay, vai trò của cho vay trong nền kinh tế, và các chỉ số đo lường hoạt động cho vay. Thông qua việc đánh giá thực trạng hoạt động cho vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hội An, như tình hình nợ xấu và hiệu suất sử dụng vốn, nghiên cứu sẽ cung cấp cái nhìn chi tiết về những vấn đề đang tồn tại. Từ đó, các giải pháp và đề xuất thực tiễn sẽ được đưa ra nhằm tăng cường quản lý hoạt động cho vay, góp phần giảm thiểu rủi ro và nâng cao chất lượng hoạt động của ngân hàng trong thời gian tới.

7. Cấu trúc đề tài

Chương 1: Tổng quan về lý thuyết liên quan đến đề tài: Tổng quan về hoạt động cho vay tại NHTM.

Chương 2: Phân tích thực trạng hoạt động cho vay của Ngân hàng TMCP Công Thương – Chi nhánh Hội An giai đoạn 2022 – 2024.

Chương 3: Các giải pháp nâng cao hoạt động cho vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương – Chi nhánh Hội An.

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG CHO VAY TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.

1.1. Tổng quan về Ngân hàng Thương mại.

1.1.1. Khái niệm Ngân hàng Thương mại.

NHTM là định chế tài chính trung gian đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế thị trường. Ngân hàng có lịch sử ra đời rất lâu, 3000 năm trước công nguyên. Từ nghề đổi tiền của một số thương nhân dần dần hình thành nên các tổ chức nhận tiền gửi, cho vay, chuyển tiền, thanh toán...v.v. hoạt động như các NHTM. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường theo xu hướng hội nhập quốc tế hiện nay, các NHTM không ngừng phát triển hình thành mạng lưới rộng khắp toàn cầu, hoạt động ngân hàng có tính hệ thống cao, được xem như một kênh chu chuyển vốn quan trọng và cung ứng dịch vụ tài chính ngày càng đa dạng và phong phú tác động đáng kể đến sự phát triển của nền kinh tế thị trường.

Trong nhiều thế kỷ gần đây Ngân hàng đóng vai trò quan trọng trong hệ thống tài chính và vai trò quan trọng này vẫn tiếp diễn cho đến nay mặc dù có nhiều định chế tài chính trong nền kinh tế hiện đại và sự cạnh tranh gay gắt không ngừng tăng lên.

Hiện nay, tùy theo lịch sử hình thành của hệ thống ngân hàng có nhiều khái niệm về NHTM:

Theo Ngân hàng thế giới: Ngân hàng là tổ chức tài chính nhận tiền gửi chủ yếu dưới dạng không kỳ hạn hoặc tiền gửi được rút ra với một thông báo ngắn hạn (tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm). Dưới tiêu đề “các ngân hàng” gồm có: Ngân hàng thương mại, chỉ tham gia vào các hoạt động nhận tiền gửi, cho vay ngắn hạn, trung dài hạn; Ngân hàng đầu tư, hoạt động buôn bán chứng khoán và bảo lãnh phát hành; Ngân hàng nhà ở, cung cấp tài chính cho lĩnh vực phát triển nhà ở và nhiều loại ngân hàng khác nữa. Tại một số nước còn có ngân hàng tổng hợp, kết hợp hoạt động ngân hàng thương mại với hoạt động ngân hàng đầu tư và thực hiện cả dịch vụ bảo hiểm.

Tại Hoa Kỳ: NHTM là một tổ chức kinh doanh trong lĩnh vực tiền tệ, chuyên cung cấp các dịch vụ về tài chính như nhận tiền gửi, chuyển tiền, thanh toán, cho vay, đầu tư, đổi tiền, mua bán ngoại hối và các dịch vụ khác liên quan đến tiền như bảo quản, ủy thác, làm đại lý trong nước và quốc tế.

Tại Pháp: Theo đạo luật Ngân hàng Pháp năm 1941, NHTM là những xí nghiệp hay là những cơ sở mà nghề nghiệp thường xuyên là nhận tiền bạc của công chúng dưới hình thức ký thác, hoặc dưới các hình thức khác và sử dụng số tiền đó cho chính họ trong các nghiệp vụ chiết khấu, tín dụng và cung cấp dịch vụ tài chính.

Tại Việt Nam: Khái niệm của NHTM được quy định của pháp luật. Theo Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15, được Quốc hội thông qua ngày 18/01/2024 và có hiệu lực từ ngày 01/07/2024, “ngân hàng thương mại” được định nghĩa như sau:

“Ngân hàng thương mại là loại hình ngân hàng được thực hiện tất cả các hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Luật này nhằm mục tiêu lợi nhuận.”

Định nghĩa này nhấn mạnh rằng NHTM là tổ chức tài chính hoạt động với mục tiêu sinh lợi nhuận, thông qua việc thực hiện đầy đủ các hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định pháp luật.

Như vậy, NHTM là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật, kinh doanh trong lĩnh vực tiền tệ, với hoạt động thường xuyên là nhận tiền gửi dưới nhiều hình thức khác nhau và sử dụng số tiền này để cấp tín dụng, cung ứng dịch vụ thanh toán cho các chủ thể trong nền kinh tế, nhằm mục tiêu lợi nhuận.

1.1.2. Chức năng của Ngân hàng Thương mại.

Trong cơ chế kinh tế thị trường, NHTM thực hiện được 3 chức năng cơ bản sau:

– Trung gian tài chính:

Trung gian tài chính là chức năng quan trọng nhất của NHTM, quyết định sự phát triển và mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Trong chức năng này NHTM đóng vai trò là một định chế tài chính trung gian đứng ra tập trung nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi từ các tổ chức và cá nhân trong nền kinh tế để điều chuyển cho các tổ chức và cá nhân có nhu cầu về vốn, góp phần đẩy nhanh tốc độ luân chuyển vốn, góp phần điều tiết nguồn vốn cho nền kinh tế. Mặt khác, NHTM cũng là một chủ thể tham gia trên thị trường tài chính bằng các hoạt động đầu tư sinh lời, cung cấp các dịch vụ tài chính khác cho các chủ thể trong nền kinh tế, như vậy NHTM cũng là một trong những chủ thể tham gia vào việc phân phối tài chính cho nền kinh tế.

– Trung gian thanh toán:

NHTM là người quản lý tiền trên tài khoản tiền gửi thanh toán của khách hàng, do đó NHTM thực hiện được chức năng trung gian thanh toán cho khách hàng. Trong chức năng này, NHTM đóng vai trò là một tổ chức trung gian thực hiện việc thanh toán, chi trả thay cho những khách hàng có nhu cầu thanh toán qua ngân hàng theo sự ủy nhiệm của khách hàng. Để thực hiện chức năng này, NHTM phải tổ chức mở tài khoản tiền gửi thanh toán cho khách hàng, phát hành và quản lý các phương tiện thanh toán, tổ chức thực hiện thanh toán khi nhận được lệnh thanh toán của khách hàng. Chức năng trung gian thanh toán mang lại sự tiện lợi cho khách hàng trong hoạt động thanh toán đồng thời góp phần thu hút lượng tiền nhàn rỗi trong nền kinh tế, nâng cao uy tín thương hiệu ngân hàng trên thị trường.

– Tạo tiền:

Trong chức năng này đòi hỏi phải có sự tham gia của nhiều ngân hàng, và nhiều khách hàng. Khi kết hợp chức năng trung gian tài chính và chức năng trung gian thanh toán, NHTM có khả năng tạo ra một lượng tiền trên tài khoản tiền gửi thanh toán của

khách hàng lớn hơn gấp nhiều lần so với lượng tiền gửi ban đầu của khách hàng. Lượng tiền ghi sổ do NHTM tạo ra phụ thuộc vào số tiền gửi ban đầu của khách hàng, số lượng ngân hàng tham gia vào quá trình tạo tiền và tỷ lệ dự trữ bắt buộc. Giáo sư P.Samuelson đã đưa ra công thức xác định khả năng tạo tiền của NHTM như sau:

$$M_n = \frac{M_0 \times (1 - q^n)}{(1 - q)}$$

M_n : Tổng số lượng tiền ghi sổ tạo ra.

M_0 : Lượng tiền gửi ban đầu.

n : Số ngân hàng tham gia vào quá trình tạo tiền.

q : Tỷ lệ cho vay tối đa.

$1 - q$: Tỷ lệ dự trữ bắt buộc.

Tuy nhiên khả năng tạo tiền của NHTM theo công thức trên chỉ đúng khi hội đủ các điều kiện như: Hệ thống ngân hàng tổ chức theo mô hình ngân hàng 2 cấp; tất cả các giao dịch đều thực hiện bằng hình thức thanh toán chuyển khoản và các NHTM phải đạt được tỷ lệ cho vay tối đa. Trên thực tế khó có thể phủ nhận được khả năng tạo tiền của NHTM, nhưng để tính toán được một tỷ lệ tạo tiền chính xác và khả năng tạo tiền ở mức tối đa, thì khó có thể xác định được. Vì hoạt động của NHTM chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố và đặc biệt khi môi trường kinh tế thay đổi hoặc trước những điều chỉnh của việc điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng trung ương sẽ gây tác động đáng kể đến tình hình huy động vốn và cho vay của NHTM, điều này sẽ làm thay đổi khả năng tạo tiền của NHTM. Ngày nay trong kỹ thuật quản trị ngân hàng, ứng dụng khả năng tạo tiền được xem như là nghệ thuật trong việc kiểm soát khả năng cung ứng tiền trong lưu thông góp phần ổn định lưu thông tiền tệ.

1.1.3. Vai trò của Ngân hàng Thương mại.

Điều tiết nguồn vốn: Góp phần nâng cao hoạt động sử dụng vốn cho nền kinh tế. Nhờ hoạt động của NHTM mà nguồn vốn nhàn rỗi trong nền kinh tế được tập hợp lại thành nguồn vốn lớn phục vụ cho đời sống xã hội và phát triển kinh tế. NHTM trở thành kênh chu chuyển vốn quan trọng trong nền kinh tế, cung ứng vốn cho các chủ thể trong nền kinh tế, góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển.

Tạo điều kiện thúc đẩy thị trường tài chính phát triển: Hoạt động của NHTM vừa mang tính cạnh tranh nhưng cũng vừa có tác động hỗ trợ đến các hoạt động khác trong lĩnh vực tài chính như: Thị trường chứng khoán, bảo hiểm... Khi NHTM ngày càng phát triển và hoàn thiện thì càng có nhiều dịch vụ hỗ trợ cho các hoạt động trên. Ngược lại, sự phát triển phong phú và đa dạng của các sản phẩm trên thị trường tài chính sẽ tác động đến sự phát triển của các sản phẩm kinh doanh của NHTM ngày càng phát triển, xuất hiện sự kết hợp và bán chéo sản phẩm của NHTM với các định chế tài chính

khác như: Công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty tài chính và quỹ đầu tư... góp phần gia tăng doanh số giao dịch trên thị trường tài chính.

Góp phần thực thi chính sách tiền tệ quốc gia: Ngân hàng trung ương là cơ quan xây dựng và điều hành chính sách tiền tệ, nhưng để thực thi CSTT ngân hàng trung ương phải sử dụng các công cụ như: Dự trữ bắt buộc, lãi suất, tái cấp vốn, thị trường mở... tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của NHTM, thay đổi tăng hoặc giảm khối lượng tiền tệ trong nền kinh tế, góp phần bình ổn lưu thông tiền tệ của quốc gia, kiểm soát lạm phát.

1.1.4. Các sản phẩm, dịch vụ của Ngân hàng Thương mại.

Theo Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 (Luật số 32/2024/QH15), các hoạt động chủ yếu của ngân hàng thương mại được quy định tại Chương V Điều 107. Điều này liệt kê các sản phẩm, dịch vụ:

- Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong nước và nước ngoài.
- Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:

+ Cho vay: NHTM được cho các tổ chức, cá nhân vay vốn dưới các hình thức vay ngắn hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và đời sống; cho vay trung và dài hạn để thực hiện các dự án đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và đời sống.

+ Chiết khấu, tái chiết khấu: Ngân hàng thương mại được chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đối với tổ chức, cá nhân và có thể tái chiết khấu các thương phiếu và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đối với các tổ chức tín dụng khác.

+ Bảo lãnh ngân hàng: Ngân hàng thương mại được bảo lãnh vay, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh đấu thầu và các hình thức bảo lãnh ngân hàng khác bằng uy tín và bằng khả năng tài chính của mình đối với người nhận bảo lãnh. Mức bảo lãnh đối với một khách hàng và tổng mức bảo lãnh của một ngân hàng thương mại không vượt quá tỷ lệ so với vốn tự có của ngân hàng thương mại.

+ Phát hành thẻ tín dụng: Cho phép khách hàng sử dụng hạn mức tín dụng để chi tiêu trước và hoàn trả sau theo chu kỳ thanh toán, hỗ trợ nhu cầu thanh toán linh hoạt.

+ Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế đối với các ngân hàng được phép thực hiện thanh toán quốc tế: Các NHTM triển khai thực hiện bao thanh toán như là một hình thức cấp tín dụng cho khách hàng doanh nghiệp như: bao thanh toán truy đòi, bao thanh toán ứng trước hay bao thanh toán chiết khấu, bao thanh toán khi đáo hạn trong phạm vi buôn bán nội địa lẫn quốc tế.

+ Thư tín dụng: Trong đó cam kết thanh toán cho người bán khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện trong hợp đồng thương mại, đảm bảo tính an toàn cho các giao dịch xuất nhập khẩu.

+ Hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

– Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng:

+ Dịch vụ này giúp khách hàng gửi, rút tiền và thực hiện các giao dịch điện tử một cách tiện lợi. Tài khoản thanh toán có thể dành cho cá nhân, tổ chức hoặc doanh nghiệp, phục vụ cho các hoạt động tài chính hàng ngày như nhận lương, thanh toán hóa đơn, chuyển khoản.

– Cung ứng các phương tiện thanh toán.

– Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây:

+ Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;

+ Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản; dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

1.2. Khái niệm và phân loại cho vay của Ngân hàng Thương mại.

1.2.1. Khái niệm về cho vay của Ngân hàng Thương mại.

Cho vay là một hình thức cấp tín dụng, theo đó tổ chức tín dụng giao cho khách hàng sử dụng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích và thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.

Cho vay là một quan hệ giao dịch giữa hai chủ thể (NHTM và người vay), trong đó một bên (NHTM) chuyển giao tiền cho bên kia (người vay) sử dụng trong một thời gian nhất định, đồng thời bên nhận tiền cam kết hoàn trả vốn (gốc và lãi) cho bên cho vay vô điều kiện theo thời hạn đã thỏa thuận.

Qua các khái niệm trên cho thấy bản chất của cho vay là một giao dịch về tiền trên cơ sở có hoàn trả mà thực chất là sự vay mượn dựa trên cơ sở tin tưởng, tín nhiệm lẫn nhau. Trong đó sự hoàn trả là đặc trưng thuộc về bản chất của cho vay, là nguyên tắc để phân biệt phạm trù cho vay với cấp phát của NHNN.

1.2.2. Phân loại cho vay của Ngân hàng Thương mại.

Trong nền kinh tế thị trường, hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại rất đa dạng và phong phú với nhiều hình thức khác nhau. Việc áp dụng từng loại cho vay tùy thuộc vào đặc điểm kinh tế của đối tượng sử dụng vốn tín dụng nhằm sử dụng và quản lý tín dụng có hiệu quả và phù hợp với sự vận động cũng như đặc điểm kinh tế khác nhau của đối tượng tín dụng.

Để quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn tín dụng, cần thiết phải phân loại cho vay.

Phân loại cho vay là việc sắp xếp các khoản cho vay theo từng nhóm dựa trên một số tiêu thức nhất định. Nếu việc phân loại cho vay có cơ sở khoa học sẽ là tiền đề để thiết lập các quy trình cho vay thích hợp và nâng cao quản trị rủi ro tín dụng.

Có nhiều tiêu thức phân loại cho vay, tuy nhiên trên thực tế, người ta thường phân loại cho vay theo các tiêu thức sau:

- Phân loại theo thời hạn cho vay:
 - + Cho vay ngắn hạn là các khoản cho vay đến thời hạn 12 tháng. Ngân hàng cho vay ngắn hạn nhằm đáp ứng nhu cầu về vốn cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, phục vụ đời sống của khách hàng.
 - + Cho vay trung và dài hạn là các khoản cho vay có thời hạn trên 01 năm. Ở Việt Nam hiện nay, các khoản cho vay trên 01 năm đến 05 năm được gọi là cho vay trung hạn, trên 05 năm gọi là cho vay dài hạn.
- Phân loại theo mục đích sử dụng vốn:
 - + Cho vay kinh doanh: Việc cho vay của ngân hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn kinh doanh, đầu tư cho các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh.
 - + Cho vay tiêu dùng: Nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của các gia đình, cá nhân như chi tiêu thường xuyên, chi sửa chữa nhà cửa, chi mua sắm tài sản...
- Căn cứ vào phương pháp cho vay, cho vay bao gồm:
 - + Cho vay từng lần.
 - + Cho vay theo hạn mức tín dụng.
 - + Cho vay khác: Cho vay theo hạn mức thấu chi, cho vay theo hạn mức tín dụng dự phòng...
- Căn cứ vào loại tiền cho vay, cho vay gồm:
 - + Cho vay nội tệ: Tiền vay cấp cho khách hàng bằng nội tệ.
 - + Cho vay ngoại tệ: Tiền vay cấp cho khách hàng bằng ngoại tệ.
- Căn cứ vào đảm bảo tiền vay, cho vay gồm:
 - + Cho vay có đảm bảo bằng tài sản: Cầm cố, thế chấp, bảo đảm bằng tài sản của người thứ ba...
 - + Cho vay có bảo đảm không bằng tài sản: Tín chấp, bảo lãnh bằng tín chấp...
- Căn cứ vào đối tượng sử dụng vốn vay, cho vay gồm:
 - + Cho vay trực tiếp: Tiền vay được phát trực tiếp cho người sử dụng.
 - + Cho vay gián tiếp: Ngân hàng phát tiền vay gián tiếp thông qua một tổ chức trung gian, sau đó chuyển cho người sử dụng.
- Căn cứ vào phương thức thanh toán, cho vay gồm:
 - + Cho vay hoàn trả một lần: Người vay trả gọn một lần cả gốc và lãi.
 - + Cho vay hoàn trả nhiều lần: Trả không đều hay trả góp.
- Căn cứ vào khách hàng vay, cho vay gồm:

+ Cho vay khách hàng doanh nghiệp: Là khoản cho vay áp dụng cho khách hàng là các tổ chức kinh tế.

+ Cho vay khách hàng cá nhân: Là khoản cho vay áp dụng cho khách hàng là các cá nhân.

1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến cho vay.

1.3.1. Nhân tố khách quan.

– Tình hình kinh tế vĩ mô:

+ Nếu nền kinh tế tăng trưởng ổn định, doanh nghiệp và cá nhân có nhu cầu vay vốn cao hơn để mở rộng sản xuất kinh doanh. Ngược lại, suy thoái kinh tế khiến doanh nghiệp gặp khó khăn tài chính, làm giảm khả năng trả nợ, dẫn đến gia tăng nợ xấu.

+ Khi lạm phát tăng cao, lãi suất cũng tăng, làm chi phí vay vốn cao hơn, ảnh hưởng đến nhu cầu vay. Ngược lại, lạm phát thấp có thể kích thích tăng trưởng tín dụng. Trong giai đoạn suy thoái, hoạt động tín dụng thường bị thắt chặt để hạn chế rủi ro. Trong giai đoạn mở rộng, ngân hàng có xu hướng mở rộng cho vay.

– Chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước:

+ NHNN có thể điều chỉnh lãi suất tái cấp vốn, lãi suất chiết khấu để kiểm soát cung tiền, từ đó ảnh hưởng đến lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại. Nếu NHNN tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc, ngân hàng sẽ có ít vốn hơn để cho vay, ảnh hưởng đến quy mô tín dụng. NHNN có thể áp dụng các gói hỗ trợ tín dụng cho các ngành ưu tiên, tác động đến cơ cấu cho vay của ngân hàng.

– Khung pháp lý và môi trường pháp luật:

+ Các quy định về cấp tín dụng, xử lý nợ xấu, bảo lãnh tín dụng tác động trực tiếp đến hoạt động cho vay. Nếu hệ thống pháp lý không rõ ràng hoặc có nhiều bất cập, ngân hàng có thể gặp khó khăn trong xử lý nợ quá hạn.

– Cạnh tranh trên thị trường tài chính – ngân hàng:

+ Sự xuất hiện của nhiều ngân hàng thương mại, công ty tài chính và tổ chức tín dụng phi ngân hàng làm tăng áp lực cạnh tranh, đòi hỏi các ngân hàng phải cải thiện chất lượng dịch vụ cho vay. Các ngân hàng có thể phải giảm lãi suất, đơn giản hóa thủ tục vay để thu hút khách hàng, nhưng điều này cũng có thể làm tăng rủi ro tín dụng.

– Công nghệ và xu hướng chuyển đổi số:

+ Công nghệ tài chính (Fintech) đang tạo ra nhiều phương thức vay vốn mới như cho vay ngang hàng, tác động đến thị phần của các ngân hàng truyền thống. Ngân hàng cần đầu tư vào công nghệ để nâng cao quản lý tín dụng, cải thiện khả năng đánh giá khách hàng và quản lý rủi ro.

1.3.2. Nhân tố chủ quan.

– Chính sách tín dụng của ngân hàng:

+ Một chính sách tín dụng hợp lý giúp ngân hàng kiểm soát rủi ro, tối ưu hóa lợi nhuận và mở rộng thị trường. Nếu chính sách tín dụng quá chặt chẽ, ngân hàng có thể mất cơ hội cho vay; ngược lại, nếu quá lỏng lẻo, nguy cơ nợ xấu sẽ tăng cao.

– Quy trình thẩm định và xét duyệt tín dụng:

+ Khi quy trình thẩm định chặt chẽ sẽ giúp ngân hàng lựa chọn được khách hàng có khả năng trả nợ cao, giảm thiểu rủi ro tín dụng. Quy trình xét duyệt đơn giản, nhanh chóng giúp tăng khả năng tiếp cận vốn cho khách hàng, nâng cao tính cạnh tranh.

– Chất lượng đội ngũ nhân sự:

+ Cán bộ tín dụng cần có chuyên môn cao, kỹ năng phân tích tài chính tốt để đánh giá chính xác mức độ rủi ro của khoản vay. Đội ngũ nhân sự cũng cần có kỹ năng giao tiếp tốt để thu hút khách hàng và quản lý quan hệ khách hàng hiệu quả.

– Hệ thống quản lý rủi ro tín dụng:

+ Ngân hàng cần có hệ thống kiểm soát nội bộ và cảnh báo sớm để phát hiện các khoản vay có nguy cơ trở thành nợ xấu. Việc thu hồi nợ và xử lý nợ xấu hiệu quả giúp bảo vệ nguồn vốn và duy trì sự phát triển bền vững.

1.4. Các chỉ tiêu đo lường hoạt động cho vay.

a. Doanh số cho vay.

Doanh số cho vay là chỉ tiêu phản ánh tất cả các khoản tín dụng mà ngân hàng cho khách hàng vay, không nói đến việc món vay đó thu được hay chưa trong một thời gian nhất định. Khi chỉ tiêu này tăng lên tức là số tiền mà ngân hàng cung cấp cho khách hàng để tiêu dùng cũng tăng lên, thỏa mãn tốt hơn nhu cầu của khách hàng, từ đó nó cũng thể hiện hoạt động cho vay của ngân hàng đã được mở rộng.

b. Doanh số thu nợ.

Doanh số thu nợ là chỉ tiêu phản ánh tất cả các khoản tín dụng mà ngân hàng thu về được khi đáo hạn vào một thời điểm nhất định nào đó. Nếu doanh số thu nợ tăng thì số tiền mà khách hàng đã trả nợ cho ngân hàng trong kỳ tăng và ngược lại.

c. Hệ số thu nợ.

Hệ số thu nợ là tỷ lệ giữa số tiền thu nợ trong kỳ và số tiền đến hạn phải thu. Chỉ tiêu này cho thấy khả năng thu hồi vốn đúng hạn của ngân hàng, góp phần phản ánh chất lượng tín dụng và năng lực quản trị rủi ro.

d. Dư nợ.

$$\text{Tổng dư nợ} = \sum \text{Tổng các khoản vay chưa được hoàn trả}$$

Chỉ tiêu này thể hiện tổng số tiền mà ngân hàng đã cho vay nhưng khách hàng chưa hoàn trả. Nếu tổng dư nợ lớn, ngân hàng có hoạt động tín dụng mạnh, nhưng cũng có thể đối mặt với rủi ro tín dụng cao hơn. Ngân hàng cần cân đối giữa quy mô dư nợ và khả năng kiểm soát rủi ro để đảm bảo an toàn tài chính.

e. Nợ quá hạn và tỷ lệ nợ quá hạn.

$$\text{Tỷ lệ nợ quá hạn (\%)} = \frac{\text{Nợ quá hạn}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100$$

Chỉ tiêu này cho biết trong tổng dư nợ thì có bao nhiêu phần trăm là nợ quá hạn. Tỷ lệ này càng cao thì khả năng ngân hàng gặp rủi ro càng lớn, chất lượng cho vay càng giảm. Nợ quá hạn cao khả năng mất vốn ngân hàng gặp phải rất lớn. Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì ngân hàng có tỷ lệ nợ quá hạn lớn hơn 7% được xem là ngân hàng yếu kém, nhỏ hơn hoặc bằng 5% thì ngân hàng đó được đánh giá là ngân hàng có hoạt động tín dụng tốt, chất lượng tín dụng được đảm bảo.

Nợ quá hạn là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng cho vay, do đó ngân hàng nào kiểm soát được nợ quá hạn thì ngân hàng đó có chất lượng tín dụng tương đối tốt. Tuy nhiên chỉ tiêu này cũng chưa phản ánh hết chất lượng cho vay của một ngân hàng. Bởi vì bên cạnh những ngân hàng có được tỷ lệ nợ quá hạn hợp lý do đã thực hiện tốt các khâu trong quy trình tín dụng, còn có những ngân hàng có được tỷ lệ nợ quá hạn thấp thông qua việc cho vay đảo nợ, không chuyển nợ quá hạn theo đúng quy định...

f. Nợ xấu.

Tại khoản 5 Điều 3 Thông tư 31/2024/TT-NHNN quy định, nợ xấu là khoản nợ được ngân hàng phân loại vào các nhóm 3, 4 và 5. Hiểu một cách đơn giản, nợ xấu là các khoản nợ khó đòi khi người vay không thể trả nợ khi đến hạn phải thanh toán như đã cam kết trong hợp đồng tín dụng. Thông thường, các khoản nợ quá hạn thanh toán trên 90 ngày sẽ bị coi là nợ xấu. Những người dính nợ xấu sẽ bị liệt kê vào danh sách khách hàng nợ xấu trên hệ thống của Trung tâm Thông tin Tín dụng Quốc gia Việt Nam CIC.

Theo quy định tại Điều 10 Thông tư 31/2024/TT-NHNN, các tổ chức tín dụng thực hiện phân loại nợ theo 05 nhóm, trong nợ xấu thuộc các nhóm 3, 4, 5:

- Nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn):
 - Khoản nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn.
 - Khoản nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.
- Nhóm 2 (Nợ cần chú ý):
 - Khoản nợ quá hạn đến 90 ngày.
 - Khoản nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu còn trong hạn.
- Nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn):
 - Khoản nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày.
 - Khoản nợ gia hạn nợ lần đầu còn trong hạn.

- Khoản nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo thỏa thuận.
 - Khoản nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng ký văn bản thu hồi khoản nợ (sau đây gọi là ngày có quyết định thu hồi):
- + Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 134 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.
- + Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng.
- + Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5, 9 Điều 136 Luật Các tổ chức tín dụng.
- Khoản nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra.
 - Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi.
- Nhóm 4 (Nợ nghi ngờ):
- Khoản nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày.
 - Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn đến 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu.
 - Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai còn trong hạn.
 - Khoản nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 – 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi:
- + Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 134 Luật Các tổ chức tín dụng.
- + Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng.
- + Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5, 9 Điều 136 Luật Các tổ chức tín dụng.
- Khoản nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra đến 60 ngày mà chưa thu hồi được.
 - Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi.
- Nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn):
- Khoản nợ quá hạn trên 360 ngày.

- Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 91 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu.
- Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai.
- Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên.
- Khoản nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi.
- Khoản nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra trên 60 ngày mà chưa thu hồi được.
- Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng chưa thu hồi được trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi.
- Khoản nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng đang được kiểm soát đặc biệt, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang bị phong tỏa vốn và tài sản.

g. Tỷ lệ nợ xấu.

$$\text{Tỷ lệ nợ xấu (\%)} = \frac{\text{Nợ xấu}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100$$

Chỉ tiêu này phản ánh trong tổng dư nợ có bao nhiêu phần trăm là nợ xấu (hay trong tổng dư nợ có bao nhiêu phần trăm bị rủi ro).

Nợ xấu tăng làm tăng chi phí dự phòng rủi ro tín cho vay, giảm lợi nhuận của ngân hàng. Ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu cao chứng tỏ chất lượng cho vay của ngân hàng đó thấp, năng lực tài chính, năng lực quản lý cũng như năng lực hoạt động của họ yếu kém, do đó ngân hàng cần phải xem xét lại hoạt động tín dụng của mình để tránh rơi vào tình trạng khó khăn.

h. Vòng quay vốn tín dụng.

Được tính bằng tỷ lệ giữa doanh số thu nợ trong kỳ và dư nợ bình quân. Chỉ tiêu này thể hiện hiệu quả sử dụng vốn cho vay – vòng quay càng cao thì vốn tín dụng càng được quay vòng nhanh, mang lại hiệu quả tốt hơn trong kinh doanh.

TÓM TẮT CHƯƠNG 1

Chương 1 trình bày tổng quan lý thuyết về hoạt động cho vay của ngân hàng thương mại, làm rõ vai trò của ngân hàng trong nền kinh tế, bao gồm việc huy động vốn, cấp tín dụng và cung cấp các dịch vụ thanh toán. Nội dung chương cũng phân tích các hình thức cho vay phổ biến cùng các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động tín dụng. Bên cạnh đó, chương còn đề cập đến các chỉ tiêu đánh giá chất lượng tín dụng nhằm cung cấp cơ sở khoa học cho việc phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hoạt động cho vay trong các phần tiếp theo.

CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CHO VAY CỦA NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG – CHI NHÁNH HỘI AN GIAI ĐOẠN 2022 – 2024.

2.1. Tổng quan về Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương (Vietinbank).

2.1.1 Giới thiệu về Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương (Vietinbank).

Tên đăng ký tiếng Việt: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG
THƯƠNG VIỆT NAM

Tên đăng ký tiếng Anh: VIETNAM JOINT STOCK COMMERCIAL BANK
FOR INDUSTRY AND TRADE

Tên giao dịch: VietinBank

Giấy phép thành lập: Số 13/GP–NHNN do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày
17/6/2022

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Mã số doanh nghiệp: 0100111948 do
Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/07/2009; đăng ký thay đổi lần
thứ 13 ngày 08/01/2024

Vốn điều lệ: 53.699.917.480.000 đồng

Vốn chủ sở hữu: 135.972.854.000.000 đồng (tại thời điểm 30/6/2024)

Địa chỉ hội sở chính: 108 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội, Việt
Nam

Số điện thoại: (84-24) 3942 1030

Số Fax: (84-24) 3942 1032

Website: www.vietinbank.vn

Mã cổ phiếu: CTG



Hình 1.1. Logo Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam.

Nguồn: <https://icolor.vn/logo-vietinbank/>

Sứ mệnh: Là ngân hàng tiên phong trong phát triển đất nước trên cơ sở mang lại
giá trị tối ưu cho khách hàng, cổ đông, người lao động, đối tác và cộng đồng.

Tầm nhìn: Ngân hàng đa năng, hiện đại, hiệu quả hàng đầu tại Việt Nam, đến
năm 2030 thuộc Top ngân hàng mạnh nhất Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Đến

năm 2045 là ngân hàng mạnh nhất và uy tín nhất Việt Nam, hàng đầu Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương và uy tín cao trên thế giới.

Triết lý hoạt động: VietinBank luôn lấy AN TOÀN – HIỆU QUẢ – BỀN VỮNG là mục tiêu phát triển trong mọi thời kỳ, trên cơ sở thực hành tốt 3 triết lý hoạt động: Khách hàng là trung tâm, phát triển con người là then chốt, đổi mới sáng tạo là đột phá.

Giá trị cốt lõi: VietinBank là tập hợp những con người ưu tú, dám thách thức bản thân, vượt qua chính mình, sẵn sàng xông pha, cùng hợp lực, kiến tạo ra các giá trị mới, tiên phong vì khát vọng tầm cao mới. Hệ giá trị cốt lõi của con người VietinBank gồm 5 giá trị: Chính trực, trí tuệ, tận tâm, thấu cảm, thích ứng.

2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương (Vietinbank).

2.1.2.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương (Vietinbank).

– Ngày thành lập:

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam được thành lập vào ngày 26/3/1988, trên cơ sở tách ra từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Nghị định số 53/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng.

– Các giai đoạn xây dựng và phát triển:

- Giai đoạn 1: 1988 – 2013: Kiến tạo

Trong giai đoạn khởi đầu với nhiều khó khăn, VietinBank đã nỗ lực tập trung củng cố toàn diện các hệ thống nền tảng cơ bản để bảo đảm sự phát triển an toàn và bền vững khi tăng tốc, hướng đến việc thực hiện thành công kế hoạch niêm yết trên sàn chứng khoán vào năm 2009 và tìm kiếm đối tác chiến lược là MUFG Bank vào năm 2013.

- Giai đoạn 2: 2013 – 2020: Kiện toàn

Trong giai đoạn này, VietinBank tập trung cho mục tiêu nâng thước đo nội lực, gia tăng sức mạnh tài chính, củng cố các nền tảng quan trọng, sẵn sàng cho các bước phát triển vượt bậc trong tương lai.

- Giai đoạn 3: 2021 – nay: Chuyển đổi

Trên nền tảng vốn liên tục được củng cố, Ngân hàng tiếp tục chủ động đổi mới tư duy, nỗ lực thực hiện giải pháp điều hành linh hoạt, sáng tạo, đặc biệt thực hiện chuyển đổi số toàn diện nhằm hiện đại hóa SPDV, nâng cao năng lực quản trị điều hành, gia tăng năng suất lao động. Với tâm thế vững vàng của một doanh nghiệp trưởng thành, VietinBank tự tin tiến vào hành trình mới bứt phá vượt trội, hiện thực hóa tầm nhìn trở thành ngân hàng đa năng, hiện đại hàng đầu Việt Nam.

Trên hành trình phát triển, VietinBank khẳng định thương hiệu qua những sản phẩm, dịch vụ tài chính đa dạng và hiện đại; qua hình ảnh một ngân hàng luôn hướng tới lợi ích của khách hàng và quan tâm chia sẻ với cộng đồng, xã hội.

- Địa chỉ liên hệ:

Trụ sở chính: 108 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội, Việt Nam

- Hotline:

Trong nước: 1900 558 868/Quốc tế: +84 24 3941 8868

Khách hàng ưu tiên: 1800 558 866

Khách hàng doanh nghiệp: 1900 558 886

Email: contact@vietinbank.vn

Cổng thông tin Dịch vụ khách hàng: <https://contact.vietinbank.vn>

2.1.2.2. Giải thưởng và thành tựu.

Tự hào 8 lần liên tiếp là Thương hiệu Quốc gia Việt Nam: Năm 2024, VietinBank tiếp tục được vinh danh là doanh nghiệp có sản phẩm đạt Thương hiệu Quốc gia Việt Nam, đánh dấu lần thứ 8 liên tiếp VietinBank được bình chọn và vinh danh danh hiệu cao quý này. Là Thương hiệu Quốc gia Việt Nam, VietinBank sẽ tăng tốc triển khai các chủ điểm kinh doanh trọng tâm, quyết tâm hoàn thành xuất sắc các mục tiêu, kế hoạch kinh doanh đề ra, đóng góp tích cực vào sự phát triển của Ngành Ngân hàng và phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

4 năm liên tiếp là Ngân hàng SME tốt nhất Việt Nam: Chính phục Ban Giám khảo của The Asian Banker bằng chất lượng sản phẩm, dịch vụ và hiệu quả hoạt động xuất sắc, VietinBank 4 năm liên tiếp được tạp chí quốc tế uy tín này vinh danh là Ngân hàng SME tốt nhất Việt Nam. Giải thưởng này là minh chứng cho nỗ lực không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ doanh nghiệp SME của VietinBank.

9 năm liên tiếp là Ngân hàng bán lẻ tốt nhất Việt Nam: Liên tiếp trong nhiều năm qua, VietinBank đã vinh dự được các tổ chức đánh giá, xếp hạng trao các giải thưởng, danh hiệu xuất sắc trong các mảng kinh doanh bán lẻ. Trong số đó, VietinBank tiếp tục được Tạp chí Global Banking and Finance Review trao giải thưởng “Ngân hàng bán lẻ tốt nhất Việt Nam 2024”. Giải thưởng là sự ghi nhận và vinh danh thành tựu xuất sắc của VietinBank trong lĩnh vực bán lẻ, nhằm mang đến cho khách hàng các sản phẩm, dịch vụ vượt trội dựa trên sự am hiểu sâu sắc về hành trình trải nghiệm của khách hàng từ giai đoạn nhận thức đến mua hàng và giai đoạn chăm sóc sau bán hàng.

Giải thưởng Sao Khuê: VietinBank đạt 2 Giải thưởng Sao Khuê năm 2024 VietinBank có 2 sản phẩm, dịch vụ được vinh danh tại Giải thưởng Sao Khuê năm 2024 gồm: Dịch vụ Ngân hàng số dành cho khách hàng doanh nghiệp VietinBank eFAST và ứng dụng Ngân hàng số VietinBank iPay Mobile.

Ngân hàng cung cấp dịch vụ Ngoại hối tốt nhất Việt Nam: 6 năm liên tiếp VietinBank tự hào nhận Giải thưởng “Ngân hàng cung cấp Dịch vụ Ngoại hối tốt nhất Việt Nam” do tạp chí uy tín thế giới Global Finance công bố thường niên. Giải thưởng này là minh chứng cho cam kết của VietinBank không ngừng mang lại những dịch vụ tốt nhất, tiện ích tối đa đáp ứng nhanh chóng nhu cầu ngoại hối ngày càng cao và đa dạng từ khách hàng.

TOP 3 Financial Large Cap có hoạt động IR được Nhà đầu tư yêu thích nhất: Năm 2024, VietinBank tiếp tục được xướng tên tại hạng mục “Financial Large Cap có hoạt động IR được Nhà đầu tư yêu thích nhất”. Đây là lần thứ 3 và là năm thứ 2 liên tiếp VietinBank được vinh danh. Là doanh nghiệp niêm yết với số lượng cổ đông lớn, VietinBank luôn coi trọng xây dựng và phát triển mối quan hệ chặt chẽ, tốt đẹp với nhà đầu tư.

Giải thưởng là sự ghi nhận nỗ lực không ngừng trong công tác quan hệ nhà đầu tư, góp phần gia tăng giá trị thương hiệu VietinBank nói chung và cổ phiếu CTG nói riêng.

2.1.2.3. Ngành nghề kinh doanh.

- Sản phẩm và dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân:

Dịch vụ tiền gửi đa dạng với các gói: Tiết kiệm có kỳ hạn, tiết kiệm không kỳ hạn, tiết kiệm đa kỳ hạn, tiền gửi ưu đãi tỷ giá, tiết kiệm tích lũy, tiết kiệm trực tuyến.

Các sản phẩm thẻ: Cung cấp đa dạng các loại thẻ hỗ trợ khách hàng chi tiêu thuận tiện, đa dạng tiện ích và sản phẩm với nhiều ưu đãi. Các loại thẻ được phát hành tại VietinBank gồm có: Thẻ ghi nợ nội địa, thẻ tín dụng nội địa, thẻ ghi nợ Quốc tế, thẻ tín dụng Quốc tế, thẻ trả trước, thẻ đồng thương hiệu, Thẻ kết hợp.

Chuyển tiền kiều hối: Chuyển tiền từ nước ngoài về Việt Nam, chuyển tiền cá nhân từ Việt Nam đi nước ngoài, chuyển tiền của cá nhân trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam, chuyển tiền của cá nhân ở các quốc gia khác nhau và trong phạm vi lãnh thổ quốc gia, dịch vụ thu đổi ngoại tệ.

Cho vay: Với nhiều gói cho vay tiêu dùng và cho vay sản xuất kinh doanh như cho vay mua, xây dựng nhà ở, nhà dự án, cho vay mua ô tô, cho vay du học, cho vay tín chấp, cho vay cầm cố sổ tiết kiệm, vay thấu chi, cho vay sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ và siêu nhỏ, cho vay phát triển nông thôn, cho vay kinh doanh tại chợ, cho vay cầm cố sổ tiết kiệm/giấy tờ có giá...

Mua bán ngoại tệ, bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ, dịch vụ ngân hàng số internet banking và nhiều dịch vụ tài chính khác.

- Sản phẩm và dịch vụ dành cho khách hàng tổ chức:

Dịch vụ tiền gửi: Tiền gửi có kỳ hạn thông thường, tiền gửi ký quỹ, đầu tư tiền gửi có kỳ hạn tự động.

Dịch vụ cho vay: Cho vay đại lý kinh doanh ô tô, cho vay mua ô tô, cho vay kết hợp bảo hiểm, chương trình tín dụng Quốc tế, cho vay trung và dài hạn, cho vay ngắn hạn.

Thanh toán Quốc tế và tài trợ thương mại: Dành cho doanh nghiệp nhập khẩu, dành cho doanh nghiệp xuất khẩu, chuyển tiền ngoại tệ, tài trợ thương mại nội địa, bảo lãnh.

Thanh toán và quản lý dòng tiền, kinh doanh ngoại tệ và thị trường vốn, dịch vụ ngân hàng số internet banking cho doanh nghiệp, bảo hiểm phi nhân thọ.

2.1.3. Mạng lưới.

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) là một trong những ngân hàng thương mại hàng đầu tại Việt Nam, có mạng lưới rộng khắp trên cả nước và đang mở rộng hoạt động ra quốc tế.

2.1.3.1. Mạng lưới trong nước.

- Trụ sở chính: Đặt tại Hà Nội.
- Chi nhánh và phòng giao dịch:
 - + Hơn 150 chi nhánh trải dài trên 63 tỉnh, thành phố.
 - + Gần 1.000 phòng giao dịch cung cấp dịch vụ tài chính cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp.
- Hệ thống ATM và POS:
 - + Hơn 2.000 máy ATM trên cả nước.
 - + Hơn 23.000 máy POS hỗ trợ thanh toán không dùng tiền mặt.
- Các công ty con và đơn vị thành viên:
 - + Công ty TNHH Chứng khoán VietinBank (VietinBank Securities).
 - + Công ty TNHH Quản lý Quỹ VietinBank (VietinBank Capital).
 - + Công ty TNHH Bảo hiểm VietinBank (VBI).

2.1.3.2. Mạng lưới quốc tế.

- VietinBank là một trong số ít ngân hàng Việt Nam có chi nhánh ở nước ngoài, bao gồm:
 - + Chi nhánh tại Đức: Tại Frankfurt và Berlin.
 - + Chi nhánh tại Lào: Tại Viêng Chăn.
 - + Văn phòng đại diện tại Myanmar.

2.1.3.3. Liên kết và hợp tác quốc tế.

VietinBank có quan hệ với hơn 800 ngân hàng và tổ chức tài chính trên toàn thế giới. Thành viên của nhiều tổ chức tài chính quốc tế như SWIFT, VISA, Mastercard, JCB, UnionPay.

2.2. Tổng quan về Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương (Vietinbank) – Chi nhánh Hội An.

2.2.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương (Vietinbank) – Chi nhánh Hội An.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hội An được thành lập và hoạt động từ rất sớm. Từ sau 1975 đến tháng 7/1988, chi nhánh có tên gọi Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Thị xã Hội An. Trong giai đoạn này, ngành ngân hàng hoạt động theo mô hình Ngân hàng 1 cấp. Đến giai đoạn từ tháng 8/1988 đến tháng 9/2006, chi nhánh đổi tên thành Chi nhánh Ngân hàng Công Thương Thị xã Hội An. Thời kỳ này chi nhánh bắt đầu thực hiện theo mô hình Ngân hàng 2 cấp. Từ tháng 10/2006 đến nay, chi nhánh Ngân hàng Công Thương Thị xã Hội An được nâng cấp thành chi nhánh cấp 1 trực thuộc sự quản lý của Ngân hàng Công Thương Việt Nam theo quyết định 236/QĐ-HDQT-NHNN1 ngày 8/9/2006 của Hội đồng quản trị Ngân hàng Công Thương Việt Nam. Đến năm 2009, khi hệ thống Ngân hàng Công Thương bắt đầu cổ phần hóa thì chi nhánh đổi tên thành Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương – Chi nhánh Hội An.

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hội An là một ngân hàng TMCP hoạt động trên các mặt nghiệp vụ như cho vay, huy động vốn của các tổ chức và các tầng lớp dân cư, kinh doanh ngoại hối và các dịch vụ như thanh toán, chuyển tiền, dịch vụ thẻ,... đáp ứng các nhu cầu sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội trên địa bàn thành phố. Vietinbank Hội An là 1 trong 2 ngân hàng có mặt sớm nhất và lâu nhất trên địa bàn thành phố. Chi nhánh đã có lịch sử trên 30 năm tồn tại nên có ưu thế cạnh tranh lớn hơn những ngân hàng khác. Chi nhánh đã có được những khách hàng truyền thống có tình hình tài chính tốt, thu hút thêm những khách hàng mới trong khi không cần phải quảng bá mạnh như những ngân hàng khác vì chi nhánh đã có được uy tín từ rất sớm trong lòng người dân.

Chi nhánh VietinBank tại Hội An được thành lập để đáp ứng nhu cầu dịch vụ tài chính tại một thành phố phát triển mạnh mẽ về du lịch và kinh tế như thành phố Hội An.

Năm 2022, Vietinbank Hội An tiếp tục khẳng định vị thế của mình trong hệ thống ngân hàng tại khu vực miền Trung. Trong bối cảnh nền kinh tế phục hồi sau đại dịch COVID-19, VietinBank Hội An đã nỗ lực mở rộng hoạt động cho vay, đặc biệt là trong lĩnh vực du lịch và dịch vụ, nhằm đáp ứng nhu cầu tài chính của khách hàng. Chi nhánh đã triển khai nhiều sản phẩm và dịch vụ mới, cải tiến quy trình giao dịch để nâng cao trải nghiệm khách hàng. Cho đến năm 2023, chi nhánh đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật trong hoạt động kinh doanh. Doanh số cho vay và huy động vốn tăng trưởng mạnh mẽ, phản ánh sự tin tưởng của khách hàng đối với dịch vụ của ngân hàng. VietinBank Hội An cũng chú trọng đến việc nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng thông qua việc đào tạo nhân viên và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giao dịch.

Qua nhiều năm hoạt động, VietinBank Chi nhánh Hội An đã không ngừng mở rộng mạng lưới dịch vụ, nâng cao chất lượng phục vụ, và phát triển các sản phẩm tài chính đa dạng, phục vụ mọi đối tượng khách hàng. Nhờ vào sự nỗ lực không ngừng của đội ngũ nhân viên và sự hỗ trợ từ hệ thống ngân hàng VietinBank, chi nhánh đã khẳng định được vị thế của mình trên thị trường tài chính địa phương và góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế của thành phố Hội An.

Cho đến hiện nay, VietinBank Chi nhánh Hội An tiếp tục duy trì và phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng toàn diện, từ các dịch vụ tài chính cá nhân đến các giải pháp tài chính cho doanh nghiệp, đóng góp vào việc thúc đẩy sự phát triển bền vững của cộng đồng và nền kinh tế địa phương. VietinBank Chi nhánh Hội An là một điểm giao dịch quan trọng trong mạng lưới chi nhánh của ngân hàng tại khu vực miền Trung, đóng góp vào sự phát triển kinh tế địa phương và cung cấp dịch vụ tài chính tiện ích cho người dân cũng như doanh nghiệp.

Địa chỉ: Số 4 Hoàng Diệu, Tp. Hội An, Tỉnh Quảng Nam

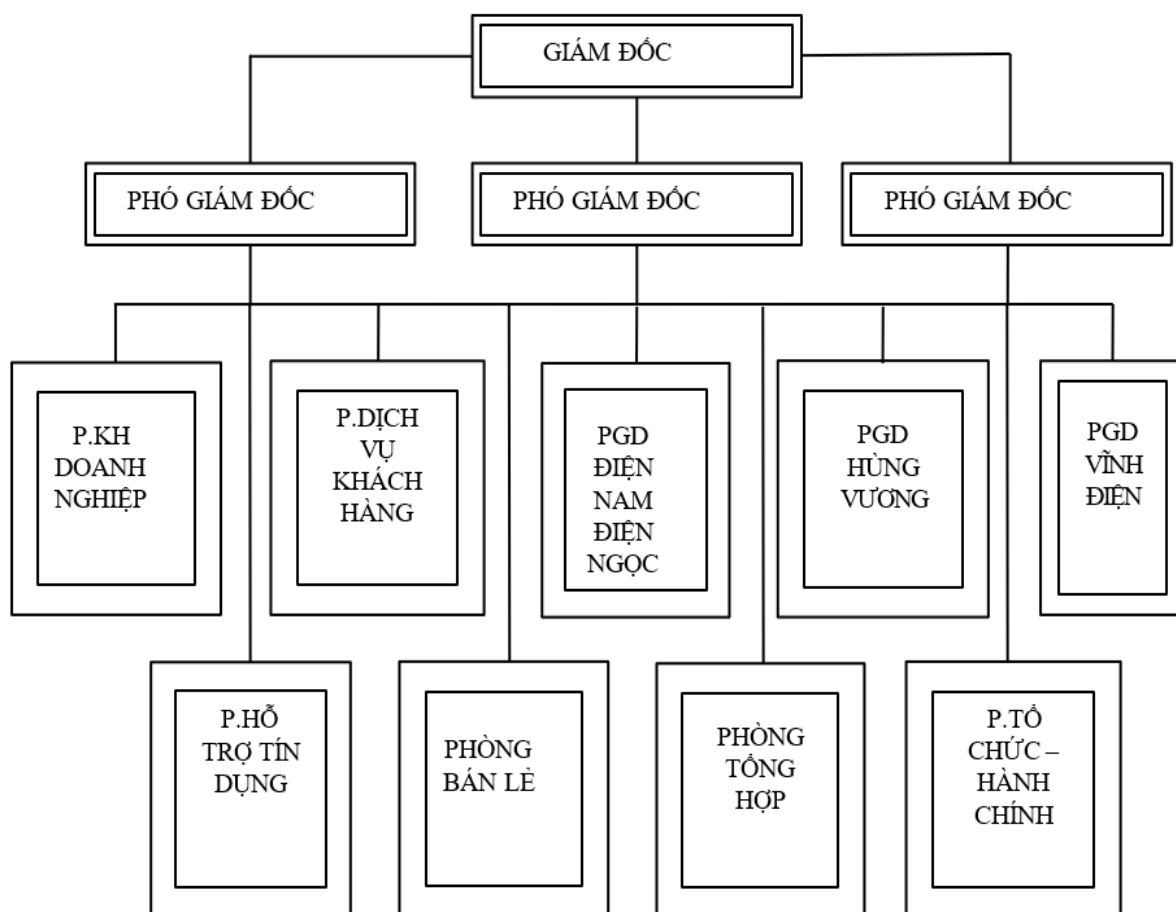
Số điện thoại: 023 5386 1802

Số Fax: 023 5386 1802

- PGD Hùng Vương: Số 9 Hùng Vương, TP. Hội An, T. Quảng Nam.
- PGD Vĩnh Điện: Số 124 Trần Nhân Tông, P. Vĩnh Điện, TX. Điện Bàn, T. Quảng Nam.
- PGD Điện Nam Điện Ngọc: Số 1056 Trần Hưng Đạo, P. Điện Ngọc, TX. Điện Bàn, T. Quảng Nam.

2.2.2. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương (Vietinbank) – Chi nhánh Hội An.

Hiện tại, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Hội An có 06 Phòng nghiệp vụ tại Hội sở Chi nhánh (Khách hàng doanh nghiệp, Bán lẻ, Dịch vụ khách hàng, Hỗ trợ tín dụng, Tổ chức hành chính, Tổng hợp) và 03 Phòng giao dịch.



Hình 1.2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của NH TMCP Công Thương – Chi nhánh Hội An.

Nguồn: Phòng Tổng hợp NH TMCP Công Thương – CN Hội An.

– Ban giám đốc:

Gồm 01 Giám đốc và 03 Phó giám đốc. Ban giám đốc có nhiệm vụ điều hành công việc của chi nhánh, đề ra mục tiêu, kế hoạch của chi nhánh và chỉ đạo hoạt động của chi nhánh. Trong đó, Giám đốc là người đại diện đứng đầu, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc NH TMCP Công Thương Việt Nam về mọi hoạt động kinh doanh và quản lý chi nhánh. Ba phó giám đốc được phân công phụ các các phòng, thực hiện theo ủy quyền của giám đốc và chịu trách nhiệm trước giám đốc về các quyết định và công việc của mình.

– Phòng khách hàng doanh nghiệp:

Đối tượng phục vụ là tất cả khách hàng pháp nhân có doanh thu thuần từ 20 tỷ trở lên. Phòng khách hàng doanh nghiệp có trách nhiệm nghiên cứu, xem xét thẩm tra đề trình cấp có thẩm quyền quyết định về các khoản vay ngắn hạn, trung và dài hạn, thực hiện các khoản bảo lãnh, thanh toán quốc tế và các hợp đồng mua bán ngoại tệ cho khách hàng pháp nhân; thực hiện công tác phát triển và chăm sóc khách hàng bao gồm các hoạt động tiếp thị sản phẩm tín dụng, bảo lãnh, thanh toán quốc tế với khách hàng pháp nhân, công tác điều tra thị trường về nhu cầu sản phẩm dịch vụ ngân hàng đối với

nhóm khách hàng này, thực hiện các chương trình chăm sóc khách hàng theo yêu cầu của Ban Tổng giám đốc và Ban Giám đốc chi nhánh.

- Phòng bán lẻ:

Giải quyết nhu cầu tín dụng đối với đối tượng khách hàng cá nhân và doanh nghiệp siêu vi mô (tức là các doanh nghiệp có Doanh thu thuần dưới 20 tỷ).

- Phòng dịch vụ khách hàng:

Là phòng nghiệp vụ thực hiện các giao dịch trực tiếp với khách hàng; các nghiệp vụ và các công việc liên quan đến công tác quản lý tài chính, chi tiêu nội bộ tại Chi nhánh; cung cấp các dịch vụ ngân hàng liên quan đến nghiệp vụ thanh toán, xử lý hạch toán các giao dịch, quản lý và chịu trách nhiệm với hệ thống giao dịch trên máy, quản lý quỹ tiền mặt đến từng giao dịch viên theo đúng quy định của Nhà nước và Ngân hàng Công Thương Việt Nam, thực hiện nhiệm vụ tư vấn cho khách hàng về sử dụng các sản phẩm chi nhánh.

- Phòng giao dịch:

Thực hiện chức năng huy động vốn, cho vay đối với cá nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ. Ngoài ra phòng giao dịch còn thực hiện một số công việc khác như giải đáp thắc mắc của khách hàng, mua bán ngoại tệ,... Hiện nay chi nhánh có 3 phòng giao dịch: PGD Hùng Vương, PGD Vĩnh Điện, PGD Điện Nam Điện Ngọc.

- Phòng Tổ chức – hành chính:

Thực hiện công tác quản lý, tổ chức cán bộ của chi nhánh, công việc mua sắm và thanh lý các tài sản của cơ quan phục vụ theo yêu cầu công tác của cơ quan, phân công lịch trực của đội ngũ bảo vệ, tự vệ và lịch trực đối với những ngày lễ, tết để đảm bảo an toàn về tiền bạc, tài sản của Nhà nước.

- Phòng Hỗ trợ tín dụng:

Chịu trách nhiệm rà soát, kiểm tra và giám sát sau quy trình cấp tín dụng tại Chi nhánh.

- Phòng Tổng hợp:

Chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo các số liệu về tình hình hoạt động kinh doanh của Chi nhánh, đầu mối triển khai các hoạt động quản lý chất lượng, quản lý rủi ro, tuân thủ, tham mưu cho Ban giám đốc thực hiện phân bổ chỉ tiêu kinh doanh cho các phòng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ kinh doanh của từng phòng.

2.2.3. Các sản phẩm và dịch vụ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần

Công Thương (Vietinbank) – Chi nhánh Hội An.

2.2.3.1. Khách hàng cá nhân.

- Tiền gửi và tiết kiệm:

+ Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn: VietinBank cung cấp các sản phẩm tiền gửi tiết kiệm với các kỳ hạn linh hoạt (từ 1 tuần đến 36 tháng) và lãi suất hấp dẫn, giúp khách hàng tích lũy và sinh lời an toàn.

+ Tiết kiệm online: Khách hàng có thể gửi tiết kiệm trực tuyến qua Internet Banking hoặc Mobile Banking, giúp tiết kiệm thời gian và thực hiện giao dịch mọi lúc, mọi nơi.

+ Tiết kiệm bậc thang: Sản phẩm này có mức lãi suất tăng dần theo thời gian gửi, giúp khách hàng nhận được lợi ích cao hơn từ số tiền gửi của mình.

– Các sản phẩm tín dụng (vay vốn):

+ Vay tiêu dùng: Các khoản vay tín chấp, vay tín dụng không cần tài sản đảm bảo để phục vụ nhu cầu tiêu dùng cá nhân như mua sắm, du lịch, sửa chữa nhà cửa, chữa bệnh, v.v.

+ Vay mua, xây, sửa chữa nhà ở: Dành cho khách hàng có nhu cầu vay vốn để mua nhà, đất hoặc xây dựng sửa chữa nhà ở, với mức vay linh hoạt và thời gian trả nợ dài hạn.

– Sản phẩm thẻ:

+ Thẻ tín dụng: Cho phép khách hàng thực hiện các giao dịch thanh toán, mua sắm, và rút tiền mặt với hạn mức tín dụng có sẵn.

+ Thẻ ghi nợ: Phát hành thẻ ghi nợ giúp khách hàng thanh toán hàng hóa, dịch vụ và rút tiền mặt từ tài khoản của mình.

– Ngân hàng điện tử:

+ Internet Banking (VietinBank iPay): Cho phép khách hàng thực hiện các giao dịch trực tuyến như chuyển tiền, thanh toán hóa đơn, nạp tiền điện thoại, kiểm tra số dư tài khoản, v.v.

– Dịch vụ chuyển tiền:

+ Chuyển tiền trong nước: Chuyển tiền nhanh chóng qua hệ thống VietinBank hoặc các ngân hàng khác trong nước.

+ Chuyển tiền quốc tế: Cung cấp dịch vụ chuyển tiền ra nước ngoài thông qua hệ thống Swift và các đối tác quốc tế, phục vụ nhu cầu chuyển tiền của khách hàng tại Hội An.

2.2.3.2. Khách hàng doanh nghiệp.

– Dịch vụ tín dụng doanh nghiệp:

+ Vay vốn ngắn hạn bổ sung vốn lưu động, vay kinh doanh trung và dài hạn, vay mua, xây, sửa chữa nhà, vay thấu chi doanh nghiệp, vay phục vụ hoạt động thương mại – dịch vụ.

– Dịch vụ ngân hàng điện tử cho doanh nghiệp:

+ VietinBank iPay Business: Dịch vụ ngân hàng điện tử chuyên biệt cho các doanh nghiệp, giúp quản lý tài chính doanh nghiệp, chuyển tiền, thanh toán hóa đơn và theo dõi các giao dịch trực tuyến một cách nhanh chóng, an toàn.

- Thanh toán và chuyển tiền doanh nghiệp: Thanh toán hóa đơn và thu hộ, dịch vụ chuyển tiền quốc tế.
- Dịch vụ bảo lãnh: VietinBank cung cấp dịch vụ bảo lãnh cho các doanh nghiệp khi ký kết hợp đồng, giúp các doanh nghiệp bảo vệ quyền lợi và giảm thiểu rủi ro tài chính trong các giao dịch thương mại.
- Quản lý dòng tiền doanh nghiệp:

+ Dịch vụ quản lý dòng tiền: Cung cấp các giải pháp quản lý dòng tiền cho doanh nghiệp, bao gồm dịch vụ thu hộ, chi hộ và quản lý tài khoản doanh nghiệp để tối ưu hóa hiệu quả tài chính và giảm thiểu chi phí.

2.2.3.3. Các dịch vụ khác.

- Chuyển tiền nhanh (VietinBank Fast): Dịch vụ chuyển tiền trong và ngoài hệ thống ngân hàng với thời gian xử lý nhanh chóng và an toàn.
- Bảo hiểm: VietinBank cung cấp các sản phẩm bảo hiểm qua hợp tác với các công ty bảo hiểm để bảo vệ tài sản và sức khỏe của khách hàng.
- Dịch vụ đối ngoại tệ: Chi nhánh cung cấp dịch vụ đối ngoại tệ cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp có nhu cầu đi du lịch, công tác, hay thực hiện giao dịch quốc tế.

2.2.4. Tình hình hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương (Vietinbank) – Chi nhánh Hội An trong giai đoạn 2022 – 2024.

2.2.4.1. Tình hình hoạt động huy động vốn của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương (Vietinbank) – Chi nhánh Hội An (2022 – 2024).

Hoạt động huy động vốn đóng vai trò cốt lõi trong chiến lược kinh doanh của các ngân hàng thương mại, giúp đảm bảo nguồn lực tài chính để cho vay và phát triển các dịch vụ khác. Trong giai đoạn 2022 – 2024, VietinBank – Chi nhánh Hội An đã triển khai nhiều giải pháp nhằm thu hút nguồn vốn từ khách hàng cá nhân và tổ chức, thông qua việc đa dạng hóa sản phẩm tiền gửi, nâng cao chất lượng dịch vụ và áp dụng chính sách lãi suất linh hoạt theo diễn biến thị trường.

Nhờ những nỗ lực này, tổng nguồn vốn huy động của chi nhánh có sự tăng trưởng qua từng năm, phản ánh niềm tin của khách hàng cũng như khả năng mở rộng thị phần của ngân hàng. Tuy nhiên, bên cạnh sự tăng trưởng tích cực, hoạt động huy động vốn cũng chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố như biến động lãi suất, cạnh tranh từ các ngân hàng khác và xu hướng dịch chuyển dòng tiền trong nền kinh tế.

Để đánh giá cụ thể hơn về kết quả huy động vốn của VietinBank – Chi nhánh Hội An trong giai đoạn 2022 – 2024, bảng số liệu dưới đây sẽ cung cấp thông tin chi tiết về tổng vốn huy động, cơ cấu các nguồn huy động và mức độ tăng trưởng qua từng năm.

Bảng 2.1. Tình hình hoạt động huy động vốn của Vietinbank – Chi nhánh Hội An (2022 – 2024) (ĐVT: Triệu đồng)

CHỈ TIÊU	2022		2023		2024		Chênh lệch			
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	2023/2022		2024/2023	
							Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
TGKKH	302.141	15,08%	451.421	16,79%	621.054	17,78%	149.280	49,41%	169.633	37,58%
Cá nhân	100.278	5,01%	150.257	5,59%	225.215	6,45%	49.979	49,84%	74.958	49,89%
Doanh nghiệp	201.863	10,08%	301.164	11,20%	395.839	11,33%	99.301	49,19%	94.675	31,44%
TGCKH <12 tháng	1.693.930	84,55%	2.229.850	82,92%	2.863.036	81,97%	535.920	31,64%	633.186	28,40%
Cá nhân	1.551.689	77,45%	2.026.832	75,37%	2.531.126	72,47%	475.143	30,62%	504.294	24,88%
Doanh nghiệp	142.241	7,10%	203.018	7,55%	331.910	9,50%	60.777	42,73%	128.892	63,49%
TGCKH >=12 tháng	7.452	0,37%	7.992	0,30%	8.520	0,24%	540	7,25%	528	6,61%
Cá nhân	2.025	0,10%	2.224	0,08%	2.304	0,07%	199	9,83%	80	3,60%
Doanh nghiệp	5.427	0,27%	5.768	0,21%	6.216	0,18%	341	6,28%	448	7,77%
Tổng	2.003.523	100,00%	2.689.263	100,00%	3.492.610	100,00%	685.740	34,23%	803.347	29,87%

Nguồn: Phòng Tổng hợp NH TMCP Công Thương – CN Hội An.

Giai đoạn 2022 – 2024 chứng kiến sự mở rộng đáng kể trong hoạt động huy động vốn của VietinBank – Chi nhánh Hội An. Sự gia tăng liên tục về quy mô nguồn vốn thể hiện kết quả của các chính sách thu hút khách hàng, đồng thời phản ánh niềm tin ngày càng lớn của cá nhân và doanh nghiệp đối với chi nhánh. Xét tổng thể, lượng vốn huy động có sự tăng trưởng ổn định qua từng năm. Nếu năm 2022, tổng huy động đạt 2.003.523 triệu đồng, thì sang năm 2023, con số này tăng lên 2.689.263 triệu đồng, tương đương mức tăng 34,23%. Đến năm 2024, tổng vốn tiếp tục mở rộng, đạt 3.492.610 triệu đồng, tăng thêm 29,87% so với năm trước, con số này có được là nhờ chi nhánh tiếp tục duy trì chính sách lãi suất cạnh tranh, đẩy mạnh dịch vụ ngân hàng số và tận dụng hiệu quả các cơ hội từ dòng vốn tạm thời của doanh nghiệp trong khu vực phục hồi kinh doanh sau dịch COVID-19.

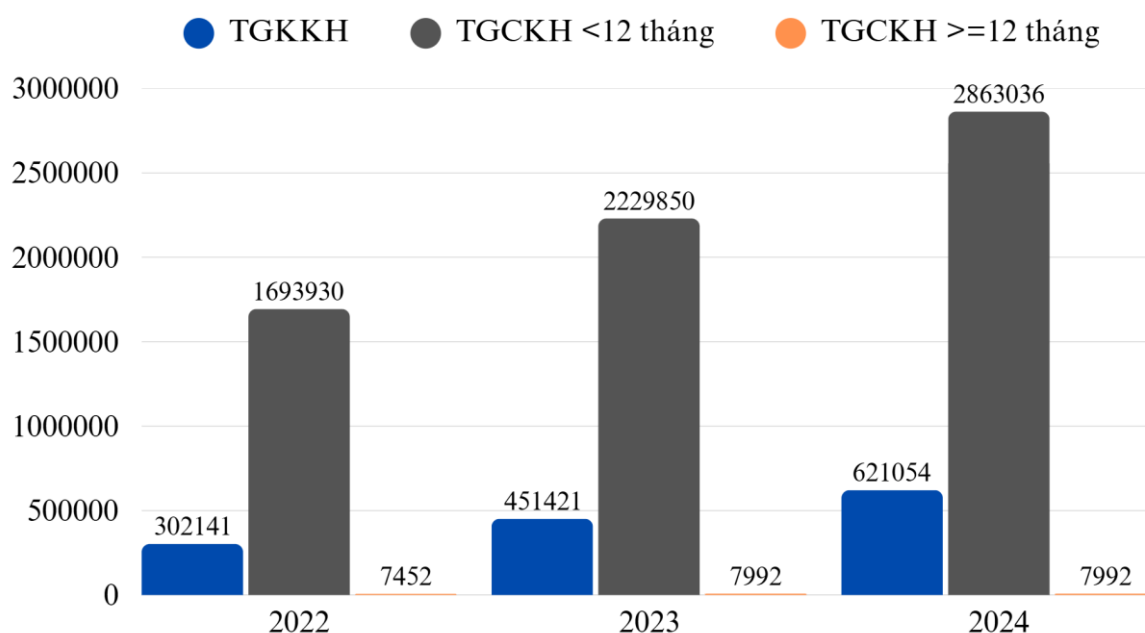
Trong cơ cấu huy động vốn, TGKKH có xu hướng tăng mạnh qua các năm. Từ mức 302.141 triệu đồng vào năm 2022, TGKKH tăng lên 451.421 triệu đồng vào năm 2023 (tăng 49,41%), và tiếp tục đạt 621.054 triệu đồng trong năm 2024 (tăng 37,58%). Sự tăng trưởng này đến từ việc chi nhánh đẩy mạnh phát triển các dịch vụ ngân hàng số, miễn phí giao dịch, đồng thời khuyến khích khách hàng duy trì số dư tài khoản thanh toán để giao dịch tiện lợi hơn. Cả khách hàng cá nhân và doanh nghiệp đều có xu hướng để lại tiền trong tài khoản để phục vụ thanh toán, góp phần làm tăng quy mô TGKKH.

TGCKH <12 tháng vẫn là nguồn huy động chủ yếu, dù tỷ trọng chênh lệch có dấu hiệu giảm nhẹ, cụ thể, nhóm này đạt 1.693.930 triệu đồng vào năm 2022, tăng lên 2.229.850 triệu đồng năm 2023 (tăng 31,64%) và tiếp tục đạt 2.863.036 triệu đồng năm 2024 (tăng 28,40%). Đây là hình thức được nhiều khách hàng lựa chọn vì lãi suất ngắn hạn ở mức hợp lý, tạo động lực để khách hàng gửi tiết kiệm ngắn hạn, đồng thời chi nhánh đẩy mạnh các gói sản phẩm linh hoạt và tổ chức các chương trình huy động vốn theo kỳ hạn ngắn với quà tặng và khuyến mãi đi kèm. Ngoài ra, trong bối cảnh kinh tế còn nhiều biến động, người gửi thường có tâm lý chọn kỳ hạn ngắn cho an toàn, dễ xoay vòng vốn nếu cần thiết.

TGCKH $\geq$ 12 tháng tuy chỉ chiếm một phần nhỏ trong tổng vốn huy động nhưng vẫn có sự cải thiện đáng kể. Năm 2022, nhóm này đạt 7.452 triệu đồng, tăng lên 7.992 triệu đồng vào năm 2023 (tăng 7,25%) và tiếp tục đạt 8.520 triệu đồng năm 2024 (tăng 6,61%). Nguyên nhân là do mức lãi suất giữa kỳ hạn dài và ngắn không chênh lệch nhiều, nên không đủ hấp dẫn để khách hàng khóa vốn dài hạn, nhiều người vẫn lo ngại rủi ro lạm phát và có xu hướng giữ tiền ở kỳ hạn ngắn để linh hoạt hơn trong đầu tư và chi tiêu, trong đó vẫn còn một số khách hàng có xu hướng gửi tiền dài hạn nhằm hưởng lãi suất cao hơn, giúp chi nhánh đảm bảo nguồn vốn ổn định.

Sự mở rộng của cả tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn cho thấy chi nhánh đã áp dụng các chiến lược hợp lý để thu hút nguồn tiền nhàn rỗi từ khách hàng. Mặc dù tiền

gửi kỳ hạn ngắn vẫn chiếm tỷ trọng lớn, chi nhánh có thể tiếp tục điều chỉnh các chính sách để khuyến khích khách hàng gửi tiền dài hạn hơn, góp phần nâng cao sự ổn định và phát triển bền vững trong những năm tới. Biểu đồ 2.1 sau đây sẽ thể hiện tình hình huy động vốn tại VietinBank – Chi nhánh Hội An trong giai đoạn 2022 – 2024, bao gồm ba loại hình huy động chính TGKKH, TGCKH <12 tháng, và TGCKH ≥12 tháng.



Biểu đồ 2.1. Biểu đồ tình hình hoạt động huy động vốn của Vietinbank – Chi nhánh Hội An (2022 – 2024) (ĐVT: Triệu đồng)

Nguồn: Phòng Tổng hợp NH TMCP Công Thương – CN Hội An.

Biểu đồ có sự chênh lệch rõ rệt về chiều cao, phản ánh sự khác biệt đáng kể trong cơ cấu huy động vốn của VietinBank – Chi nhánh Hội An. Đáng chú ý, nhóm TGCKH <12 tháng luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất và có sự tăng trưởng mạnh qua từng năm. Điều này cho thấy đây là loại hình huy động vốn chủ yếu của chi nhánh, đồng thời phản ánh xu hướng khách hàng ưa chuộng gửi tiền trong ngắn hạn để linh hoạt hơn trong việc sử dụng vốn.

Nhóm TGKKH cũng có xu hướng gia tăng đáng kể nhưng vẫn ở mức thấp hơn nhiều so với TGCKH <12 tháng. Điều này cho thấy sự gia tăng nhu cầu sử dụng tài khoản thanh toán, phản ánh hoạt động giao dịch và thanh toán của khách hàng cá nhân và doanh nghiệp đang có xu hướng phát triển. Ngược lại, nhóm TGCKH ≥12 tháng có chiều cao thấp nhất và ít biến động qua các năm. Điều này cho thấy chi nhánh chưa thu hút mạnh được nguồn vốn dài hạn, có thể do mức lãi suất chưa đủ hấp dẫn hoặc khách hàng vẫn có tâm lý ưu tiên gửi tiền ngắn hạn hơn là dài hạn. Biểu đồ cho thấy VietinBank – Chi nhánh Hội An đang tập trung huy động vốn chủ yếu từ nguồn tiền gửi ngắn hạn, trong khi tiền gửi dài hạn vẫn chưa có sự bứt phá đáng kể.

2.2.4.2. Tình hình hoạt động cho vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương (Vietinbank) – Chi nhánh Hội An (2022 – 2024).

Hoạt động cho vay đóng vai trò cốt lõi trong chiến lược kinh doanh của VietinBank – Chi nhánh Hội An, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đáp ứng nhu cầu vốn của cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn. Trong giai đoạn 2022 – 2024, chi nhánh không ngừng mở rộng danh mục cho vay, tối ưu hóa quy trình giải ngân, đồng thời áp dụng các chính sách lãi suất linh hoạt nhằm nâng cao khả năng tiếp cận vốn của khách hàng. Những nỗ lực này đã giúp chi nhánh duy trì mức tăng trưởng ổn định, đảm bảo chất lượng cho vay và kiểm soát rủi ro hiệu quả.

Sự biến động của nền kinh tế cùng những thay đổi trong chính sách tiền tệ đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động cho vay. Tuy nhiên, VietinBank – Chi nhánh Hội An đã chủ động thích ứng, triển khai nhiều giải pháp hỗ trợ khách hàng, từ việc mở rộng các gói cho vay ưu đãi đến tăng cường kiểm soát chất lượng khoản vay. Nhờ vậy, dư nợ cho vay liên tục gia tăng qua các năm, phản ánh sự phát triển bền vững của chi nhánh trong lĩnh vực cho vay. Việc phân tích các chỉ tiêu về doanh số cho vay, doanh số thu nợ, tổng dư nợ và tỷ lệ nợ xấu sẽ giúp đánh giá toàn diện hơn về nâng cao hoạt động cho vay của chi nhánh trong thời gian qua. Sau đây là bảng số liệu phản ánh các chỉ tiêu cho vay của chi nhánh trong 3 năm vừa qua.

Bảng 2.2. Tình hình hoạt động cho vay của Vietinbank – Chi nhánh Hội An (2022 – 2024) (ĐVT: Triệu đồng)

CHỈ TIÊU	2022		2023		2024		Chênh lệch			
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	2023/2022		2024/2023	
							Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Doanh số cho vay	7.699.978	100,00%	8.155.586	100,00%	8.558.792	100,00%	455.608	5,92%	403.206	4,94%
Ngắn hạn	3.752.458	48,73%	4.525.464	55,49%	4.458.555	52,09%	773.006	20,60%	- 66.909	-1,48%
Trung, dài hạn	3.947.520	51,27%	3.630.122	44,51%	4.100.237	47,91%	- 317.398	- 8,04%	470.115	12,95%
Doanh số thu nợ	6.236.967	100,00%	7.654.999	100,00%	7.753.811	100,00%	1.418.032	22,74%	98.812	1,29%
Ngắn hạn	3.752.458	60,16%	3.358.602	43,87%	4.018.946	51,83%	- 393.856	- 10,50%	660.344	19,66%
Trung, dài hạn	2.484.509	39,84%	4.296.397	56,13%	3.734.865	48,17%	1.811.888	72,93%	- 561.532	- 13,07%
Tổng dư nợ	8.890.789	100,00%	9.391.376	100,00%	10.196.357	100,00%	500.587	5,63%	804.981	8,57%
Ngắn hạn	2.363.596	26,58%	3.530.459	37,59%	3.970.068	38,94%	1.166.863	49,37%	439.609	12,45%
Trung, dài hạn	6.527.193	73,42%	5.860.917	62,41%	6.226.289	61,06%	- 666.276	- 10,21%	365.372	6,23%
Nợ xấu	22.532	100,00%	62.531	100,00%	70.035	100,00%	39.999	177,52%	7.504	12,00%
Ngắn hạn	8.254	36,63%	11.259	18,01%	15.085	21,54%	3.005	36,41%	3.826	33,98%
Trung, dài hạn	14.278	63,37%	51.272	81,99%	54.950	78,46%	36.994	259,10%	3.678	7,17%
Tỷ lệ nợ xấu	0,25%		0,67%		0,69%		0,41%		0,02%	
Ngắn hạn	0,09%		0,12%		0,15%		0,03%		0,03%	
Trung, dài hạn	0,16%		0,55%		0,54%		0,39%		- 0,01%	

Nguồn: Phòng Tổng hợp NH TMCP Công Thương – CN Hội An.

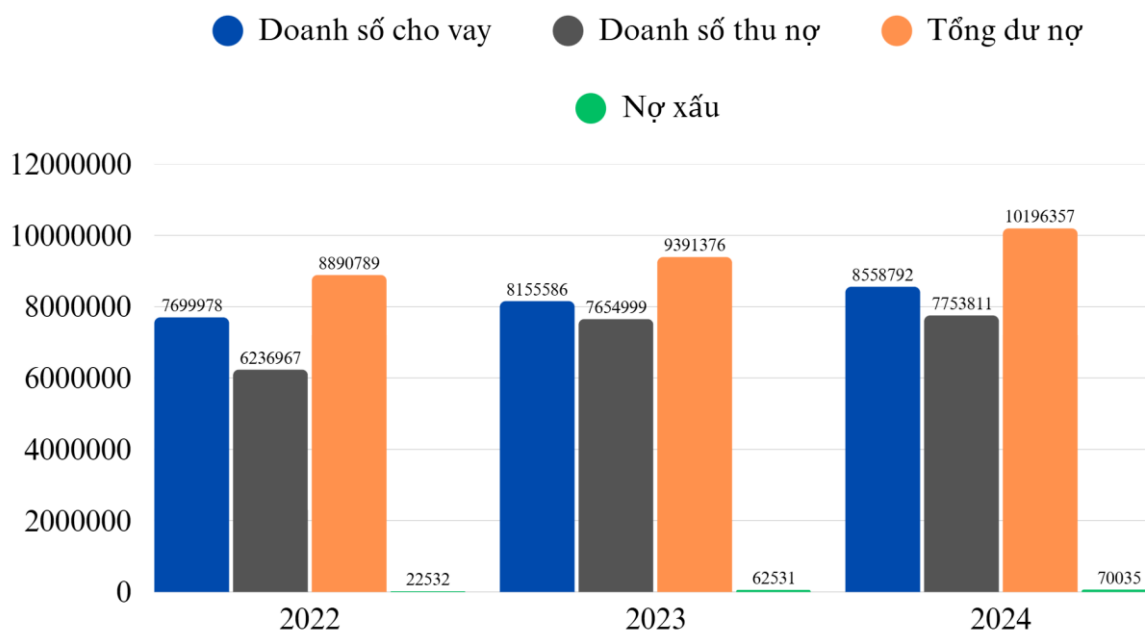
Hoạt động cho vay tại chi nhánh trong ba năm qua đã ghi nhận mức tăng qua từng năm, tổng doanh số cho vay năm 2023 đạt 8.155.586 triệu đồng, tăng 5,92% so với năm 2022. Sang năm 2024, con số này tiếp tục tăng lên 8.558.792 triệu đồng, với mức tăng 4,94%. Mức tăng mỗi năm phản ánh khả năng duy trì và mở rộng cho vay ở mức hợp lý, phù hợp với nhu cầu thực tế tại địa phương. Trong bối cảnh phục hồi kinh tế sau đại dịch, hoạt động sản xuất – kinh doanh bắt đầu sôi động trở lại, nhu cầu vốn từ cả cá nhân và doanh nghiệp đều tăng. Ngoài ra, VietinBank – Chi nhánh Hội An đã tập trung đẩy mạnh các gói vay ưu đãi, hỗ trợ tiếp cận vốn linh hoạt hơn cũng giúp khách hàng có thêm động lực vay vốn.

Khả năng thu hồi nợ của chi nhánh có những dấu hiệu tích cực khi tổng doanh số thu nợ năm 2023 đạt 7.654.999 triệu đồng, tăng mạnh 22,74% so với năm trước do trong năm 2023, chi nhánh đã thu hồi hiệu quả các khoản vay trung, dài hạn đến hạn với mức tăng 72,93%, phản ánh sự cải thiện trong chất lượng tín dụng và khả năng trả nợ của khách hàng. Ngoài ra, nền kinh tế phục hồi sau đại dịch đã giúp nhiều doanh nghiệp có dòng tiền ổn định, tạo điều kiện để tất toán các khoản vay đúng hạn. Tuy nhiên, mức tăng trong năm 2024 chỉ đạt 1,29%, sự chững lại trong việc thu hồi các khoản vay phần nào phản ánh việc khoản thu từ vay trung, dài hạn trong năm 2024 giảm mạnh -13,07%, trong khi khoản thu từ ngắn hạn tăng nhưng chưa đủ bù đắp. Nhiều khoản vay trung, dài hạn phát sinh trong năm 2023 chưa đến kỳ thu, dẫn đến thiếu hụt nguồn thu trong năm 2024. Bên cạnh đó, một số khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn hoặc khách hàng gặp khó khăn tài chính, khiến tốc độ thu hồi vốn chậm lại.

Dư nợ tại chi nhánh liên tục tăng trong ba năm, từ 8.890.789 triệu đồng năm 2022 lên 9.391.376 triệu đồng năm 2023 (tăng 5,63%) và tiếp tục đạt 10.196.357 triệu đồng vào năm 2024 (tăng 8,57%). Điều này cho thấy quy mô cho vay ngày càng mở rộng, đồng thời phản ánh niềm tin của khách hàng đối với VietinBank. Dư nợ cho vay tăng là do nhu cầu vay vốn phục hồi sau dịch COVID – 19, kết hợp với chính sách cho vay linh hoạt và các gói vay ưu đãi từ chi nhánh. Đồng thời, VietinBank – Chi nhánh Hội An đã đẩy mạnh mở rộng mạng lưới khách hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo niềm tin và thu hút nhiều khách vay mới.

Mặc dù hoạt động cho vay mở rộng, vấn đề kiểm soát chất lượng cho vay vẫn là một thách thức. Tổng nợ xấu năm 2023 tăng mạnh lên 62.531 triệu đồng, cao hơn 177,52% so với năm 2022, nguyên nhân dẫn đến sự gia tăng này chủ yếu do tác động kéo dài của dịch bệnh, khó khăn trong một số ngành như du lịch, bất động sản cũng ảnh hưởng đến khả năng trả nợ đúng hạn. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng đã được kiểm soát tốt hơn vào năm 2024 (tăng 12%) nhờ điều kiện kinh doanh của một số nhóm khách hàng được cải thiện nhẹ, giúp giảm áp lực gia tăng nợ xấu mới và công tác cho vay phần nào được nghiêm ngặt hơn.

Tổng nợ xấu có xu hướng gia tăng nhưng tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ vẫn được kiểm soát tốt, dao động quanh mức 0,67% năm 2023 và 0,69% năm 2024. Điều này cho thấy VietinBank đã có các biện pháp quản lý rủi ro cho vay hợp lý, giúp hạn chế tác động tiêu cực từ nợ xấu. Doanh số cho vay và dư nợ đều tăng, cho thấy chi nhánh đã mở rộng danh mục cho vay và đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng. Tuy nhiên, sự sụt giảm trong doanh số thu nợ và xu hướng gia tăng nợ xấu cũng là những thách thức cần được quan tâm. Biểu đồ dưới đây sẽ cho thấy cái nhìn tổng quan về tình hình cho vay của Vietinbank – Chi nhánh Hội An trong 3 năm gần nhất.



Biểu đồ 2.2. Biểu đồ tình hình hoạt động cho vay của Vietinbank – Chi nhánh Hội An (2022 – 2024) (ĐVT: Triệu đồng)

Nguồn: Phòng Tổng hợp NH TMCP Công Thương – CN Hội An.

Các chỉ tiêu gồm doanh số cho vay, doanh số thu nợ, tổng dư nợ và nợ xấu đều có sự thay đổi đáng kể qua từng năm, cho thấy sự mở rộng quy mô hoạt động cho vay cũng như những thách thức trong việc kiểm soát rủi ro. Tổng dư nợ là chỉ tiêu có giá trị cao nhất và liên tục gia tăng, cho thấy chi nhánh đang mở rộng danh mục cho vay, cung cấp nguồn vốn lớn cho khách hàng. Điều này phản ánh nhu cầu vay vốn ngày càng cao của các cá nhân và doanh nghiệp, đồng thời khẳng định vai trò quan trọng của chi nhánh trong việc hỗ trợ tăng trưởng kinh tế địa phương. Doanh số cho vay cũng tăng trưởng theo thời gian nhưng vẫn thấp hơn tổng dư nợ, cho thấy chi nhánh không chỉ tập trung vào việc cho vay mới mà còn duy trì dư nợ từ các khoản vay trước đó.

Doanh số thu nợ cũng có sự cải thiện đáng kể, chứng tỏ chi nhánh đang thực hiện tốt công tác thu hồi vốn, đảm bảo dòng tiền luân chuyển hiệu quả. Việc thu nợ ổn định giúp chi nhánh giảm thiểu rủi ro mất vốn và tạo điều kiện thuận lợi để tiếp tục mở rộng hoạt động cho vay, tuy nhiên, nợ xấu có xu hướng tăng dần qua các năm. Mặc dù giá trị

của khoản mục này vẫn ở mức thấp so với tổng dư nợ, nhưng sự gia tăng liên tục cho thấy chi nhánh cần có những biện pháp kiểm soát rủi ro chặt chẽ hơn để hạn chế tình trạng nợ quá hạn hoặc khó đòi.

2.2.4.3. Kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương (Vietinbank) – Chi nhánh Hội An (2022 – 2024).

Giai đoạn 2022 – 2024 đánh dấu quá trình phát triển ổn định của VietinBank – Chi nhánh Hội An, thể hiện qua sự tăng trưởng đồng đều về doanh thu, kiểm soát chi phí hợp lý và cải thiện lợi nhuận qua từng năm. Nhờ chiến lược kinh doanh linh hoạt, chi nhánh đã tận dụng hiệu quả các nguồn lực, mở rộng danh mục sản phẩm, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng nhu cầu khách hàng ngày càng đa dạng.

Bên cạnh việc duy trì nguồn thu từ hoạt động cho vay, chi nhánh cũng chú trọng phát triển các dịch vụ phi cho vay nhằm đa dạng hóa nguồn thu và giảm sự phụ thuộc vào lãi vay. Dù đối mặt với nhiều biến động của thị trường tài chính và áp lực cạnh tranh từ các ngân hàng khác, VietinBank – Chi nhánh Hội An vẫn giữ vững đà tăng trưởng, đảm bảo hiệu quả hoạt động. Việc phân tích kết quả kinh doanh trong ba năm 2022 – 2024 không chỉ giúp đánh giá chính xác tình hình tài chính mà còn làm rõ những cơ hội cũng như thách thức mà chi nhánh đang đối diện. Từ đó, chi nhánh có thể đưa ra những điều chỉnh phù hợp để tiếp tục phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

Bảng 2.3. Kết quả hoạt động kinh doanh của Vietinbank – Chi nhánh Hội An (2022 – 2024) (ĐVT: Triệu đồng)

CHỈ TIÊU	2022		2023		2024		Chênh lệch			
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	2023/2022		2024/2023	
							Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Tổng thu nhập	1.945.590	100,00%	2.319.971	100,00%	2.537.852	100,00%	374.381	19,24%	217.881	9,39%
Thu lãi	1.701.031	87,43%	2.087.976	90,00%	2.284.068	90,00%	386.945	22,75%	196.092	9,39%
Thu từ dịch vụ	196.191	10,08%	202.398	8,72%	227.706	8,97%	6.207	3,16%	25.308	12,50%
Thu khác	48.368	2,49%	29.597	1,28%	26.078	1,03%	- 18.771	- 38,81%	- 3.519	- 11,89%
Tổng chi phí	1.836.803	100,00%	2.204.936	100,00%	2.408.544	94,90%	368.133	20,04%	203.608	9,23%
Chi trả lãi	1.653.003	89,99%	1.984.443	90,00%	2.187.201	86,18%	331.440	20,05%	202.758	10,22%
Chi hoạt động, dịch vụ	166.545	9,07%	197.555	8,96%	200.258	7,89%	31.010	18,62%	2.703	1,37%
Chi phí khác	17.255	0,94%	22.938	1,04%	21.085	0,83%	5.683	32,94%	- 1.853	- 8,08%
Lợi nhuận	108.787		115.035		129.308		6.248	5,74%	14.273	12,41%

Nguồn: Phòng Tổng hợp NH TMCP Công Thương – CN Hội An.

Tổng thu nhập của VietinBank – Chi nhánh Hội An có sự gia tăng rõ rệt qua từng năm. Năm 2022, tổng thu nhập đạt 1.945.590 triệu đồng. Đến năm 2023, con số này tăng lên 2.319.971 triệu đồng, tương ứng mức tăng 19,24%, đà tăng này chủ yếu là kết quả của việc mở rộng quy mô cho vay, đẩy mạnh giải ngân các khoản vay trung và dài hạn, cũng như nâng cao hiệu quả khai thác khách hàng cá nhân và doanh nghiệp. Sang năm 2024, thu nhập tiếp tục tăng lên 2.537.852 triệu đồng, tức tăng thêm 9,39% so với năm 2023, đây là mức tăng phản ánh nỗ lực duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định và gia tăng thu nhập từ các khoản cho vay đã phát sinh lãi trong năm trước.

Xét về cơ cấu thu nhập, thu lãi từ hoạt động cho vay vẫn là nguồn thu chính, chiếm 87,43% năm 2022, tăng lên 90% vào năm 2023 và duy trì tỷ trọng tương tự vào năm 2024. Điều này phản ánh vai trò chủ đạo của hoạt động cho vay trong chiến lược kinh doanh của chi nhánh. Trong khi đó, thu nhập từ dịch vụ cũng có sự điều chỉnh nhẹ qua từng năm, khoản thu này chiếm 10,08% vào năm 2022, giảm xuống 8,72% năm 2023 do nhu cầu sử dụng dịch vụ ngoài cho vay như bảo lãnh, chuyển tiền quốc tế hoặc thanh toán giảm nhẹ trong bối cảnh người dân và doanh nghiệp cắt giảm chi phí vận hành nhưng đến năm 2024 lại tăng lên 8,97%, cho thấy chi nhánh đang từng bước mở rộng dịch vụ số, như ngân hàng điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, từ đó thu hút thêm khách hàng và cải thiện nguồn thu này. Ngược lại, thu nhập từ các nguồn khác có xu hướng giảm mạnh, từ 48.368 triệu đồng năm 2022 xuống còn 26.078 triệu đồng vào năm 2024. Đây là dấu hiệu cho thấy sự suy giảm của một số khoản thu không thường xuyên chẳng hạn như lãi đầu tư, chênh lệch tỷ giá hoặc thanh lý tài sản, đồng thời chi nhánh chủ động giảm phụ thuộc vào các khoản thu không ổn định và nhấn mạnh sự cần thiết của việc phát triển thêm các nguồn doanh thu ổn định hơn.

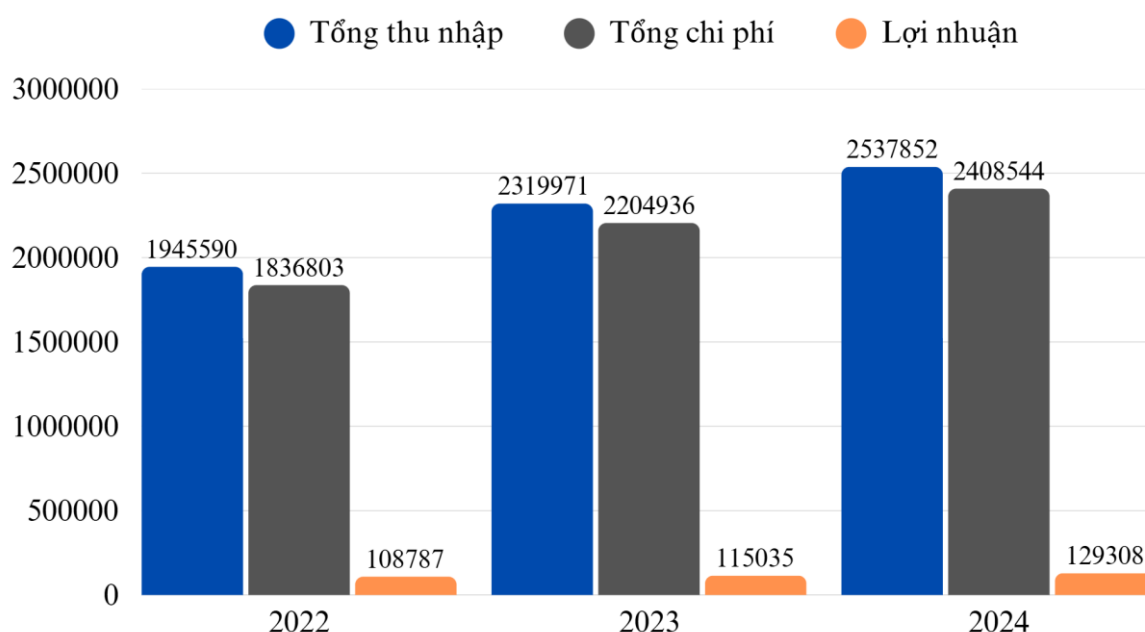
Song song với sự gia tăng doanh thu, tổng chi phí hoạt động cũng tăng lên qua các năm, nhưng mức độ kiểm soát tương đối tốt. Năm 2022, tổng chi phí của chi nhánh đạt 1.836.803 triệu đồng, tăng lên 2.204.936 triệu đồng vào năm 2023, tức tăng 20,04%, chi phí tăng mạnh do chi nhánh đẩy mạnh hoạt động cho vay, đồng thời phải gia tăng chi phí huy động vốn và đầu tư vào hạ tầng công nghệ, nhân sự để mở rộng quy mô hoạt động. Đến năm 2024, tổng chi phí tiếp tục tăng lên 2.408.544 triệu đồng, tương đương mức tăng 9,23% so với năm 2023, tốc độ tăng chi phí chậm lại là nhờ các biện pháp tiết giảm chi phí vận hành, tái cấu trúc danh mục vốn và tăng cường quản lý chi phí nội bộ, trong đó, chi trả lãi tiếp tục chiếm tỷ trọng cao nhất, cho thấy sự phụ thuộc lớn vào nguồn huy động vốn. Năm 2022, chi phí lãi vay chiếm 89,99% tổng chi phí, duy trì ở mức 90% năm 2023 do lãi suất huy động tăng trong giai đoạn lạm phát và áp lực cạnh tranh từ các ngân hàng khác và giảm nhẹ xuống 86,18% vào năm 2024 nhờ chi nhánh đã chủ động chuyển sang huy động vốn ngắn hạn với lãi suất thấp, tận dụng các kênh

vốn ổn định như tiền gửi từ tổ chức và khách hàng lâu năm giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Bên cạnh đó, chi phí hoạt động và dịch vụ cũng có sự biến động nhẹ. Năm 2022, chi phí này chiếm 9,07% tổng chi phí, tăng lên 8,96% năm 2023 và giảm xuống 7,89% vào năm 2024 cho thấy chi nhánh đã đẩy mạnh chuyển đổi số, áp dụng các phần mềm quản lý nội bộ và giao dịch tự động, qua đó cắt giảm chi phí vận hành và nhân sự. Trong khi đó, chi phí khác có sự thay đổi không đáng kể, dao động trong khoảng 0,94% – 1,04% qua các năm. Nhìn chung, sự kiểm soát hợp lý các khoản chi phí này giúp chi nhánh kiểm soát chặt chẽ các khoản chi ngoài lãi và dịch vụ cũng như duy trì được hiệu quả hoạt động, ngay cả khi doanh thu tăng lên.

Mặc dù chi phí gia tăng, lợi nhuận của chi nhánh vẫn duy trì đà tăng trưởng tích cực, năm 2023, lợi nhuận đạt 115.035 triệu đồng, tăng 5,74% so với năm 2022, khoản lợi nhuận này có được nhờ thu nhập tăng nhanh hơn chi phí, đặc biệt là từ hoạt động cho vay được kiểm soát tốt rủi ro và không phát sinh nhiều nợ xấu. Đến năm 2024, mức lợi nhuận tiếp tục cải thiện, đạt 129.308 triệu đồng, tăng 12,41% so với năm trước, điều này cho thấy chi nhánh đã tối ưu hóa hoạt động kinh doanh, tận dụng hiệu quả nguồn thu từ lãi và dịch vụ để bù đắp chi phí.

Kết quả kinh doanh khả quan trên là minh chứng cho nỗ lực không ngừng của VietinBank – Chi nhánh Hội An trong việc mở rộng thị trường, nâng cao chất lượng dịch vụ và tối ưu hóa các nguồn thu, tổng thu nhập và lợi nhuận đều có xu hướng gia tăng qua các năm. Mặc dù chi phí hoạt động cũng tăng theo, nhưng việc áp dụng linh hoạt các chính sách lãi suất và chiến lược định vị khách hàng đã giúp chi nhánh gia tăng hiệu quả kinh doanh trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt. Bên cạnh đó, việc kiểm soát tốt chi phí, đặc biệt là chi phí huy động vốn, đã góp phần quan trọng trong việc cải thiện lợi nhuận. Biểu đồ dưới đây minh họa tình hình thu nhập, chi phí và lợi nhuận của VietinBank – Chi nhánh Hội An trong giai đoạn 2022 – 2024, phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của chi nhánh.



Biểu đồ 2.3. Biểu đồ kết quả hoạt động kinh doanh của Vietinbank – Chi nhánh Hội An (2022 – 2024) (ĐVT: Triệu đồng)

Nguồn: Phòng Tổng hợp NH TMCP Công Thương – CN Hội An.

Quan sát xu hướng thay đổi qua từng năm, có thể nhận thấy tổng thu nhập của chi nhánh có sự gia tăng liên tục. Điều này phản ánh sự mở rộng trong hoạt động kinh doanh của chi nhánh, nhờ vào việc tăng cường huy động vốn, mở rộng danh mục cho vay và phát triển các sản phẩm dịch vụ tài chính. Mức tăng trưởng này cho thấy chi nhánh đã có những bước tiến tích cực trong việc thu hút khách hàng và tối ưu hóa nguồn lực nhằm nâng cao doanh thu. Tổng chi phí có xu hướng tăng lên đáng kể cho thấy chi nhánh có thể đang đầu tư nhiều hơn vào cơ sở hạ tầng, phát triển nguồn nhân lực và mở rộng các hoạt động kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường. Sự gia tăng chi phí cũng đặt ra thách thức trong việc kiểm soát và tối ưu hóa chi tiêu, bởi nếu tốc độ tăng của chi phí cao hơn thu nhập, lợi nhuận của chi nhánh có thể bị ảnh hưởng. Xét đến lợi nhuận, dù có sự tăng trưởng qua từng năm nhưng mức tăng vẫn còn khá khiêm tốn so với tổng thu nhập và tổng chi phí. Mặc dù lợi nhuận tăng trưởng là tín hiệu tích cực, nhưng con số này vẫn chưa phản ánh một sự cải thiện đáng kể so với quy mô mở rộng của chi nhánh. Điều này cho thấy rằng dù doanh thu có xu hướng đi lên, nhưng chi phí vận hành cũng tăng nhanh, dẫn đến mức lợi nhuận chưa đạt được sự bứt phá mạnh mẽ.

2.3. Thực trạng hoạt động cho vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương (Vietinbank) – Chi nhánh Hội An trong giai đoạn 2022 – 2024.

2.3.1. Quy trình cho vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương (Vietinbank) – Chi nhánh Hội An.

- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ và tư vấn vay vốn

- Khách hàng đến ngân hàng để được tư vấn về sản phẩm vay phù hợp.
- Nhân viên cho vay thu thập thông tin, hướng dẫn khách hàng chuẩn bị hồ sơ vay vốn gồm:
 - Giấy đề nghị vay vốn.
 - Giấy tờ tùy thân (CMND/CCCD/Hộ chiếu).
 - Giấy chứng nhận thu nhập hoặc phương án sử dụng vốn.
 - Hồ sơ tài sản bảo đảm (nếu có).
- Bước 2: Thẩm định hồ sơ vay vốn
 - Ngân hàng tiến hành kiểm tra, xác minh thông tin khách hàng.
 - Đánh giá khả năng tài chính, mục đích vay và phương án trả nợ.
 - Thẩm định tài sản bảo đảm (nếu có), định giá tài sản để xác định hạn mức vay phù hợp.
- Bước 3: Phê duyệt khoản vay
 - Sau khi thẩm định, ngân hàng trình hồ sơ lên cấp có thẩm quyền để phê duyệt.
 - Căn cứ vào mức độ rủi ro và giá trị tài sản bảo đảm, ngân hàng quyết định:
 - Chấp thuận khoản vay và thông báo cho khách hàng.
 - Từ chối khoản vay nếu khách hàng không đáp ứng đủ điều kiện.
- Bước 4: Ký kết hợp đồng cho vay
 - Nếu hồ sơ được duyệt, khách hàng và ngân hàng tiến hành ký hợp đồng cho vay.
 - Nội dung hợp đồng bao gồm:
 - Số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay.
 - Phương thức giải ngân, lịch trả nợ.
 - Quy định về tài sản bảo đảm (nếu có).
- Bước 5: Giải ngân khoản vay
 - Sau khi ký hợp đồng, ngân hàng tiến hành giải ngân theo thỏa thuận.
 - Hình thức giải ngân:
 - Chuyển khoản vào tài khoản người vay hoặc bên thụ hưởng.
 - Giải ngân theo tiến độ nếu là khoản vay theo dự án
- Bước 6: Giám sát và thu hồi nợ
 - Ngân hàng theo dõi việc sử dụng vốn vay của khách hàng.
 - Nhắc nhở khách hàng về lịch thanh toán gốc và lãi.
 - Nếu khách hàng chậm trả nợ, ngân hàng áp dụng các biện pháp thu hồi nợ theo quy định.
- Bước 7: Tất toán khoản vay
 - Khi khách hàng hoàn thành nghĩa vụ trả nợ, ngân hàng tiến hành tất toán hợp đồng.
 - Trả lại tài sản bảo đảm (nếu có).

- Cung cấp giấy xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

Quy trình trên giúp đảm bảo khoản vay được giải quyết nhanh chóng, an toàn, và hiệu quả cho cả khách hàng và ngân hàng.

2.3.2. Các sản phẩm cho vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương (Vietinbank) – Chi nhánh Hội An.

Nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn đa dạng của khách hàng cá nhân và hộ kinh doanh trên địa bàn, VietinBank – Chi nhánh Hội An triển khai nhiều sản phẩm cho vay với mục đích và điều kiện khác nhau. Các sản phẩm này không chỉ hỗ trợ tiêu dùng cá nhân mà còn phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại và an cư. Mỗi sản phẩm đều được thiết kế với thời hạn vay, điều kiện và mục đích sử dụng riêng biệt, phù hợp với từng nhóm khách hàng cụ thể. Bảng dưới đây trình bày chi tiết một số sản phẩm cho vay tiêu biểu đang được triển khai tại VietinBank – Chi nhánh Hội An.

Bảng 2.4. Các sản phẩm cho vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương (Vietinbank) – Chi nhánh Hội An.

Cho vay tiêu dùng	
Đối tượng khách hàng	– Cá nhân có quốc tịch Việt Nam, đang sinh sống và làm việc hợp pháp tại Việt Nam. – Độ tuổi từ 18 – 60 (nam) và 18 – 55 (nữ). – Có thu nhập ổn định, đảm bảo khả năng trả nợ.
Thời hạn vay	Tối đa 7 năm.
Điều kiện vay	– Có hợp đồng lao động hoặc giấy xác nhận thu nhập từ đơn vị công tác. – Không có nợ nhóm 2, nợ xấu tại thời điểm xét cấp tín dụng. – Có khả năng tài chính để trả nợ. – Đồng ý tham gia bảo hiểm. – Một số trường hợp cần có tài sản bảo đảm hoặc bảo lãnh từ bên thứ ba. – Thu nhập ổn định từ 3 triệu VND/tháng nếu trả lương qua VietinBank và từ 5 VND đồng/ tháng nếu không trả lương qua VietinBank
Mục đích vay	Phục vụ nhu cầu đời sống của khách hàng, gia đình khách hàng
Tài sản bảo đảm	– Vay tín chấp: không cần tài sản bảo đảm. – Vay thế chấp: có thể dùng sổ đỏ, sổ hồng, xe cộ, tiền gửi ngân hàng,...
Hạn mức vay	Tối đa 100% nhu cầu vốn, không quá 1 tỷ đồng (với vay tín chấp). Vay thế chấp: tối đa 90% giá trị tài sản bảo đảm.
Cho vay mua, xây, sửa chữa nhà	
Đối tượng khách hàng	Cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp.
Thời hạn vay	Tối đa 35 năm đối với vay mua, xây nhà và 20 năm đối với vay sửa nhà
Điều kiện vay	– Đáp ứng đầy đủ điều kiện cho vay đối với khách hàng theo quy định hiện hành của VietinBank. – Có khả năng tài chính để trả nợ. – Có tài sản bảo đảm đầy đủ cho khoản vay theo quy định. – Được xây dựng trên thửa đất có đầy đủ giấy tờ hợp pháp chứng minh quyền sử dụng đất.

	Đất ở, nhà ở không có tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện, không bị kê biên để bảo đảm thi hành án. – Không thuộc diện đã có quyết định thu hồi đất, có thông báo giải tỏa, phá dỡ nhà ở của cơ quan có thẩm quyền. – Được cấp giấy phép xây dựng/sửa chữa (trừ trường hợp pháp luật có quy định không bắt buộc phải có giấy phép xây dựng, sửa chữa). – Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.
Mục đích vay	Thanh toán chi phí nhận quyền sử dụng đất, mua, sửa chữa nhà ở và/hoặc công trình xây dựng, nhằm mục đích phục vụ nhu cầu đời sống của chính Khách hàng và bố mẹ đẻ, bố mẹ nuôi, bố mẹ vợ/chồng, vợ/chồng, con đẻ, con nuôi của Khách hàng và/hoặc phục vụ hoạt động kinh doanh của khách hàng
Tài sản bảo đảm	Quyền sử dụng đất/quyền sở hữu nhà ở hình thành từ vốn vay hoặc tài sản khác theo quy định hiện hành của VietinBank.
Hạn mức vay	– Theo nhu cầu vốn: Tối đa 80% tổng nhu cầu vốn; và không vượt quá giá trị do VietinBank thẩm định phù hợp với giá trị thị trường hoặc do VietinBank AMC/ Công ty thẩm định giá độc lập có uy tín thẩm định theo quy định hiện hành của VietinBank. – Theo giá trị TSBĐ: + Đối với TSBĐ hình thành từ vốn vay: Tối đa 50% giá trị TSBĐ; + Đối với TSBĐ khác: Theo quy định hiện hành của VietinBank.
Cho vay kinh doanh trung, dài hạn	
Đối tượng khách hàng	Cá nhân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh
Thời hạn vay	Tối đa 20 năm.
Điều kiện vay	– Đáp ứng đầy đủ điều kiện cho vay theo quy định hiện hành của VietinBank. – Khách hàng hoạt động phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp không phải ĐKKD theo quy định). – Có vốn tự có tham gia vào phương án vay tối thiểu 20% tổng nhu cầu vốn. – Có khả năng tài chính để trả nợ. – Phương án vay vốn khả thi. – Khoản vay được bảo đảm đầy đủ bằng tài sản theo quy định.

	– Tài sản dài hạn hình thành từ vốn vay đảm bảo: hợp pháp, được phép giao dịch và không có tranh chấp; có đầy đủ giấy tờ chứng minh quyền sở hữu/sử dụng của khách hàng sau khi vay vốn đầu tư; được sử dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng nhằm thu được lợi ích trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó.
Mục đích vay	Vay vốn cố định để đầu tư, tạo lập nên tài sản dài hạn phục vụ hoạt động kinh doanh của khách hàng
Tài sản bảo đảm	Các loại tài sản theo quy định hiện hành của VietinBank (bất động sản, máy móc thiết bị, hàng tồn kho,...).
Hạn mức vay	Tối đa 80% nhu cầu vốn.
Cho vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động	
Đối tượng khách hàng	Doanh nghiệp, hộ kinh doanh
Thời hạn vay	– Khoản vay bổ sung vốn lưu động: tối đa 12 tháng. – Khoản vay mua sắm tài sản cố định phục vụ kinh doanh: Tối đa đến 7 năm.
Điều kiện vay	– Khách hàng có khả năng tài chính lành mạnh, thông tin tài chính minh bạch bảo đảm thực hiện nghĩa vụ với VietinBank trong thời hạn được cấp giới hạn tín dụng. – Khách hàng có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự và chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.
Mục đích vay	Đáp ứng yêu cầu vốn lưu động thường xuyên, tự chủ về nguồn vốn, mở rộng và nâng cao hoạt động kinh doanh.
Tài sản bảo đảm	Bất động sản, hàng tồn kho, khoản phải thu, giấy tờ có giá.
Hạn mức vay	Mức cho vay căn cứ vào phương án sử dụng vốn; khả năng tài chính của khách hàng; biện pháp bảo đảm; các giới hạn cấp tín dụng đối với khách hàng, khách hàng và người có liên quan (nếu có); khả năng nguồn vốn và chính sách tín dụng của VietinBank trong từng thời kỳ.
Cho vay phục vụ hoạt động thương mại – dịch vụ	
Đối tượng khách hàng	Doanh nghiệp, cá nhân/hộ gia đình có đăng ký kinh doanh hợp pháp có doanh thu ổn định.
Thời hạn vay	Tối đa 12 tháng.

Điều kiện vay	– Có giấy phép đăng ký kinh doanh hợp pháp hoặc tài liệu chứng minh hoạt động thương mại – dịch vụ ổn định. – Không có nợ xấu nhóm 2 trở lên tại thời điểm vay vốn. – Có lịch sử tín dụng tốt (ưu tiên khách hàng vay trả đúng hạn tại VietinBank hoặc các tổ chức khác). – Có phương án sử dụng vốn rõ ràng, khả thi và chứng minh được dòng tiền trả nợ.
Mục đích vay	Thanh toán các chi phí đầu vào phục vụ bán hàng, chuỗi cung ứng ngắn hạn,...
Tài sản bảo đảm	Không cần TSDB (hoặc có tùy hạn mức) theo quy định hiện hành của VietinBank.
Hạn mức vay	Do Chi nhánh thẩm định dựa trên nhu cầu vốn/nhu cầu cần thanh toán thường xuyên và/hoặc doanh số ghi có về tài khoản thanh toán của khách hàng mở tại VietinBank.

Nguồn: Phòng Tổng hợp NH TMCP Công Thương – CN Hội An.

2.3.3. Thực trạng hoạt động cho vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương (Vietinbank) – Chi nhánh Hội An.

2.3.3.1. Tổng quan về hoạt động cho vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương (Vietinbank) – Chi nhánh Hội An.

Hoạt động cho vay là một trong những lĩnh vực cốt lõi của ngân hàng, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế địa phương. Đặc biệt, tại Hội An – nơi có nền kinh tế chủ yếu dựa vào thương mại, dịch vụ và du lịch – nhu cầu vay vốn của doanh nghiệp và cá nhân luôn duy trì ở mức cao. Việc theo dõi sát sao tình hình cho vay theo thời hạn không chỉ giúp đánh giá kết quả hoạt động cho vay mà còn là cơ sở để điều chỉnh chính sách phù hợp với thực tế thị trường. Để có cái nhìn chi tiết hơn về sự thay đổi trong hoạt động cho vay tại VietinBank – Chi nhánh Hội An giai đoạn 2022 – 2024, bảng số liệu dưới đây phản ánh rõ nét xu hướng cho vay theo thời hạn vay trong ba năm qua.

Bảng 2.5. Tổng quan về hoạt động cho vay tại Vietinbank – CN Hội An (2022 – 2024) (ĐVT: Triệu đồng)

CHỈ TIÊU	2022	2023	2024	Chênh lệch			
				2023/2022		2024/2023	
	Số tiền	Số tiền	Số tiền	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Doanh số cho vay	7.699.978	8.155.586	8.558.792	455.608	5,92%	403.206	4,94%
Doanh số thu nợ	6.236.967	7.654.999	7.753.811	1.418.032	22,74%	98.812	1,29%
Tổng dư nợ	8.890.789	9.391.376	10.196.357	500.587	5,63%	804.981	8,57%
Nợ xấu	22.532	62.531	70.035	39.999	177,52%	7.504	12,00%
Tỷ lệ nợ xấu	0,25%	0,67%	0,69%	0,41%		0,02%	

Nguồn: Phòng Tổng hợp NH TMCP Công Thương – CN Hội An.

Tổng doanh số cho vay liên tục tăng qua từng năm, từ 7.699.978 triệu đồng vào năm 2022 lên 8.155.586 triệu đồng trong năm 2023, và đạt mức 8.558.792 triệu đồng vào năm 2024, sự gia tăng này đến từ việc chi nhánh tích cực triển khai các gói tín dụng ưu đãi theo từng đối tượng khách hàng, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đồng thời đơn giản hóa thủ tục vay vốn để thu hút khách hàng mới. Mặc dù tốc độ tăng trưởng có xu hướng giảm nhẹ, nhưng mức tăng trưởng trung bình vẫn duy trì ở mức ổn định, lần lượt là 5,92% trong năm 2023 và 4,94% vào năm 2024. Điều này phản ánh nhu cầu cho vay vẫn tiếp tục gia tăng, tuy nhiên tốc độ mở rộng có phần chững lại trong năm gần đây.

Doanh số thu nợ cũng có sự biến động mạnh, năm 2023 ghi nhận mức tăng đáng kể, đạt 7.654.999 triệu đồng, tăng 22,74% so với năm trước, đến năm 2024, tốc độ tăng chậm lại đáng kể, chỉ còn 1,29% phản ánh khả năng thu hồi nợ có phần suy giảm. Điều này có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân như nhiều khoản vay bắt đầu bước vào thời kỳ đáo hạn dài hơn, đồng thời một số khách hàng gặp khó khăn trong sản xuất – kinh doanh nên tiến độ trả nợ bị ảnh hưởng.

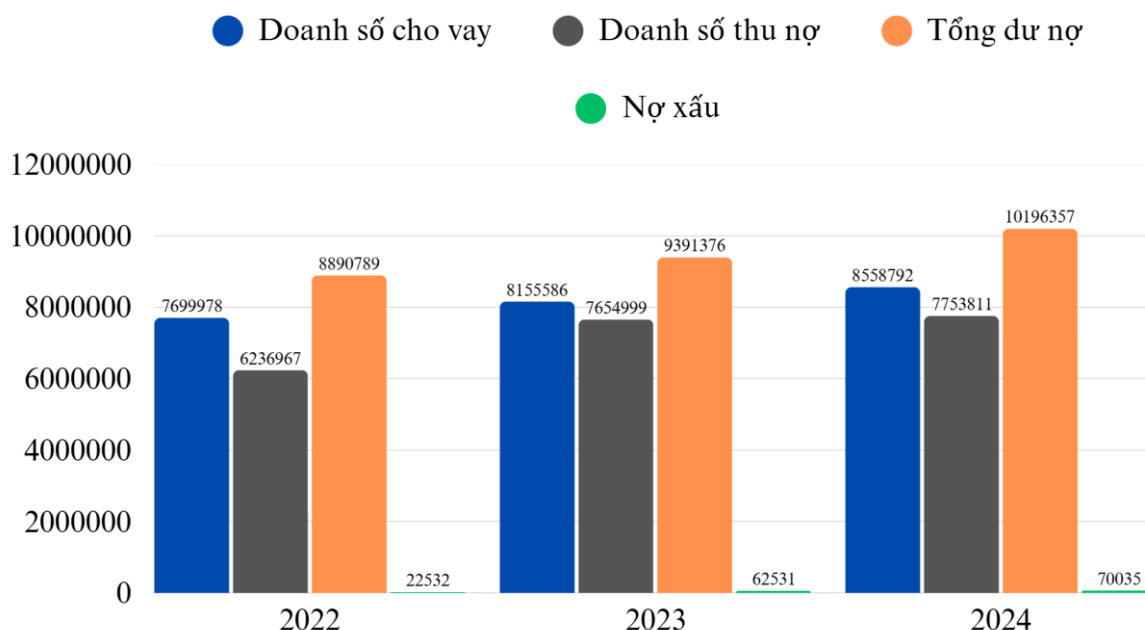
Xét về tổng dư nợ, con số này có xu hướng gia tăng đều đặn, từ 8.890.789 triệu đồng năm 2022 lên 9.391.376 triệu đồng năm 2023 (tăng 5,63%) và tiếp tục chạm mốc 10.196.357 triệu đồng trong năm 2024 (tăng 8,57%), dư nợ tăng do chi nhánh tập trung mở rộng hạn mức cho vay cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại – dịch vụ tại địa phương, đồng thời duy trì chính sách chăm sóc khách hàng cũ để tăng vòng quay cho vay, chi nhánh cũng tích cực khai thác thêm nguồn khách hàng cá nhân vay tiêu dùng có tài sản đảm bảo, góp phần nâng tổng dư nợ qua từng năm.

Một chỉ tiêu đáng chú ý tiếp theo trong hoạt động cho vay là tình trạng nợ xấu. Năm 2023, nợ xấu tăng vọt lên 62.531 triệu đồng, gấp gần ba lần so với năm trước. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng của nợ xấu trong năm 2024 có xu hướng chậm lại, chỉ tăng thêm 12% so với năm 2023, nguyên nhân chủ yếu là do một số khoản vay cũ đến kỳ trả nợ rơi vào nhóm nợ quá hạn, trong khi một số doanh nghiệp nhỏ thiếu khả năng trả nợ đúng hạn vì ảnh hưởng từ chi phí đầu vào tăng cao và thị trường tiêu thụ hàng hóa thu hẹp. Tuy nhiên, sang năm 2024, chi nhánh đã triển khai hiệu quả các biện pháp thu hồi nợ như nhắc nợ định kỳ, áp dụng chính sách ưu đãi lãi suất cho khách hàng trả nợ sớm, góp phần giảm đi phần nào tình hình nợ xấu. Dù mức tăng đã được kiểm soát tốt hơn, nhưng vẫn đặt ra thách thức đối với chi nhánh trong việc quản lý rủi ro cho vay.

Tỷ lệ nợ xấu theo đó cũng có sự thay đổi đáng kể, cụ thể tỷ lệ nợ xấu từ mức 0,25% vào năm 2022, con số này tăng mạnh lên 0,67% vào năm 2023, cho thấy dấu hiệu gia tăng rủi ro, đến năm 2024, mức tăng của tỷ lệ nợ xấu đã được kiểm soát tốt hơn, chỉ tăng nhẹ lên 0,69%, tỷ lệ này tăng mạnh trong năm 2023 là hệ quả của việc mở rộng cho vay nhanh mà chưa kiểm soát sát sao năng lực trả nợ của một số đối tượng khách hàng,

đặc biệt là nhóm vay theo dự án kinh doanh có tính biến động cao. Tuy vậy, trong năm 2024, tỷ lệ này gần như ổn định nhờ chi nhánh đã áp dụng công nghệ phân tích cho vay và tăng cường thẩm định trước khi giải ngân. Hoạt động cho vay của VietinBank – CN Hội An trong giai đoạn 2022 – 2024 có sự tăng trưởng tích cực nhưng vẫn tiềm ẩn một số thách thức, đặc biệt là vấn đề kiểm soát nợ xấu.

Việc phân tích xu hướng cho vay giúp đánh giá hiệu suất kinh doanh, đồng thời là cơ sở để đưa ra những điều chỉnh hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả tài chính. Biểu đồ dưới đây minh họa một cách trực quan tình hình cho vay tại VietinBank – Chi nhánh Hội An trong giai đoạn 2022 – 2024, bao gồm các chỉ tiêu quan trọng như doanh số giải ngân, khả năng thu hồi nợ, tổng dư nợ và tỷ lệ nợ xấu.

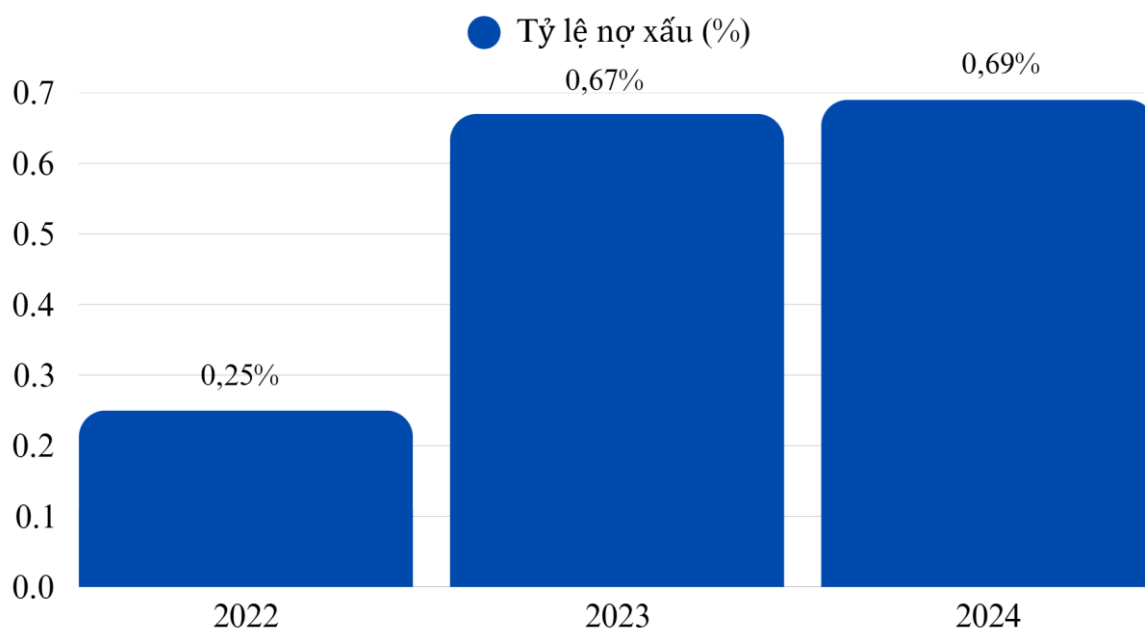


Biểu đồ 2.4. Tổng quan về hoạt động cho vay tại Vietinbank – CN Hội An (2022 – 2024) (ĐVT: Triệu đồng)

Nguồn: Phòng Tổng hợp NH TMCP Công Thương – CN Hội An.

Biểu đồ 2.4 với sự phân hóa rõ rệt giữa các nhóm dữ liệu, có thể thấy doanh số cho vay, doanh số thu nợ và tổng dư nợ đều có xu hướng tăng dần qua các năm, cho thấy hoạt động cho vay của chi nhánh ngày càng được mở rộng. Tuy nhiên, mức độ tăng trưởng giữa các chỉ tiêu không đồng đều. Trong khi doanh số cho vay và tổng dư nợ có sự gia tăng ổn định và bền vững, thì doanh số thu nợ có mức độ biến động nhất định, thể hiện qua sự chênh lệch về chiều cao giữa các năm. Nợ xấu có xu hướng tăng lên nhưng với tốc độ khác biệt so với các chỉ tiêu còn lại. Điều này phản ánh rủi ro cho vay của chi nhánh cũng gia tăng, mặc dù tốc độ kiểm soát có sự điều chỉnh. Ngoài ra, việc tổng dư nợ liên tục cao hơn so với doanh số thu nợ và doanh số cho vay cho thấy quy mô cho vay của chi nhánh đang ngày càng mở rộng, đồng thời tạo áp lực trong việc kiểm soát chất lượng cho vay. Nhìn chung, biểu đồ cho thấy bức tranh toàn diện về sự

phát triển của hoạt động cho vay, với những tín hiệu tích cực nhưng cũng đi kèm với các yếu tố rủi ro cần được quản lý chặt chẽ.



Biểu đồ 2.5. Biểu đồ tỷ lệ nợ xấu tại Vietinbank – CN Hội An (2022 – 2024) (ĐVT: %)

Nguồn: Phòng Tổng hợp NH TMCP Công Thương – CN Hội An.

Biểu đồ trên phản ánh diễn biến tỷ lệ nợ xấu, cho thấy xu hướng gia tăng liên tục qua các năm, cụ thể, nếu như ở năm 2022, tỷ lệ nợ xấu chỉ ở mức thấp, thì sang năm 2023, chỉ số này đã tăng mạnh. Đến năm 2024, tỷ lệ nợ xấu vẫn tiếp tục nhích lên, tuy nhiên mức tăng này chậm lại so với giai đoạn trước đó. Với sự chênh lệch rõ rệt giữa các năm giúp trực quan hóa xu hướng gia tăng của nợ xấu. Điều này đặt ra vấn đề đối với chi nhánh trong việc kiểm soát rủi ro cho vay, đảm bảo chất lượng cho vay và hạn chế sự gia tăng của các khoản nợ không có khả năng thanh toán. Mặc dù mức tăng ở năm cuối đã giảm tốc, nhưng xu hướng chung vẫn là đi lên, cho thấy chi nhánh cần có các biện pháp kiểm soát chặt chẽ hơn trong hoạt động cho vay.

2.3.3.2. Thực trạng hoạt động cho vay phân theo thời gian.

Hoạt động cho vay tại VietinBank – Chi nhánh Hội An được triển khai linh hoạt theo thời hạn vay, bao gồm cho vay ngắn hạn và trung, dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vốn đa dạng của khách hàng. Các khoản vay ngắn hạn chủ yếu phục vụ nhu cầu vốn lưu động của doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể, trong khi các khoản vay trung và dài hạn thường được sử dụng cho đầu tư tài sản cố định, mua sắm nhà ở hoặc mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh. Trong giai đoạn 2022 – 2024, tổng doanh số cho vay của chi nhánh tiếp tục tăng trưởng, với sự phân bổ có sự thay đổi giữa hai loại hình vay theo thời hạn.

Bảng 2.6. Tình hình cho vay tại Vietinbank – CN Hội An (2022 – 2024) phân theo thời hạn vay (ĐVT: Triệu đồng)

CHỈ TIÊU	2022		2023		2024		Chênh lệch			
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	2023/2022		2024/2023	
							Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Doanh số cho vay	7.699.978	100,00%	8.155.586	100,00%	8.558.792	100,00%	455.608	5,92%	403.206	4,94%
Ngắn hạn	3.752.458	48,73%	4.525.464	55,49%	4.458.555	52,09%	773.006	20,60%	- 66.909	- 1,48%
Trung, dài hạn	3.947.520	51,27%	3.630.122	44,51%	4.100.237	47,91%	- 317.398	- 8,04%	470.115	12,95%
Doanh số thu nợ	6.236.967	100,00%	7.654.999	100,00%	7.753.811	100,00%	1.418.032	22,74%	98.812	1,29%
Ngắn hạn	3.752.458	60,16%	3.358.602	43,87%	4.018.946	51,83%	- 393.856	- 10,50%	660.344	19,66%
Trung, dài hạn	2.484.509	39,84%	4.296.397	56,13%	3.734.865	48,17%	1.811.888	72,93%	- 561.532	- 13,07%
Tổng dư nợ	8.890.789	100,00%	9.391.376	100,00%	10.196.357	100,00%	500.587	5,63%	804.981	8,57%
Ngắn hạn	2.363.596	26,58%	3.530.459	37,59%	3.970.068	38,94%	1.166.863	49,37%	439.609	12,45%
Trung, dài hạn	6.527.193	73,42%	5.860.917	62,41%	6.226.289	61,06%	- 666.276	- 10,21%	365.372	6,23%
Nợ xấu	22.532	100,00%	62.531	100,00%	70.035	100,00%	39.999	177,52%	7.504	12,00%
Ngắn hạn	8.254	36,63%	11.259	18,01%	15.085	21,54%	3.005	36,41%	3.826	33,98%
Trung, dài hạn	14.278	63,37%	51.272	81,99%	54.950	78,46%	36.994	259,10%	3.678	7,17%
Tỷ lệ nợ xấu	0,25%		0,67%		0,69%		0,42%		0,02%	
Ngắn hạn	0,35%		0,32%		0,38%		- 0,03%		0,06%	
Trung, dài hạn	0,22%		0,87%		0,09%		0,66%		- 0,79%	

Nguồn: Phòng Tổng hợp NH TMCP Công Thương – CN Hội An.

Dựa trên bảng số liệu có thể thấy sự thay đổi đáng kể trong cơ cấu cho vay theo thời hạn. Tổng doanh số cho vay của chi nhánh có xu hướng tăng đều qua các năm, từ 7.699.978 triệu đồng năm 2022 lên 8.558.792 triệu đồng năm 2024. Tuy nhiên, sự phân bổ giữa các khoản vay ngắn hạn và trung, dài hạn lại có sự dịch chuyển rõ rệt, mức tăng này xuất phát từ việc chi nhánh đẩy mạnh hoạt động tiếp thị, cải thiện trải nghiệm khách hàng và đa dạng hóa sản phẩm cho vay phù hợp với từng nhóm đối tượng, đặc biệt trong lĩnh vực tiêu dùng và sản xuất kinh doanh.

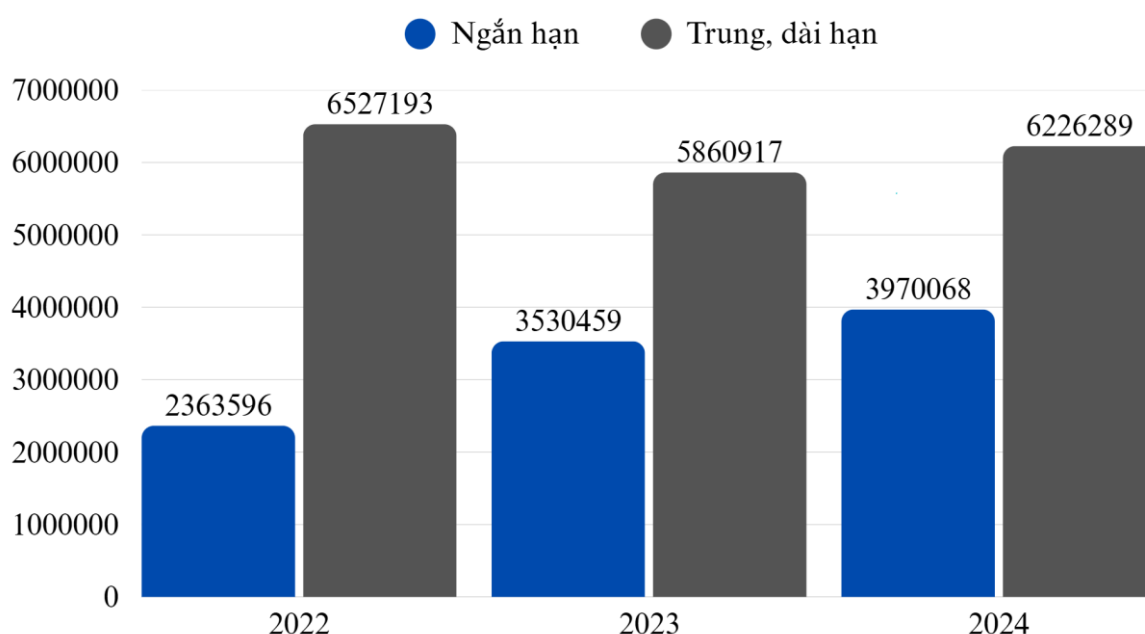
Trong năm 2022, các khoản vay ngắn hạn chiếm 48,73% tổng doanh số cho vay, nhưng đến năm 2023, tỷ trọng này tăng lên 55,49%, cho thấy nhu cầu vốn lưu động ngắn hạn tăng mạnh, diễn biến này cho thấy nhiều doanh nghiệp tại địa phương đẩy mạnh hoạt động sản xuất – kinh doanh sau dịch COVID – 19 và cần nguồn vốn luân chuyển nhanh để đảm bảo chu kỳ hoạt động. Mặc dù vậy, đến năm 2024, tỷ trọng vay ngắn hạn lại giảm nhẹ xuống còn 52,09%, sự sụt giảm này một phần do chi nhánh siết chặt quy trình thẩm định cho vay ngắn hạn nhằm kiểm soát rủi ro, đồng thời khách hàng có xu hướng tìm đến các khoản vay dài hơn để đầu tư ổn định. Ngược lại, vay trung và dài hạn tuy có sự sụt giảm nhẹ về tỷ trọng trong năm 2023, nhưng đến năm 2024 đã phục hồi và tăng lên mức 47,91%, sự gia tăng này xuất phát từ việc nhiều doanh nghiệp và cá nhân bắt đầu khởi động lại các dự án đầu tư quy mô lớn, trong đó có đầu tư vào bất động sản, máy móc thiết bị, mở rộng mặt bằng kinh doanh. Điều này phản ánh vai trò ngày càng quan trọng của vốn dài hạn trong chiến lược phát triển kinh tế tại địa phương.

Tổng dư nợ của chi nhánh cũng có mức tăng trưởng khả quan, đạt 10.196.357 triệu đồng vào năm 2024, cao hơn đáng kể so với năm 2022. Việc dư nợ liên tục tăng qua các năm là kết quả từ chính sách linh hoạt trong cấp hạn mức vay, kéo dài thời gian trả nợ và duy trì lãi suất cạnh tranh để giữ chân khách hàng truyền thống. Đáng chú ý, dư nợ ngắn hạn tăng đáng kể vào năm 2023 nhưng sau đó có xu hướng chững lại vào năm 2024. Diễn biến này là do chi nhánh đã thận trọng hơn trong xét duyệt vay ngắn hạn sau giai đoạn mở rộng trước đó, nhằm tránh phát sinh rủi ro cho vay. Trong khi đó, dư nợ trung và dài hạn tuy giảm nhẹ trong năm 2023 nhưng đã tăng trở lại vào năm 2024, chi nhánh tiếp tục đẩy mạnh cho vay dài hạn để hỗ trợ các hoạt động đầu tư lâu dài.

Về nợ xấu, tổng giá trị nợ xấu tăng mạnh qua các năm, đặc biệt trong năm 2023 với mức tăng đột biến 177,52% so với năm trước. Đến năm 2024, mức tăng của nợ xấu đã chậm lại nhưng vẫn duy trì xu hướng đi lên. Tình trạng này chủ yếu đến từ việc các khoản vay trung và dài hạn bắt đầu đến kỳ trả nợ, trong khi một số khách hàng gặp khó khăn về tài chính khiến khả năng thanh toán bị ảnh hưởng. Nợ xấu trung và dài hạn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nợ xấu, điều này phản ánh rủi ro tiềm ẩn khi thời hạn cho vay kéo dài trong điều kiện thị trường còn biến động. Tuy nhiên, tỷ lệ nợ xấu tổng thể

vẫn được kiểm soát ở mức hợp lý. Kết quả này có được nhờ VietinBank – Chi nhánh Hội An đã chủ động rà soát danh mục cho vay định kỳ, áp dụng các công cụ cảnh báo sớm rủi ro và điều chỉnh điều kiện cho vay phù hợp với khả năng trả nợ của từng nhóm khách hàng. Đây là cơ sở để chi nhánh duy trì sự ổn định tài chính trong khi vẫn đảm bảo tăng trưởng.

Cơ cấu cho vay của VietinBank Hội An trong giai đoạn 2022 – 2024 được thể hiện rõ hơn qua biểu đồ 2.6, nhằm minh họa dư nợ cho vay phân theo thời hạn vay, bao gồm ngắn hạn và trung, dài hạn. Điều này giúp đánh giá xu hướng vay vốn của khách hàng và chiến lược cho vay của chi nhánh trong từng giai đoạn.



Biểu đồ 2.6. Biểu đồ dư nợ cho vay phân theo thời hạn vay của Vietinbank – Chi nhánh Hội An (2022 – 2024) (ĐVT: Triệu đồng)

Nguồn: Phòng Tổng hợp NH TMCP Công Thương – CN Hội An.

Quan sát hình dạng của biểu đồ cho thấy sự chênh lệch rõ ràng giữa hai nhóm. Nhóm dư nợ trung, dài hạn luôn cao hơn hẳn so với dư nợ ngắn hạn trong cả ba năm, cho thấy phần lớn khoản vay của khách hàng tại VietinBank Hội An tập trung vào các khoản vay có thời gian dài. Nhóm dư nợ ngắn hạn có xu hướng tăng dần qua các năm, đặc biệt là vào năm 2024 khi khoảng cách giữa hai nhóm thời hạn có phần thu hẹp lại. Điều này phản ánh sự gia tăng của nhu cầu vay ngắn hạn, có thể xuất phát từ nhu cầu vốn lưu động của doanh nghiệp hoặc nhu cầu vay ngắn hạn của cá nhân. Trong khi đó, dư nợ trung, dài hạn có sự sụt giảm nhẹ vào năm 2023 nhưng nhanh chóng tăng trở lại vào năm 2024. Sự dao động này có thể phản ánh những biến động trong chính sách cho vay hoặc nhu cầu đầu tư dài hạn của khách hàng. Nhìn chung, dù có thay đổi nhỏ qua các năm, xu hướng chung vẫn là dư nợ trung, dài hạn chiếm tỷ trọng lớn hơn đáng kể so

với ngắn hạn, chất lượng các khoản vay cũng là yếu tố quan trọng trong hoạt động ngân hàng.

Tỷ lệ nợ xấu ngắn hạn năm 2022 đạt 0,35%, giảm nhẹ xuống 0,32% trong năm 2023 và sau đó tăng trở lại lên 0,38% vào năm 2024. Mặc dù mức tăng không lớn, nhưng điều này cho thấy chất lượng khoản vay ngắn hạn có dấu hiệu suy giảm, đặc biệt trong bối cảnh nợ xấu ngắn hạn tăng 3.825 triệu đồng, tương đương 38,39% so với năm 2023. Trong khi đó, tỷ lệ nợ xấu trung và dài hạn ghi nhận diễn biến phức tạp hơn. Năm 2022, tỷ lệ này chỉ ở mức 0,22% nhưng đã tăng mạnh lên 0,87% trong năm 2023, phản ánh tình trạng quản lý và kiểm soát rủi ro chưa hiệu quả ở nhóm cho vay trung, dài hạn. Tuy nhiên, sang năm 2024, tỷ lệ nợ xấu trung, dài hạn giảm mạnh còn 0,09%, thấp hơn cả năm 2022. Nguyên nhân chính có thể đến từ việc chi nhánh đã thực hiện các biện pháp xử lý nợ hiệu quả và siết chặt khâu xét duyệt tín dụng. Sự cải thiện này cũng cho thấy chất lượng cho vay trung, dài hạn đang được nâng cao rõ rệt, dù dư nợ vẫn tiếp tục tăng. Tuy vậy, chi nhánh vẫn cần duy trì các biện pháp kiểm soát rủi ro để đảm bảo sự ổn định và bền vững trong hoạt động cho vay.

2.3.3.3. Thực trạng hoạt động cho vay phân theo đối tượng.

Hoạt động cho vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (VietinBank) – Chi nhánh Hội An đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp nguồn vốn cho các cá nhân và tổ chức kinh tế trên địa bàn. Việc phân bổ cho vay theo đối tượng vay giúp chi nhánh tối ưu hóa danh mục cho vay, đáp ứng linh hoạt nhu cầu tài chính của từng nhóm khách hàng, từ doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh đến hộ gia đình và cá nhân. Mỗi nhóm đối tượng có đặc điểm vay vốn riêng biệt, ảnh hưởng đến chiến lược cho vay và quản lý rủi ro của chi nhánh. Để đánh giá rõ hơn về xu hướng cho vay trong giai đoạn 2022 – 2024, bảng số liệu dưới đây sẽ thể hiện chi tiết sự thay đổi về doanh số cho vay, dư nợ cũng như cơ cấu cho vay theo từng đối tượng khách hàng.

Bảng 2.7. Tình hình cho vay tại Vietinbank – CN Hội An (2022 – 2024) phân theo đối tượng (ĐVT: Triệu đồng)

CHỈ TIÊU	2022		2023		2024		Chênh lệch			
							2023/2022		2024/2023	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Doanh số cho vay	7.699.978	100,00%	8.155.586	100,00%	8.558.792	100,00%	455.608	5,92%	403.206	4,94%
Cá nhân	3.088.546	40,11%	3.322.456	40,74%	3.824.524	44,69%	233.910	7,57%	502.068	15,11%
Doanh nghiệp	4.611.432	59,89%	4.833.130	59,26%	4.734.268	55,31%	221.698	4,81%	- 98.862	- 2,05%
Doanh số thu nợ	6.236.967	100,00%	7.654.999	100,00%	7.753.811	100,00%	1.418.032	22,74%	98.812	1,29%
Cá nhân	2.701.578	43,32%	2.955.466	38,61%	3.188.704	41,12%	253.888	9,40%	233.238	7,89%
Doanh nghiệp	3.535.389	56,68%	4.699.533	61,39%	4.565.107	58,88%	1.164.144	32,93%	- 134.426	- 2,86%
Tổng dư nợ	8.890.789	100,00%	9.391.376	100,00%	10.196.357	100,00%	500.587	5,63%	804.981	8,57%
Cá nhân	3.455.436	38,87%	3.822.426	40,70%	4.058.246	39,80%	366.990	10,62%	235.820	6,17%
Doanh nghiệp	5.435.353	61,13%	5.568.950	59,30%	6.138.111	60,20%	133.597	2,46%	569.161	10,22%
Nợ xấu	22.532	100,00%	62.531	100,00%	70.035	100,00%	39.999	177,52%	7.504	12,00%
Cá nhân	11.502	51,05%	12.553	20,07%	14.885	21,25%	1.051	9,14%	2.332	18,58%
Doanh nghiệp	11.030	48,95%	49.978	79,93%	55.150	78,75%	38.948	353,11%	5.172	10,35%
Tỷ lệ nợ xấu	0,25%		0,67%		0,69%		0,41%		0,02%	
Cá nhân	0,33%		0,33%		0,37%		0,00%		0,04%	
Doanh nghiệp	0,2%		0,9%		0,9%		0,7%		0,00%	

Nguồn: Phòng Tổng hợp NH TMCP Công Thương – CN Hội An.

Qua ba năm, tổng doanh số cho vay có sự tăng trưởng ổn định, từ 7.699.978 triệu đồng năm 2022 lên 8.558.792 triệu đồng vào năm 2024, tương ứng mức tăng trưởng lần lượt 5,92% trong giai đoạn 2023/2022 và 4,94% trong giai đoạn 2024/2023. Điều này cho thấy chi nhánh đang có sự mở rộng hoạt động cho vay một cách bền vững. Xét theo đối tượng vay, cơ cấu cho vay giữa hai nhóm khách hàng có sự điều chỉnh đáng kể. Trong khi cho vay doanh nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn hơn, xu hướng chung là sự gia tăng đáng kể của dư nợ cá nhân. Doanh số cho vay cá nhân đã tăng từ 3.088.546 triệu đồng năm 2022 lên 3.824.524 triệu đồng vào năm 2024, với tốc độ tăng trưởng lần lượt là 7,57% vào năm 2023 và 15,11% vào năm 2024. Điều này cho thấy chi nhánh đang đẩy mạnh mở rộng cho vay đối với khách hàng cá nhân, có thể xuất phát từ việc lãi suất vay cá nhân ở mức cạnh tranh hơn, cùng với sự cải thiện thu nhập của người dân giúp họ tự tin tiếp cận vốn vay nhiều hơn để phục vụ các nhu cầu tiêu dùng, đầu tư và mua sắm nhà ở. Ngược lại, doanh số cho vay doanh nghiệp mặc dù vẫn chiếm tỷ trọng cao hơn nhưng có dấu hiệu chững lại. Năm 2023, cho vay doanh nghiệp tăng 4,81%, đạt 4.833.130 triệu đồng, nhưng sang năm 2024 lại giảm còn -2,05%, chỉ còn 4.734.268 triệu đồng. Sự sụt giảm này có thể phản ánh xu hướng thận trọng hơn của chi nhánh trong việc cho vay doanh nghiệp, việc nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ gặp khó khăn trong việc chứng minh năng lực tài chính, cũng như sự suy giảm đơn hàng và doanh thu sau đại dịch khiến nhu cầu vay vốn để mở rộng hoạt động bị thu hẹp.

Doanh số thu nợ cũng có sự gia tăng mạnh, từ 6.236.967 triệu đồng năm 2022 lên 7.753.811 triệu đồng năm 2024, tương ứng mức tăng 22,74% năm 2023 và 1,29% năm 2024. Đáng chú ý, thu nợ từ khách hàng cá nhân tăng mạnh hơn so với doanh nghiệp, đặc biệt trong giai đoạn 2024/2023 với mức tăng 7,89%, cho thấy khả năng trả nợ của cá nhân được cải thiện đáng kể. Một phần lý do đến từ việc khách hàng cá nhân thường vay với kỳ hạn ngắn và giá trị khoản vay không lớn, giúp giảm áp lực trả nợ. Đồng thời, quy trình giám sát và thu hồi nợ của chi nhánh đối với nhóm này cũng thường chặt chẽ hơn. Trong khi đó, thu nợ doanh nghiệp cũng có xu hướng tăng nhưng tốc độ thấp hơn, chỉ đạt 32,93% trong giai đoạn 2023, trước khi giảm mạnh còn -2,86% vào năm 2024. Nguyên nhân có thể là do chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp kéo dài, khiến việc hoàn trả nợ bị chậm trễ, ngoài ra, một số doanh nghiệp có thể đang tái cơ cấu tài chính nên khả năng thanh toán nợ đúng hạn bị ảnh hưởng.

Tổng dư nợ của chi nhánh tiếp tục mở rộng qua các năm, đạt 10.196.357 triệu đồng vào năm 2024, với mức tăng trưởng 5,63% trong giai đoạn 2023/2022 và 8,57% trong giai đoạn 2024/2023. Trong đó, dư nợ cá nhân tăng đáng kể, từ 3.455.436 triệu đồng năm 2022 lên 4.058.262 triệu đồng vào năm 2024, phản ánh nhu cầu vay vốn ngày càng lớn từ nhóm khách hàng này, điều này có thể đến từ việc chi nhánh tích cực triển khai các sản phẩm cho vay cá nhân linh hoạt, cùng với đó là các chương trình khuyến

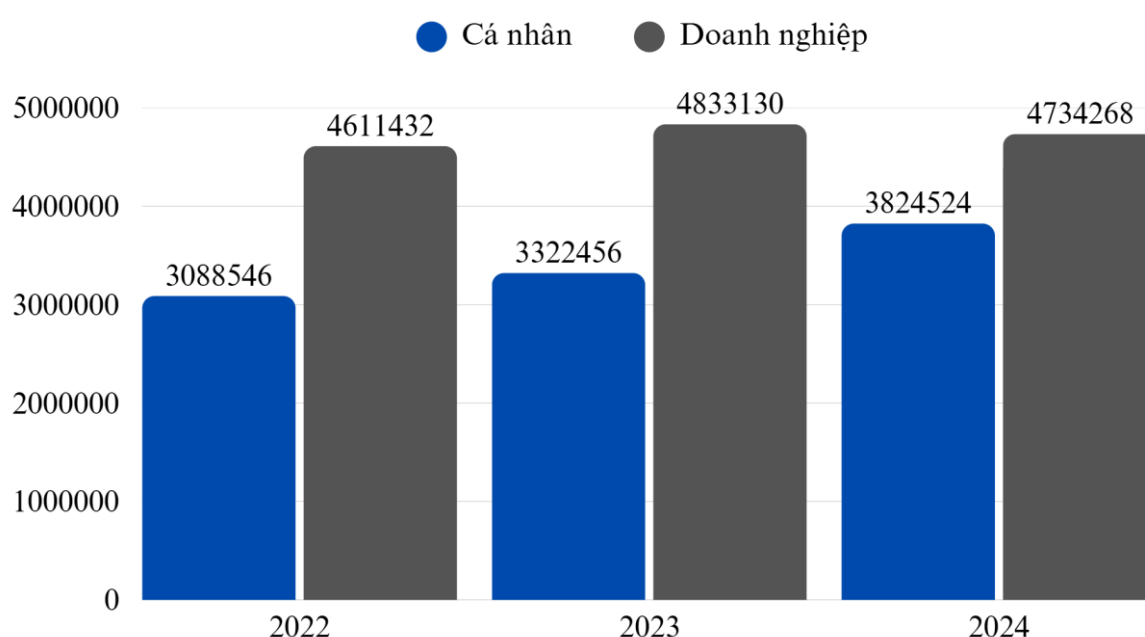
mãi, giảm lãi suất để thu hút người vay. Ngược lại, dư nợ doanh nghiệp mặc dù vẫn chiếm phần lớn trong cơ cấu nhưng có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại, chỉ đạt 6.138.161 triệu đồng vào năm 2024.

Một vấn đề đáng lo ngại là nợ xấu của chi nhánh có xu hướng gia tăng đáng kể trong giai đoạn này. Đặc biệt, nợ xấu doanh nghiệp chiếm phần lớn trong tổng số nợ xấu, với mức tăng mạnh từ 11.030 triệu đồng năm 2022 lên 55.150 triệu đồng năm 2024, tương ứng tỷ lệ tăng trưởng hơn 353% trong năm 2023, và 10,35% năm 2024 điều này cho thấy rủi ro cho vay của nhóm doanh nghiệp ngày càng lớn, có thể nguyên nhân đến từ việc nhiều doanh nghiệp sau thời gian phục hồi kinh tế vẫn chưa đạt được dòng tiền ổn định, hoặc gặp khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm khiến không đảm bảo đúng tiến độ trả nợ. Nợ xấu cá nhân cũng có xu hướng gia tăng nhưng ở mức độ nhẹ hơn. Năm 2022, nợ xấu cá nhân chiếm 51,05% tổng nợ xấu, đạt 11.502 triệu đồng, và đến năm 2024 con số này tăng lên 14.885 triệu đồng.

Xét về tỷ lệ nợ xấu, con số này tăng đáng kể từ 0,25% năm 2022 lên 0,69% năm 2024. Trong đó, nợ xấu doanh nghiệp có mức gia tăng đáng kể, từ 0,2% lên 0,9%, cho thấy rủi ro có thể phát sinh từ các khoản vay kém chất lượng, do kinh tế vẫn chưa đảm bảo, dòng tiền chưa ổn định dẫn đến mất khả năng trả nợ đúng hạn và chuyển sang nhóm nợ xấu. Tỷ lệ nợ xấu cá nhân trong tổng dư nợ cũng nhích lên từ 0,33% năm 2022 lên 0,37% năm 2024, sự gia tăng này có thể do tác động từ chi phí sinh hoạt leo thang, khiến một bộ phận khách hàng mất khả năng cân đối chi tiêu và trả nợ đúng hạn. Kết quả cho thấy nhóm doanh nghiệp có tỷ lệ nợ xấu cao hơn đáng kể so với nhóm cá nhân trong năm 2023 và 2024. Điều này phản ánh mức độ rủi ro cho vay lớn hơn đối với các khoản vay dành cho doanh nghiệp, có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân như tình hình kinh doanh khó khăn, biến động thị trường hoặc khả năng quản trị tài chính của doanh nghiệp chưa hiệu quả. Năm 2023 ghi nhận mức tăng đột biến trong tỷ lệ nợ xấu của nhóm doanh nghiệp, cho thấy đây có thể là giai đoạn có nhiều biến động kinh tế, ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của các doanh nghiệp vay vốn. Tuy nhiên, sang năm 2024, mặc dù tỷ lệ này vẫn ở mức cao nhưng có xu hướng ổn định hơn, cho thấy chi nhánh có thể đã thực hiện các biện pháp kiểm soát rủi ro và quản lý cho vay chặt chẽ hơn. Trong khi đó, nhóm khách hàng cá nhân có tỷ lệ nợ xấu duy trì ở mức thấp và ổn định, chứng tỏ khả năng trả nợ của nhóm này tương đối tốt. Điều này có thể xuất phát từ các khoản vay cá nhân thường có giá trị nhỏ hơn, kỳ hạn vay ngắn hơn, đồng thời khách hàng cá nhân thường có nguồn thu nhập ổn định hơn so với doanh nghiệp. Tỷ lệ nợ xấu của cả hai nhóm đối tượng trong năm 2024 vẫn cao hơn so với năm 2022, cho thấy áp lực về kiểm soát chất lượng cho vay vẫn là một thách thức đối với chi nhánh. Để đảm bảo hoạt động cho vay bền vững, VietinBank Hội An có thể cần tiếp tục tăng cường các biện pháp quản lý rủi

ro, đặc biệt đối với nhóm khách hàng doanh nghiệp, nhằm giảm thiểu các khoản nợ khó đòi và đảm bảo tăng trưởng cho vay ổn định trong những năm tới.

VietinBank – Chi nhánh Hội An đang có sự dịch chuyển trong cơ cấu cho vay, với xu hướng đẩy mạnh cho vay cá nhân, trong khi tăng trưởng cho vay doanh nghiệp có phần chững lại. Mặc dù dư nợ tiếp tục tăng, nợ xấu cũng gia tăng đáng kể, đặc biệt trong nhóm doanh nghiệp. Nhằm phân tích cơ cấu cho vay theo đối tượng vay, biểu đồ dưới đây thể hiện doanh số cho vay của VietinBank Hội An trong giai đoạn 2022 – 2024 đối với hai nhóm khách hàng chính: cá nhân và doanh nghiệp. Điều này giúp đánh giá mức độ ưu tiên cấp vốn cho từng nhóm đối tượng trong từng năm.



Biểu đồ 2.7. Biểu đồ doanh số cho vay phân theo đối tượng vay của Vietinbank – Chi nhánh Hội An (2022 – 2024) (ĐVT: Triệu đồng)

Nguồn: Phòng Tổng hợp NH TMCP Công Thương – CN Hội An.

Quan sát biểu đồ, có thể thấy rằng doanh nghiệp luôn chiếm tỷ trọng cao hơn so với khách hàng cá nhân trong cả ba năm. Điều này cho thấy chi nhánh có xu hướng tập trung vào hỗ trợ các doanh nghiệp, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, từ đó góp phần phát triển kinh tế địa phương. Mặc dù doanh số cho vay của doanh nghiệp luôn cao hơn, nhưng sự chênh lệch giữa hai nhóm đối tượng không quá lớn, VietinBank Hội An cũng dành sự quan tâm đáng kể đến khách hàng cá nhân, đặc biệt trong bối cảnh nhu cầu vay tiêu dùng, mua nhà, đầu tư cá nhân ngày càng gia tăng. Xu hướng tăng trưởng trong cả hai nhóm đối tượng thể hiện sự mở rộng hoạt động cho vay của chi nhánh, đồng thời phản ánh nhu cầu vay vốn ổn định và tăng dần qua các năm. Năm 2023 chứng kiến mức tăng đáng kể trong doanh số cho vay của cả hai nhóm, đặc biệt là doanh nghiệp, cho thấy sự phục hồi và phát triển mạnh mẽ của khu vực kinh tế tư nhân. Đến năm 2024, mức tăng vẫn duy trì nhưng tốc độ có phần chậm lại, có thể do những điều chỉnh về

chính sách cho vay hoặc sự ổn định hơn trong nhu cầu vay vốn của khách hàng. Biểu đồ 2.7 thể hiện sự biến động của tỷ lệ nợ xấu tại VietinBank Hội An trong giai đoạn 2022 – 2024, được phân theo hai nhóm khách hàng: cá nhân và doanh nghiệp. Việc theo dõi chỉ số này giúp đánh giá mức độ rủi ro cho vay của chi nhánh cũng như hiệu quả trong công tác quản lý và thu hồi nợ qua từng năm.

2.3.3.4. Thực trạng hoạt động cho vay phân theo mục đích sử dụng.

Hoạt động cho vay tại VietinBank – Chi nhánh Hội An trong giai đoạn 2022 – 2024 không chỉ tăng trưởng về quy mô mà còn có sự thay đổi đáng kể về cơ cấu. Để đáp ứng nhu cầu tài chính đa dạng của khách hàng, chi nhánh đã phân bổ nguồn vốn cho vay vào ba nhóm chính: vay phục vụ hoạt động kinh doanh, vay mua – xây dựng – sửa chữa nhà ở và vay tiêu dùng. Mỗi lĩnh vực có sự thay đổi khác nhau về tỷ trọng, phản ánh sự điều chỉnh trong chính sách cho vay cũng như xu hướng sử dụng vốn của khách hàng. Để hiểu rõ hơn về diễn biến này, bảng 2.7 sẽ cung cấp một cái nhìn chi tiết về sự tăng trưởng của từng hạng mục.

Bảng 2.8. Tình hình cho vay tại Vietinbank – CN Hội An (2022 – 2024) phân theo mục đích sử dụng (ĐVT: Triệu đồng)

CHỈ TIÊU	2022		2023		2024		Chênh lệch			
							2023/2022		2024/2023	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Doanh số cho vay	7.699.978	100,00%	8.155.586	100,00%	8.558.792	100,00%	455.608	5,92%	403.206	4,94%
Bổ sung vốn lưu động	2.204.504	28,63%	2.637.516	32,34%	2.867.913	33,51%	433.012	19,64%	230.397	8,74%
Đầu tư sản xuất	125.014	1,62%	47.382	0,58%	144.415	1,69%	- 77.631	- 62,10%	97.033	204,79%
Hoạt động thương mại – dịch vụ	1.547.695	20,10%	1.888.019	23,15%	1.590.362	18,58%	340.323	21,99%	- 297.657	- 15,77%
Mua, xây, sửa chữa nhà	3.758.016	48,81%	3.504.098	42,97%	3.890.190	45,45%	- 253.918	- 6,76%	386.092	11,02%
Tiêu dùng	64.749	0,84%	78.571	0,96%	65.912	0,77%	13.822	21,35%	- 12.659	- 16,11%
Doanh số thu nợ	6.236.967	100,00%	7.654.999	100,00%	7.753.811	100,00%	1.418.032	22,74%	98.812	1,29%
Bổ sung vốn lưu động	1.802.587	28,90%	2.064.837	26,97%	2.789.665	35,98%	262.250	14,55%	724.828	35,10%
Đầu tư sản xuất	255.726	4,10%	657.458	8,59%	241.576	3,12%	401.732	157,10%	- 415.882	- 63,26%

Hoạt động thương mại – dịch vụ	1.949.572	31,26%	1.293.411	16,90%	1.229.135	15,85%	- 656.161	- 33,66%	- 64.276	- 4,97%
Mua, xây, sửa chữa nhà	2.205.258	35,36%	3.571.120	46,65%	3.450.478	44,50%	1.365.862	61,94%	- 120.642	- 3,38%
Tiêu dùng	23.824	0,38%	68.173	0,89%	43.732	0,56%	44.349	186,15%	- 24.441	- 35,85%
Dư nợ cuối kỳ	8.890.789	100,00%	9.391.376	100,00%	10.196.357	100,00%	500.587	5,63%	804.981	8,57%
Bổ sung vốn lưu động	1.065.767	11,99%	1.996.578	21,26%	2.765.872	27,13%	930.811	87,34%	769.294	38,53%
Đầu tư sản xuất	2.402.073	27,02%	1.592.238	16,95%	1.496.084	14,67%	- 809.836	- 33,71%	- 96.154	- 6,04%
Hoạt động thương mại – dịch vụ	1.297.405	14,59%	1.533.640	16,33%	1.204.589	11,81%	- 868.433	- 36,15%	- 329.051	- 21,46%
Mua, xây, sửa chữa nhà	4.100.568	46,12%	4.233.546	45,08%	4.673.258	45,83%	132.978	3,24%	439.712	10,39%
Tiêu dùng	24.976	0,28%	35.374	0,38%	56.554	0,55%	10.398	41,63%	21.180	59,87%
Nợ xấu	22.532	100,00%	62.531	100,00%	70.035	100,00%	39.999	177,52%	7.504	12,00%
Bổ sung vốn lưu động	3.756	16,67%	4.645	7,43%	6.301	9,00%	889	23,67%	1.656	35,65%
Đầu tư sản xuất	1.033	4,58%	7.562	12,09%	9.160	13,08%	6.530	632,39%	1.598	21,14%

Hoạt động thương mại – dịch vụ	4.497	19,96%	6.617	10,58%	790	12,54%	2.119	47,12%	- 5.826	- 88,06%
Mua, xây, sửa chữa nhà	10.058	44,64%	39.245	62,76%	41.558	59,34%	29.187	290,19%	2.313	5,89%
Tiêu dùng	3.188	14,15%	4.462	7,14%	4.231	6,04%	1.274	39,96%	- 231	- 5,18%
Tỷ lệ nợ xấu	0,25%		0,67%		0,69%		0,41%		0,02%	
Bổ sung vốn lưu động	0,35%		0,23%		0,23%		- 0,12%		0,00%	
Đầu tư sản xuất	0,04%		0,48%		0,61%		0,44%		0,16%	
Hoạt động thương mại – dịch vụ	0,35%		0,43%		0,66%		0,08%		0,23%	
Mua, xây, sửa chữa nhà	0,25%		0,93%		0,89%		0,68%		0,21%	
Tiêu dùng	12,76%		12,61%		7,48%		-0,15%		5,13%	

Nguồn: Phòng Tổng hợp NH TMCP Công Thương – CN Hội An.

Về doanh số thu nợ, mức tăng trưởng cao nhất ghi nhận vào năm 2023, trong khi năm 2024 tốc độ thu nợ có phần chững lại, phản ánh một số khó khăn nhất định trong hoạt động thu hồi vốn. Xét theo từng nhóm mục đích sử dụng vốn, khoản vay phục vụ nhu cầu vốn lưu động luôn chiếm tỷ trọng cao và có chiều hướng tăng mạnh. Từ mức 1.802.587 triệu đồng vào năm 2022, doanh số thu nợ của nhóm này tăng lên 2.064.837 triệu đồng năm 2023 và tiếp tục đạt 2.789.665 triệu đồng trong năm 2024. Diễn biến tích cực này cho thấy người vay ở nhóm này có khả năng hoàn trả vốn khá tốt nhờ vào vòng quay vốn nhanh và hoạt động kinh doanh ổn định.

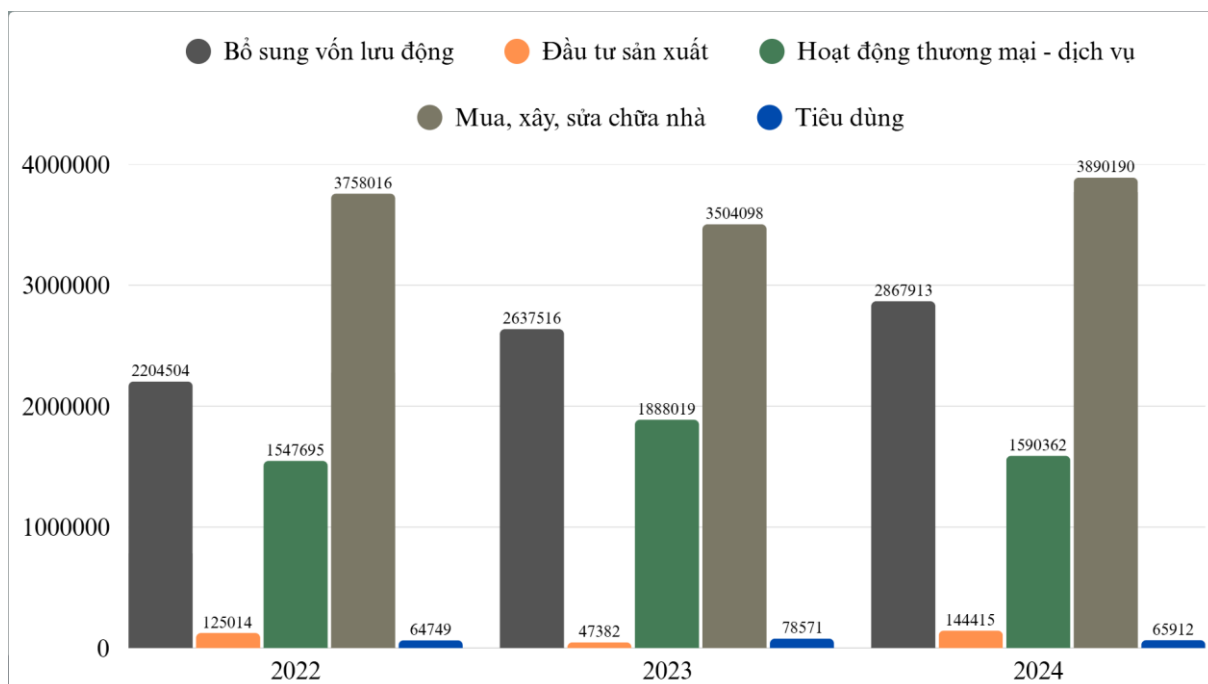
Nhóm đầu tư sản xuất ghi nhận những biến động đáng kể. Trong năm 2022, doanh số thu nợ là 255.726 triệu đồng, sang năm 2023 tăng mạnh lên 657.458 triệu đồng, tức tăng 401.732 triệu đồng, tương ứng 157,10%. Tuy nhiên, đến năm 2024, chỉ tiêu này lại giảm xuống còn 241.576 triệu đồng, sụt giảm 415.882 triệu đồng so với năm trước, tương ứng mức giảm -63,26%. Điều này phản ánh tính chất dài hạn và nhiều rủi ro hơn của nhóm vay này, khi hiệu quả sản xuất chưa kịp thời mang lại dòng tiền như mong muốn.

Nhóm vay phục vụ hoạt động thương mại và dịch vụ lại có chiều hướng giảm liên tục. Doanh số thu nợ giảm từ mức 1.949.572 triệu đồng năm 2022 xuống còn 1.293.411 triệu đồng năm 2023 và tiếp tục giảm còn 1.229.135 triệu đồng vào năm 2024. Nguyên nhân có thể đến từ việc một số khách hàng vẫn đang trong giai đoạn phục hồi sau thời kỳ khó khăn, khiến dòng tiền trả nợ gặp trở ngại. Với nhóm vay liên quan đến nhu cầu nhà ở, sau khi tăng từ 2.205.258 triệu đồng trong năm 2022 lên 3.571.120 triệu đồng năm 2023, doanh số thu nợ trong năm 2024 đã giảm nhẹ xuống còn 3.450.478 triệu đồng. Mức giảm là 120.642 triệu đồng, tương ứng -3,38%. Sự thay đổi này cho thấy ban đầu người vay có xu hướng trả nợ mạnh nhờ các chính sách hỗ trợ, nhưng sau đó áp lực kinh tế và chi phí sinh hoạt tăng đã ảnh hưởng đến khả năng thanh toán.

Nhóm vay tiêu dùng có sự cải thiện đáng kể trong năm 2023 khi doanh số thu nợ tăng từ 23.824 triệu đồng lên 68.173 triệu đồng, tương ứng mức tăng 186,15%. Tuy nhiên, đến năm 2024, con số này lại giảm xuống còn 43.732 triệu đồng, tức giảm 24.441 triệu đồng, tương ứng mức giảm -35,85%. Tình trạng này phản ánh sự thiếu ổn định trong thu nhập của người dân và xu hướng ưu tiên chi tiêu thiết yếu thay vì thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn.

Nợ xấu tại chi nhánh có sự biến động đáng kể theo từng mục đích sử dụng vốn. Nhóm bổ sung vốn lưu động có nợ xấu tăng mạnh vào năm 2024, từ 4.645 triệu đồng năm 2023 lên 6.301 triệu đồng năm 2024, tương ứng tăng 35,65%. Nhóm đầu tư sản xuất theo đó cũng tăng mạnh. Đặc biệt nhóm hoạt động thương mại – dịch vụ giảm mạnh từ 6.617 triệu đồng năm 2023, còn 790 triệu đồng năm 2024, cho thấy nền kinh tế đang dần phục hồi, cũng như du lịch đang trên đà trở lại mạnh mẽ, nhờ vậy chi nhánh đã kiểm

soát tốt nợ xấu ở nhóm này. Sự chững lại của bất động sản cũng khiến nợ xấu năm 2023 của nhóm mua, xây, sửa chữa nhà tăng đột biến 290,19% so với năm 2022. Tuy nhiên, chi nhánh vẫn kiểm soát tốt nợ xấu nhóm tiêu dùng, biểu hiện qua việc nợ xấu giảm qua các năm.



Biểu đồ 2.8. Biểu đồ doanh số cho vay phân theo mục đích sử dụng của Vietinbank – Chi nhánh Hội An (2022 – 2024) (ĐVT: Triệu đồng)

Nguồn: Phòng Tổng hợp NH TMCP Công Thương – CN Hội An.

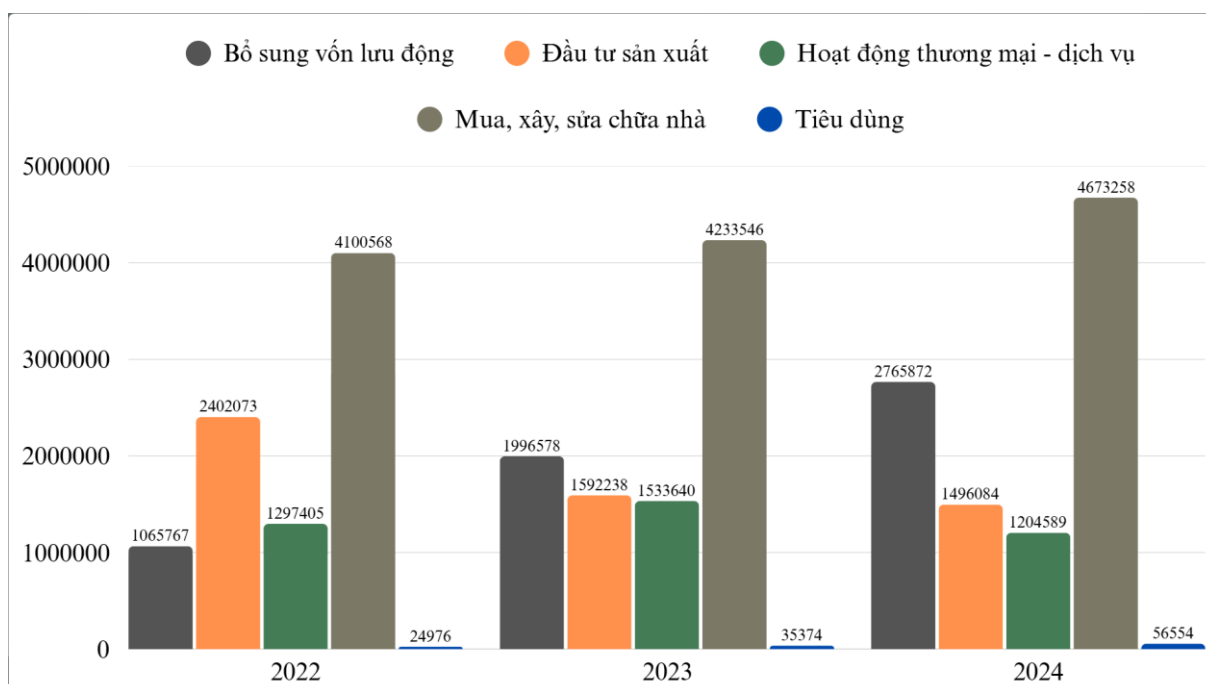
Việc phân bổ vốn vay theo mục đích sử dụng cho thấy sự thay đổi trong xu hướng tài chính của cá nhân và doanh nghiệp, đồng thời thể hiện chiến lược phát triển của chi nhánh. Các nhóm vay chính như vay bổ sung vốn lưu động, vay đầu tư sản xuất, vay thương mại – dịch vụ, vay mua, xây dựng, sửa chữa nhà và vay tiêu dùng đều ghi nhận sự biến động về doanh số, dư nợ và khả năng thu hồi vốn. Trong giai đoạn 2022 – 2024, tổng doanh số cho vay của VietinBank – CN Hội An có xu hướng tăng trưởng ổn định, từ 7.699.978 triệu đồng năm 2022 lên 8.558.792 triệu đồng năm 2024. Diễn biến này cho thấy chi nhánh duy trì chính sách cho vay tích cực nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của khách hàng trên địa bàn. Sự tăng trưởng này cũng phản ánh niềm tin của khách hàng đối với các sản phẩm cho vay tại chi nhánh, đồng thời cho thấy sự cải thiện trong năng lực thẩm định và giải ngân của chi nhánh. Khoản cho vay bổ sung vốn lưu động chiếm tỷ trọng lớn thứ hai trong cơ cấu cho vay theo mục đích, với xu hướng tăng trưởng rõ nét. Năm 2024, doanh số cho vay ở chỉ tiêu này đạt 2.867.913 triệu đồng, tăng 19,64% so với năm 2022. Nguyên nhân chính là do nhu cầu vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất – kinh doanh ngắn hạn của doanh nghiệp có xu hướng tăng, đặc biệt trong bối cảnh phục hồi kinh tế sau đại dịch. Đồng thời, chi nhánh cũng đẩy mạnh các gói vay ưu đãi ngắn hạn nhằm kích cầu trong lĩnh vực này.

Cho vay đầu tư sản xuất tuy có sự biến động về tỷ trọng, tăng từ 1,62% năm 2022 lên 1,69% năm 2024, giá trị tuyệt đối tăng nhẹ, đạt 144.415 triệu đồng vào năm 2024. Sự biến động này có thể xuất phát từ sự thận trọng hơn của chi nhánh trong việc tài trợ các khoản vay trung dài hạn hoặc do cầu đầu tư sản xuất chưa phục hồi mạnh mẽ.

Hoạt động thương mại – dịch vụ là một chỉ tiêu có tỷ trọng ổn định dao động khoảng 20,1%–18,58% qua các năm, tuy nhiên giá trị cho vay có xu hướng giảm nhẹ trong năm 2024, đạt 1.590.362 triệu đồng. Sự sụt giảm này có thể do sức mua trên thị trường chưa phục hồi rõ rệt, khiến doanh nghiệp trong lĩnh vực này hoạt động cầm chừng, dẫn đến nhu cầu vay vốn giảm. Bên cạnh đó, chi nhánh cũng siết chặt hơn quy trình xét duyệt với nhóm ngành có tính rủi ro cao như nhà hàng, du lịch, bán lẻ.

Trong ba năm, nhóm vay mua, xây, sửa chữa nhà luôn chiếm tỷ trọng cao nhất, thể hiện qua việc nhóm mua, xây, sửa chữa nhà có độ cao vượt trội so với các nhóm còn lại. Điều này cho thấy nhu cầu vay vốn phục vụ mục đích mua sắm và cải tạo nhà ở tại Hội An luôn duy trì ở mức cao, đóng vai trò trụ cột trong hoạt động cho vay của chi nhánh. Tuy nhiên vẫn có sự biến động nhẹ, năm 2022 đạt 3.758.016 triệu đồng chiếm 48,81%, sang năm 2023 giảm xuống còn 3.504.098 triệu đồng và tăng trở lại ở năm 2024, đạt 3.890.190 triệu đồng, chiếm 45,45% tổng doanh số cho vay năm 2024. Nguyên nhân dẫn đến sự sụt giảm ở năm 2023 có thể xuất phát từ việc thị trường bất động sản hạ nhiệt, người dân và nhà đầu tư thận trọng hơn trước biến động kinh tế. Đồng thời, chính sách siết tín dụng bất động sản giai đoạn này cũng ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận vốn vay. Đến năm 2024, dư nợ tăng trở lại là do nhu cầu mua và cải tạo nhà ở phục hồi, cùng với việc một số ngân hàng nới lỏng tiêu chuẩn cho vay và áp dụng các chương trình tín dụng ưu đãi, đặc biệt là với khách hàng cá nhân có thu nhập ổn định.

Hoạt động cho vay tiêu dùng có xu hướng biến động nhẹ trong giai đoạn 2022–2024. Năm 2023, dư nợ tiêu dùng đạt 78.571 triệu đồng, tăng 21,35% so với năm 2022. Tuy nhiên, sang năm 2024, dư nợ giảm còn 65.912 triệu đồng, tương ứng mức giảm -16,11%. Nguyên nhân chủ yếu là do nhu cầu tiêu dùng cá nhân có xu hướng giảm nhẹ trong bối cảnh chi tiêu tiết kiệm hơn sau dịch bệnh, cùng với đó là sự cạnh tranh từ các TCTD khác với sản phẩm linh hoạt và lãi suất cạnh tranh. Ngoài ra, ngân hàng cũng có xu hướng tập trung vào các khoản vay sản xuất, kinh doanh và mua sửa nhà – các lĩnh vực có tỷ trọng và dư địa tăng trưởng lớn hơn.



Biểu đồ 2.9. Biểu đồ dư nợ cuối kỳ phân theo mục đích sử dụng của Vietinbank – Chi nhánh Hội An (2022 – 2024) (ĐVT: Triệu đồng)

Nguồn: Phòng Tổng hợp NH TMCP Công Thương – CN Hội An.

Dư nợ cuối kỳ tại chi nhánh có xu hướng tăng trưởng liên tục, cụ thể, dư nợ cuối kỳ tăng từ 8.890.789 triệu đồng năm 2022 lên 9.391.376 triệu đồng năm 2023, tương ứng mức tăng 500.587 triệu đồng, đạt tỷ lệ 5,63%. Sang năm 2024, dư nợ tiếp tục tăng lên 10.196.357 triệu đồng, tăng thêm 804.981 triệu đồng, tương ứng 8,57% so với năm trước. Điều này phản ánh quy mô cho vay của chi nhánh ngày càng được mở rộng, phần nào thể hiện được khả năng thu hút khách hàng và tăng trưởng hoạt động tín dụng theo hướng ổn định.

Xét theo cơ cấu, nhóm dư nợ bổ sung vốn lưu động có mức tăng nhanh và đều đặn qua các năm. Dư nợ tăng từ 1.065.767 triệu đồng năm 2022 lên 1.996.578 triệu đồng năm 2023, rồi tiếp tục đạt 2.765.872 triệu đồng vào năm 2024. Tốc độ tăng trưởng lần lượt 87,34% và 38,53%. Sự gia tăng này phản ánh nhu cầu vốn phục vụ hoạt động ngắn hạn ngày càng lớn, đồng thời cho thấy kết quả thu hồi vốn từ nhóm này tương đối tốt.

Ngược lại, dư nợ thuộc nhóm đầu tư sản xuất lại có chiều hướng giảm. Từ mức 2.402.073 triệu đồng vào năm 2022, chỉ tiêu này giảm còn 1.592.238 triệu đồng vào năm 2023 và tiếp tục giảm xuống 1.496.084 triệu đồng trong năm 2024. Tỷ lệ giảm lần lượt là -33,71% và -6,04%. Việc sụt giảm cho thấy hoạt động sản xuất tại địa phương chưa thật sự ổn định, dẫn đến tâm lý e ngại trong tiếp cận vốn dài hạn hoặc khó khăn trong phương án sử dụng vốn hiệu quả.

Nhóm dư nợ cho hoạt động thương mại – dịch vụ cũng ghi nhận xu hướng đi xuống. Từ 1.297.405 triệu đồng năm 2022, chỉ tiêu này tăng nhẹ lên 1.533.640 triệu đồng năm 2023 nhưng lại giảm còn 1.204.589 triệu đồng trong năm 2024. Diễn biến

này phần nào thể hiện những khó khăn của khối ngành thương mại – dịch vụ sau biến động chung của nền kinh tế, ảnh hưởng đến khả năng mở rộng dư nợ.

Nhóm vay mua, xây dựng và sửa chữa nhà ở vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng dư nợ. Dư nợ nhóm này duy trì ở mức cao và ổn định, lần lượt là 4.100.568 triệu đồng năm 2022, 4.233.546 triệu đồng năm 2023 và 4.673.258 triệu đồng năm 2024. Tốc độ tăng trưởng tương đối ổn định qua các năm, đạt 3,24% và 10,39%. Điều này phản ánh nhu cầu về chỗ ở của người dân vẫn cao, đặc biệt là trong bối cảnh đô thị hóa và phát triển hạ tầng tại địa phương diễn ra mạnh mẽ.

Cuối cùng, nhóm dư nợ tiêu dùng có quy mô nhỏ nhất nhưng tốc độ tăng trưởng lại đáng chú ý. Dư nợ tăng từ 24.976 triệu đồng năm 2022 lên 35.374 triệu đồng năm 2023 và đạt 56.554 triệu đồng năm 2024. Tốc độ tăng trong năm 2023 là 41,63% và tiếp tục đạt 59,87% trong năm 2024. Sự gia tăng này thể hiện xu hướng mở rộng tín dụng đến các khoản chi tiêu nhỏ lẻ, đáp ứng nhu cầu đời sống cá nhân và sinh hoạt gia đình ngày càng cao của người dân.

2.3.3.5. Thực trạng hoạt động cho vay phân theo ngành nghề.

Hoạt động cho vay đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của ngân hàng, đặc biệt là tại các chi nhánh phục vụ nhiều ngành nghề kinh tế khác nhau. Việc theo dõi và phân tích cơ cấu dư nợ theo ngành nghề giúp ngân hàng đánh giá rủi ro, điều chỉnh chính sách cho vay phù hợp với tình hình thị trường. Bảng số liệu dưới đây phản ánh tình hình dư nợ theo ngành nghề tại VietinBank Hội An trong giai đoạn 2022 – 2024, từ đó cho thấy xu hướng cho vay và thu hồi nợ tại chi nhánh.

Bảng 2.9. Tình hình cho vay tại Vietinbank – CN Hội An (2022 – 2024) phân theo ngành nghề (ĐVT: Triệu đồng)

CHỈ TIÊU	2022		2023		2024		Chênh lệch			
							2023/2022		2024/2023	
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Doanh số cho vay	7.699.978	100,00%	8.155.586	100,00%	8.558.792	100,00%	455.608	5,92%	403.206	4,94%
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	3.156.221	40,99%	3.642.285	44,66%	3.885.692	45,40%	486.064	15,40%	243.407	6,68%
Kinh doanh bất động sản	954.797	12,40%	1.286.951	15,78%	1.412.201	16,50%	332.154	34,79%	125.249	9,73%
Ngành hàng tiêu dùng	1.934.234	25,12%	1.510.415	18,52%	1.325.757	15,49%	- 423.820	- 21,91%	- 184.658	- 12,23%
Dệt may	572.878	7,44%	654.078	8,02%	716.371	8,37%	81.200	14,17%	62.293	9,52%
Thực phẩm, đồ uống	273.349	3,55%	306.650	3,76%	345.775	4,04%	33.301	12,18%	39.125	12,76%
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	602.908	7,83%	650.816	7,98%	714.659	8,35%	47.907	7,95%	63.843	9,81%
Khác	205.589	2,67%	104.392	1,28%	158.338	1,85%	- 101.198	- 49,22%	53.946	51,68%
Doanh số thu nợ	6.236.967	100,00%	7.654.999	100,00%	7.753.811	100,00%	1.418.032	22,74%	98.812	1,29%

Dịch vụ lưu trú và ăn uống	2.577.456	41,33%	3.577.969	46,74%	3.458.786	44,61%	1.000.513	38,82%	- 119.183	- 3,33%
Kinh doanh bất động sản	773.726	12,41%	1.177.884	15,39%	1.380.678	17,81%	404.158	52,24%	202.794	17,22%
Ngành hàng tiêu dùng	1.473.645	23,63%	1.276.964	16,68%	1.143.732	14,75%	- 196.681	- 13,35%	- 133.232	- 10,43%
Dệt may	517.653	8,30%	582.647	7,61%	669.783	8,64%	64.994	12,56%	87.136	14,96%
Thực phẩm, đồ uống	207.563	3,33%	302.865	3,96%	326.589	4,21%	95.302	45,91%	23.724	7,83%
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	517.463	8,30%	639.796	8,36%	674.937	8,70%	122.333	23,64%	35.141	5,49%
Khác	169.461	2,72%	96.874	1,27%	99.306	1,28%	- 72.587	- 42,83%	2.432	2,51%
Tổng dư nợ	8.890.789	100,00%	9.391.376	100,00%	10.196.357	100,00%	500.587	5,63%	804.981	8,57%
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	4.164.446	46,84%	4.389.529	46,74%	4.364.702	42,81%	225.084	5,40%	- 24827	- 0,57%
Kinh doanh bất động sản	1.421.637	15,99%	1.445.333	15,39%	1.745.159	17,12%	23.696	1,67%	299.826	20,74%
Ngành hàng tiêu dùng	1.402.967	15,78%	1.566.482	16,68%	1.565.289	15,35%	163.515	11,65%	- 1.193	- 0,08%
Dệt may	676.589	7,61%	714.684	7,61%	814.644	7,99%	38.095	5,63%	99.960	13,99%
Thực phẩm, đồ uống	362.744	4,08%	386.925	4,12%	571.897	5,61%	24.181	6,67%	184.972	47,81%

Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	633.024	7,12%	725.014	7,72%	962.508	9,44%	91.990	14,53%	237.494	32,76%
Khác	229.382	2,58%	163.410	1,74%	172.158	1,69%	- 65.972	- 28,76%	8.748	5,35%
Nợ xấu	22.532	100,00%	62.531	100,00%	70.035	100,00%	39.999	177,52%	7.504	12,00%
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	11.746	52,13%	37.247	59,57%	39.889	56,96%	25.501	217,10%	2642	7,09%
Kinh doanh bất động sản	4.743	21,05%	12.846	20,54%	14.893	21,27%	8103	170,84%	2047	15,93%
Ngành hàng tiêu dùng	3.932	17,45%	10.454	16,72%	13.647	19,49%	6522	165,87%	3193	30,54%
Dệt may	748	3,32%	637	1,02%	534	0,76%	- 111	- 14,84%	- 103	- 16,17%
Thực phẩm, đồ uống	1.064	4,72%	994	1,59%	749	1,07%	- 70	- 6,58%	- 245	-24,65%
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	127	0,56%	118	0,19%	102	0,15%	- 9	- 7,09%	- 16	- 13,56%
Khác	172	0,76%	235	0,38%	221	0,32%	63	36,63%	- 14	- 5,96%
Tỷ lệ nợ xấu	0,25%		0,67%		0,69%		0,41%		0,02%	
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	0,28%		0,85%		0,91%		0,57%		0,07%	

Kinh doanh bất động sản	0,33%	0,89%	0,85%	0,56%	- 0,04%
Ngành hàng tiêu dùng	0,28%	0,67%	0,87%	0,39%	0,20%
Dệt may	0,11%	0,09%	0,07%	- 0,02%	- 0,02%
Thực phẩm, đồ uống	0,29%	0,26%	0,13%	- 0,04%	- 0,13%
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	0,02%	0,02%	0,01%	0,00%	- 0,01%
Khác	0,07%	0,14%	0,13%	0,07%	- 0,02%

Nguồn: Phòng Tổng hợp NH TMCP Công Thương – CN Hội An.

Qua bảng, có thể thấy xu hướng tăng trưởng ổn định trong hoạt động cho vay, với sự gia tăng đáng kể ở một số ngành như dịch vụ lưu trú và ăn uống, kinh doanh bất động sản, và vay tiêu dùng. Ngược lại, một số lĩnh vực như dệt may và thực phẩm, đồ uống có mức tăng trưởng khiêm tốn hơn. Dịch vụ lưu trú và ăn uống là lĩnh vực có tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu cho vay. Doanh số cho vay ngành này tăng từ 3.156.221 triệu đồng năm 2022 lên 3.642.285 triệu đồng năm 2023 và tiếp tục đạt 3.885.692 triệu đồng năm 2024 tức tăng 6,68%. Nguyên nhân chính là do đặc thù kinh tế Hội An tập trung phát triển mạnh mẽ du lịch, kéo theo nhu cầu lớn về vốn đầu tư xây dựng, nâng cấp khách sạn, nhà hàng và các cơ sở lưu trú. Bên cạnh đó, sau giai đoạn dịch bệnh, ngành du lịch phục hồi nhanh chóng cũng góp phần thúc đẩy tăng trưởng cho vay trong lĩnh vực này.

Kinh doanh bất động sản cũng đóng vai trò quan trọng, doanh số cho vay trong lĩnh vực này có sự gia tăng đáng kể từ 954.721 triệu đồng năm 2022 lên 1.286.951 triệu đồng năm 2023 tăng 34,79%, và đạt 1.412.207 triệu đồng năm 2024 tăng 9,73%. Sự gia tăng này phản ánh tín hiệu phục hồi và phát triển tích cực của thị trường bất động sản tại Hội An, đặc biệt là các dự án nhà ở đô thị, đất nền và bất động sản nghỉ dưỡng. Đồng thời, nhiều cá nhân có nhu cầu vay mua đất, xây nhà cũng gia tăng trở lại sau giai đoạn trì hoãn đầu tư.

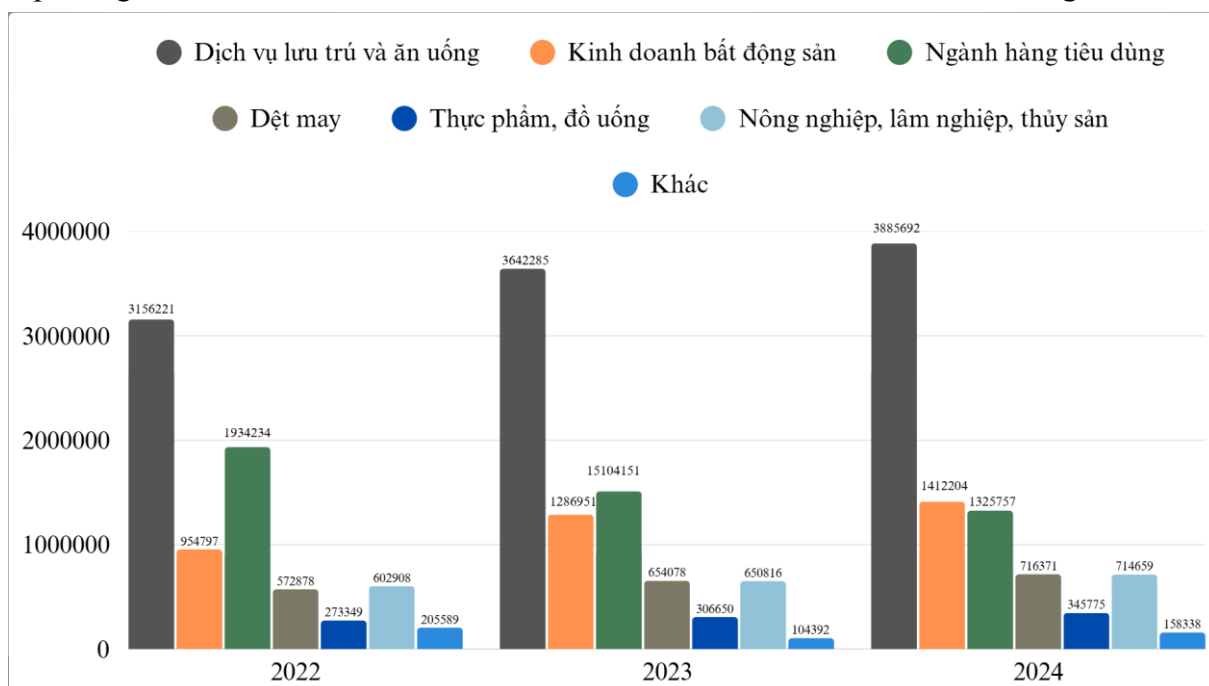
Vay hàng tiêu dùng có xu hướng tăng chậm hơn so với các ngành khác. Năm 2022, doanh số cho vay tiêu dùng đạt 1.150.816 triệu đồng, tăng lên 1.510.805 triệu đồng năm 2023 nhưng chỉ đạt 1.516.377 triệu đồng năm 2024. Mức tăng trưởng thấp trong năm 2024 có thể xuất phát từ tâm lý thận trọng của người tiêu dùng trước biến động kinh tế vĩ mô và áp lực chi phí sinh hoạt tăng cao. Ngoài ra, chi nhánh cũng có thể đã siết chặt điều kiện cho vay tiêu dùng nhằm hạn chế rủi ro đối với các khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Mặc dù một số ngành có tỷ trọng thấp trong cơ cấu doanh số cho vay, nhưng vẫn ghi nhận tăng trưởng ổn định về dư nợ. Ví dụ, ngành nông nghiệp – thủy sản có dư nợ tăng từ 502.898 triệu đồng năm 2022 lên 650.860 triệu đồng năm 2023 và đạt 715.473 triệu đồng năm 2024. Điều này cho thấy chi nhánh vẫn duy trì chính sách hỗ trợ vốn cho các hộ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và các doanh nghiệp nhỏ hoạt động trong lĩnh vực nông – lâm – ngư nghiệp, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn.

Nợ xấu tại VietinBank – Chi nhánh Hội An có xu hướng tăng mạnh năm 2023 như ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống, kinh doanh bất động sản, ngành hàng tiêu dùng, các ngành còn lại tương đối giảm. Trong đó, nợ xấu trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản tăng mạnh từ 11.746 triệu đồng năm 2022 lên 37.247 triệu đồng năm 2023 và đạt 39.889 triệu đồng năm 2024. Nguyên nhân chủ yếu là do sự biến động về giá trị bất động sản khiến nhiều khoản vay thế chấp nhà, đất bị giảm giá trị bảo đảm, kéo theo rủi

ro mất khả năng chi trả khi khách hàng gặp khó khăn tài chính. Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ cũng tăng từ 0,25% năm 2022 lên 0,67% năm 2023 và 0,69% năm 2024. Dù mức tăng không quá cao, nhưng xu hướng tăng liên tục là dấu hiệu cảnh báo. Điều đó cho thấy chi nhánh cần rà soát lại quy trình thẩm định, kiểm soát rủi ro, và có biện pháp xử lý nợ xấu kịp thời nhằm đảm bảo chất lượng cho vay.

Cho vay đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương, đặc biệt tại các khu vực có ngành du lịch phát triển như Hội An. Biểu đồ 2.10 phản ánh tình hình doanh số cho vay tại VietinBank – Chi nhánh Hội An từ năm 2022 đến 2024, phân theo ngành nghề. Dựa trên hình dạng biểu đồ, có thể thấy sự phân bổ vốn cho vay tập trung vào một số lĩnh vực chủ chốt, đặc biệt là dịch vụ lưu trú và ăn uống.



Biểu đồ 2.10. Biểu đồ doanh số cho vay phân theo ngành nghề của Vietinbank – Chi nhánh Hội An (2022 – 2024) (ĐVT: Triệu đồng)

Nguồn: Phòng Tổng hợp NH TMCP Công Thương – CN Hội An.

Dữ liệu cho thấy ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng dư nợ của chi nhánh trong suốt ba năm. Đây là lĩnh vực có nhu cầu vốn cao, phản ánh đặc trưng của Hội An – một thành phố du lịch phát triển mạnh mẽ. Khoản dư nợ của ngành này duy trì ở mức trên 3.000.000 triệu đồng mỗi năm, cho thấy sự ổn định trong nhu cầu vay vốn. Bên cạnh đó, vay tiêu dùng và kinh doanh bất động sản cũng là hai lĩnh vực có dư nợ đáng kể, chỉ đứng sau dịch vụ lưu trú và ăn uống. Điều này phản ánh nhu cầu tài chính của cá nhân và doanh nghiệp trong việc mua sắm, tiêu dùng cũng như đầu tư vào bất động sản.

Từ biểu đồ, có thể thấy VietinBank – Chi nhánh Hội An có định hướng tập trung mạnh vào các ngành dịch vụ, đặc biệt là du lịch và ăn uống. Cơ cấu dư nợ phản ánh đúng đặc điểm kinh tế của địa phương, khi Hội An chủ yếu phát triển dựa trên ngành du

lịch. Sự ổn định trong các khoản vay cho kinh doanh bất động sản và tiêu dùng cũng cho thấy nhu cầu tài chính cá nhân và doanh nghiệp vẫn ở mức cao. Biểu đồ cho thấy sự phát triển ổn định của danh mục cho vay tại VietinBank Hội An, với trọng tâm là hỗ trợ các ngành dịch vụ, du lịch và bất động sản – những lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế địa phương.

2.3.3.6. Thực trạng hoạt động cho vay phân theo tài sản đảm bảo.

Trong hoạt động cho vay, tài sản bảo đảm đóng vai trò quan trọng trong việc hạn chế rủi ro và nâng cao hoạt động quản lý nợ vay. Tại VietinBank – Chi nhánh Hội An, cơ cấu cho vay theo tài sản bảo đảm phản ánh rõ nét chính sách cho vay cũng như xu hướng cấp vốn của ngân hàng đối với từng nhóm khách hàng. Các khoản vay có tài sản bảo đảm giúp ngân hàng giảm thiểu rủi ro cho vay, trong khi những khoản vay không có tài sản thế chấp thể hiện sự linh hoạt trong chính sách nhằm hỗ trợ khách hàng cá nhân và doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn một cách thuận lợi hơn. Bảng số liệu dưới đây sẽ cung cấp cái nhìn cụ thể về tình hình cho vay tại VietinBank – Chi nhánh Hội An theo tài sản bảo đảm, phản ánh sự thay đổi trong cơ cấu cho vay qua các năm 2022 – 2024.

Bảng 2.10. Tình hình cho vay tại Vietinbank – CN Hội An (2022 – 2024) phân theo tài sản bảo đảm (ĐVT: Triệu đồng)

CHỈ TIÊU	2022		2023		2024		Chênh lệch			
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	2023/2022		2024/2023	
							Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Doanh số cho vay	7.699.978	100,00%	8.155.586	100,00%	8.558.792	100,00%	455.608	5,92%	403.206	4,94%
Tài sản có TSBĐ	7.682.983	99,78%	8.145.225	99,87%	8.547.919	99,87%	462.242	6,02%	402.694	4,94%
Tài sản không có TSBĐ	16.995	0,22%	10.361	0,13%	10.873	0,13%	- 6.634	- 39,04%	512	4,94%
Doanh số thu nợ	6.236.967	100,00%	7.654.999	100,00%	7.753.811	100,00%	1.418.032	22,74%	98.812	1,29%
Tài sản có TSBĐ	6.235.448	99,98%	7.651.185	99,95%	7.745.938	99,90%	1.415.737	22,70%	94.753	1,24%
Tài sản không có TSBĐ	1.519	0,02%	3.814	0,05%	7.873	0,10%	2.295	151,09%	4.059	106,42%
Tổng dư nợ	8.890.789	100,00%	9.391.376	100,00%	10.196.357	100,00%	500.587	5,63%	804.981	8,57%
Tài sản có TSBĐ	8.850.985	99,55%	9.345.025	99,51%	10.147.006	99,52%	494.040	5,58%	801.981	8,58%
Tài sản không có TSBĐ	39.804	0,45%	46.351	0,49%	49.351	0,48%	6.547	16,45%	3.000	6,47%
Nợ xấu	22.532	100,00%	62.531	100,00%	70.035	100,00%	39.999	177,52%	7.504	12,00%
Tài sản có TSBĐ	22.532	100,00%	62.531	100,00%	70.035	100,00%	39.999	177,52%	7.504	12,00%
Tài sản không có TSBĐ	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%	0	0%
Tỷ lệ nợ xấu	0,25%		0,67%		0,69%		0,41%		0,02%	
Tài sản có TSBĐ	0,25%		0,67%		0,69%		0,41%		0,02%	
Tài sản không có TSBĐ	0%		0%		0%		0%		0%	

Nguồn: Phòng Tổng hợp NH TMCP Công Thương – CN Hội An.

Qua các năm, VietinBank – Chi nhánh Hội An đã duy trì chính sách kiểm soát rủi ro một cách chặt chẽ, thể hiện rõ qua việc phần lớn các khoản vay đều được cấp trên cơ sở có tài sản bảo đảm. Tỷ trọng các khoản vay có TSBĐ luôn ở mức rất cao, phản ánh rõ định hướng thận trọng trong hoạt động cho vay của chi nhánh. Trước hết, tổng doanh số cho vay của chi nhánh ghi nhận xu hướng tăng trưởng ổn định qua ba năm, cho thấy khả năng mở rộng cho vay của chi nhánh được duy trì. Trong cơ cấu doanh số cho vay, các khoản vay có TSBĐ luôn chiếm tỷ trọng tuyệt đối, duy trì trên mức 99,7%, cụ thể, năm 2022, tỷ trọng này đạt 99,78%, và tiếp tục tăng nhẹ lên 99,87% vào năm 2024. Nguyên nhân là do chi nhánh ưu tiên chính sách cho vay an toàn, giảm thiểu rủi ro thông qua việc yêu cầu tài sản đảm bảo phù hợp, đặc biệt trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động. Các khoản vay không có TSBĐ (tín chấp) chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong cơ cấu, nhưng có sự biến động rõ rệt về giá trị. Năm 2022, các khoản vay này chỉ chiếm 0,22% trong tổng doanh số cho vay, giảm xuống 0,13% vào năm 2023 và duy trì ở năm 2024, do tính chất rủi ro cao nên tỷ trọng vẫn được kiểm soát ở mức rất thấp.

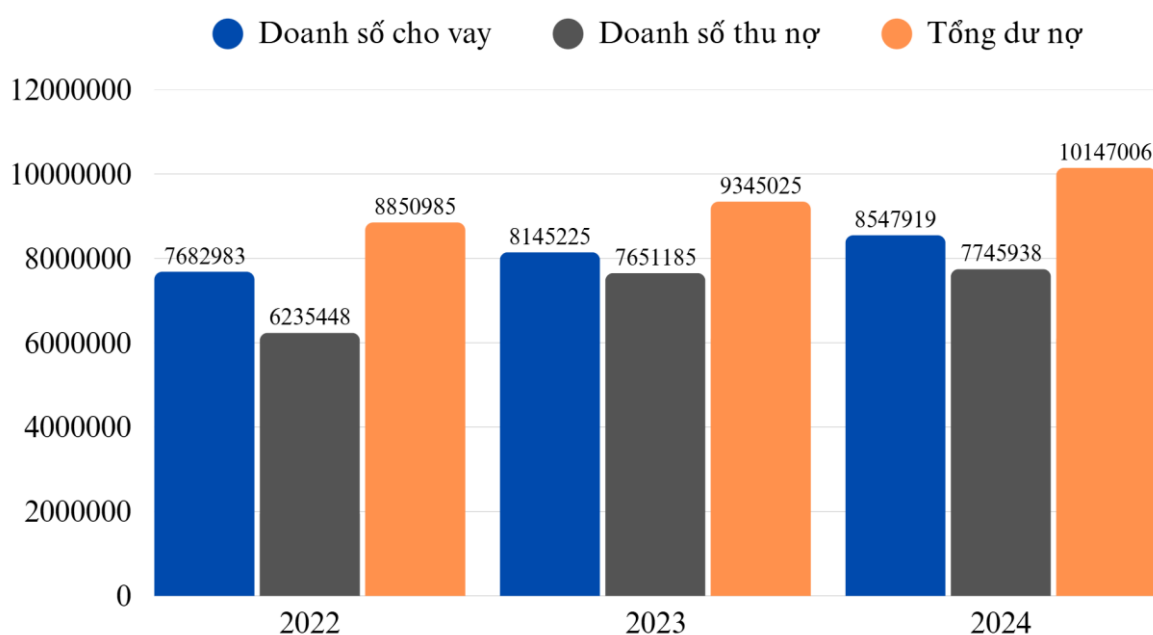
Doanh số thu nợ cũng có xu hướng tăng trưởng mạnh mẽ trong cả ba năm. Tương tự doanh số cho vay, thu nợ từ các khoản vay có TSBĐ luôn chiếm trên 99,5% tổng doanh số thu nợ, phản ánh khả năng thu hồi vốn hiệu quả của chi nhánh đối với nhóm khách hàng vay có tài sản đảm bảo. Nguyên nhân là do việc có tài sản bảo đảm giúp chi nhánh dễ dàng xử lý khi khách hàng mất khả năng thanh toán, từ đó giảm thiểu rủi ro mất vốn. Dù mức tăng trưởng thu nợ trong năm 2024 có chậm lại so với năm 2023, nhưng tổng doanh số vẫn cho thấy sự ổn định trong dòng tiền hoàn trả từ khách hàng.

Về cơ cấu dư nợ, các khoản vay có TSBĐ tiếp tục chiếm tỷ trọng áp đảo trong tổng dư nợ tại chi nhánh, cụ thể, tỷ trọng này đạt 99,55% năm 2022, giảm nhẹ xuống 99,51% năm 2023, và phục hồi lên 99,52% năm 2024. Điều này tiếp tục phản ánh chiến lược thận trọng của chi nhánh, tập trung cấp cho vay cho các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản có giá trị, giúp nâng cao khả năng thu hồi nợ và kiểm soát rủi ro nợ xấu. Ngược lại, dư nợ không có TSBĐ tuy chiếm tỷ trọng nhỏ nhưng có xu hướng tăng nhẹ về giá trị tuyệt đối. Năm 2022, dư nợ không có TSBĐ chỉ ở mức 39.804 triệu đồng, tăng lên 46.351 triệu đồng vào năm 2023, và tiếp tục tăng lên 49.351 triệu đồng vào năm 2024. Việc tăng dần dư nợ tín chấp có thể cho thấy chi nhánh đang từng bước đa dạng hóa danh mục cho vay, hỗ trợ thêm cho các khách hàng tiềm năng không có tài sản thế chấp nhưng có lịch sử cho vay tốt, thu nhập ổn định hoặc uy tín doanh nghiệp.

Toàn bộ nợ xấu trong giai đoạn 2022 – 2024 đều thuộc nhóm các khoản vay có TSBĐ, trong khi các khoản vay không có TSBĐ không phát sinh nợ xấu nào. Điều này cho thấy rằng dù chi nhánh chủ yếu tập trung cho vay có bảo đảm, nhưng rủi ro vẫn hiện hữu. Nguyên nhân có thể đến từ việc một số khách hàng mất khả năng thanh toán do biến động kinh tế, kinh doanh thua lỗ hoặc tài sản thế chấp không có tính thanh khoản

cao. Tuy nhiên, vì có tài sản đảm bảo, chi nhánh vẫn có cơ sở pháp lý để tiến hành thu hồi nợ thông qua xử lý tài sản, từ đó hạn chế tổn thất tài chính. Chính sách cho vay có TSBĐ được VietinBank – Chi nhánh Hội An duy trì nhất quán, thể hiện sự thận trọng và ưu tiên an toàn vốn. Mặc dù có sự mở rộng nhẹ đối với các khoản vay không có tài sản bảo đảm, tỷ trọng vẫn được kiểm soát chặt chẽ. Điều này phản ánh sự cân bằng giữa mục tiêu phát triển cho vay và yêu cầu kiểm soát rủi ro trong bối cảnh hoạt động chi nhánh ngày càng chịu nhiều áp lực từ thị trường.

Việc cấp cho vay dựa trên tài sản bảo đảm là một trong những chiến lược quan trọng nhằm kiểm soát rủi ro và đảm bảo hiệu quả vốn vay. Tuy nhiên, việc gia tăng dư nợ không có TSBĐ cho thấy chi nhánh đang mở rộng chính sách cho vay nhằm tiếp cận nhiều nhóm khách hàng hơn. Điều này có thể giúp chi nhánh tăng trưởng doanh thu, nhưng cũng đòi hỏi sự giám sát chặt chẽ hơn để tránh rủi ro cho vay gia tăng. Biểu đồ 2.11 sẽ thể hiện diễn biến doanh số cho vay, doanh số thu nợ và tổng dư nợ của VietinBank – Chi nhánh Hội An trong giai đoạn 2022 – 2024, giúp đánh giá sự phát triển cho vay cũng như kết quả thu hồi nợ của chi nhánh.



Biểu đồ 2.11. Biểu đồ cho vay phân theo tài sản có tài sản bảo đảm của Vietinbank – Chi nhánh Hội An (2022 – 2024) (ĐVT: Triệu đồng)

Nguồn: Phòng Tổng hợp NH TMCP Công Thương – CN Hội An.

Biểu đồ cho thấy xu hướng gia tăng ở cả ba chỉ tiêu qua từng năm, phản ánh sự mở rộng hoạt động cho vay của VietinBank Hội An. Doanh số cho vay tăng đều từ năm 2022 đến 2024, chứng tỏ chi nhánh đã tích cực thúc đẩy hoạt động cho vay, mở rộng quy mô cho vay để hỗ trợ khách hàng cá nhân và doanh nghiệp. Việc tăng trưởng này có thể đến từ chính sách cho vay linh hoạt, đáp ứng nhu cầu vốn đa dạng của khách hàng trong bối cảnh kinh tế phục hồi và phát triển.

Cùng với sự gia tăng của doanh số cho vay, doanh số thu nợ cũng tăng qua từng năm, cho thấy chi nhánh đã nâng cao được hiệu quả thu hồi vốn. Điều này phản ánh khả năng quản lý cho vay tốt, giúp duy trì sự cân bằng giữa việc cấp cho vay và thu hồi vốn, hạn chế rủi ro về dòng tiền và nợ quá hạn. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng của doanh số thu nợ có phần thấp hơn so với doanh số cho vay, điều này đồng nghĩa với việc tổng dư nợ tiếp tục gia tăng đáng kể qua các năm, đặc biệt trong năm 2024.

Việc tổng dư nợ tăng mạnh đặt ra thách thức lớn cho VietinBank Hội An trong công tác quản lý rủi ro cho vay. Dư nợ cao có thể đem lại nguồn thu lãi suất ổn định nhưng cũng làm gia tăng áp lực lên việc kiểm soát chất lượng cho vay. Nếu không có biện pháp quản lý hiệu quả, nguy cơ nợ xấu có thể tăng lên, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của chi nhánh. Do đó, bên cạnh việc đẩy mạnh tăng trưởng cho vay, VietinBank Hội An cần chú trọng hơn đến các biện pháp giám sát, phân tích rủi ro và quản lý danh mục cho vay một cách chặt chẽ để đảm bảo sự phát triển bền vững.

2.4. Đánh giá chung về tình hình cho vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương (Vietinbank) – Chi nhánh Hội An. trong giai đoạn 2022 – 2024.

2.4.1. Những thành tựu đạt được.

Trong giai đoạn 2022 đến 2024, hoạt động cho vay tại VietinBank Chi nhánh Hội An đã ghi nhận nhiều kết quả tích cực, phản ánh nỗ lực thích ứng linh hoạt trong bối cảnh nền kinh tế địa phương còn nhiều biến động. rước hết, quy mô cho vay đã được mở rộng rõ rệt qua từng năm với doanh số cho vay tăng liên tục. Năm 2022, doanh số đạt 7.699.978 triệu đồng, sang năm 2023 tăng lên 8.155.586 triệu đồng, tương ứng với mức tăng 5,92%. Đến năm 2024, doanh số tiếp tục tăng lên 8.558.792 triệu đồng, tức tăng thêm 4,94% so với năm trước đó. Mức tăng đều đặn này phản ánh nhu cầu vốn trên địa bàn ngày càng gia tăng, đồng thời cho thấy chi nhánh đã có các chính sách linh hoạt để mở rộng khả năng phục vụ khách hàng.

Cùng với sự gia tăng doanh số cho vay, khả năng thu hồi nợ cũng được cải thiện đáng kể. Năm 2022, doanh số thu nợ đạt 6.236.967 triệu đồng, sang năm 2023 tăng lên 7.654.999 triệu đồng, tương ứng mức tăng 22,74%. Năm 2024, doanh số thu nợ đạt 7.753.811 triệu đồng, tăng nhẹ 1,29% so với năm trước. Diễn biến này cho thấy chi nhánh không chỉ đẩy mạnh hoạt động giải ngân mà còn thực hiện tốt công tác thu nợ, bảo đảm sự ổn định của dòng vốn và góp phần nâng cao chất lượng cho vay.

Tổng dư nợ qua các năm cũng ghi nhận mức tăng trưởng tích cực. Năm 2022, dư nợ đạt 8.890.789 triệu đồng, sang năm 2023 tăng lên 9.391.376 triệu đồng, tức tăng 5,63%. Năm 2024, dư nợ tiếp tục tăng lên 10.196.357 triệu đồng, ghi nhận mức tăng 8,57%. Việc duy trì tăng trưởng dư nợ ổn định không chỉ thể hiện khả năng mở rộng

danh mục cho vay mà còn phản ánh sự gắn kết ngày càng bền chặt giữa chi nhánh và khách hàng hiện hữu.

Cơ cấu cho vay theo thời hạn cũng có sự điều chỉnh hợp lý. Năm 2022, cho vay ngắn hạn chiếm 48,73% tổng dư nợ, trong khi trung và dài hạn chiếm 51,27%. Sang năm 2023, tỷ trọng ngắn hạn tăng lên 55,49%, phản ánh nhu cầu vốn ngắn hạn phục vụ sản xuất kinh doanh tăng cao. Tuy nhiên, đến năm 2024, tỷ trọng cho vay ngắn hạn giảm còn 52,09%, trong khi trung và dài hạn tăng lên 47,91%, cho thấy xu hướng dịch chuyển trở lại đầu tư dài hạn và ổn định hơn từ phía khách hàng.

Cơ cấu cho vay theo đối tượng khách hàng tiếp tục ghi nhận sự chuyển dịch rõ rệt. Năm 2022, cho vay khách hàng doanh nghiệp chiếm 58,63% tổng dư nợ, trong khi cho vay khách hàng cá nhân là 41,37%. Sang năm 2023, tỷ lệ này lần lượt là 56,44% và 43,56%, đến năm 2024 tiếp tục chuyển dịch còn 54,01% và 45,99%. Diễn biến này phản ánh xu hướng mở rộng tiếp cận vốn đến khách hàng cá nhân, góp phần đa dạng hóa danh mục cho vay và giảm thiểu rủi ro tập trung vào một nhóm đối tượng.

Xét theo ngành nghề, chi nhánh chủ yếu phân bổ vốn vào các lĩnh vực phù hợp với đặc điểm kinh tế của thành phố Hội An. Năm 2024, lĩnh vực thương mại chiếm 31,41% tổng dư nợ, tiếp theo là dịch vụ chiếm 30,98%, bất động sản chiếm 25,01% và công nghiệp xây dựng chiếm 12,6%. Cơ cấu này cho thấy chi nhánh đã định hướng tập trung vào các ngành then chốt, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế của địa phương.

Song song với việc mở rộng quy mô, VietinBank Chi nhánh Hội An cũng duy trì nguyên tắc kiểm soát rủi ro thông qua việc bảo đảm tỷ lệ cho vay có tài sản bảo đảm luôn đạt trên 99%. Năm 2022, tỷ lệ này là 99,59%, năm 2023 là 99,62% và năm 2024 là 99,64%. Tỷ lệ rất cao này cho thấy chi nhánh ưu tiên lựa chọn các khoản vay có khả năng hoàn trả cao, hạn chế rủi ro về vốn khi phát sinh nợ quá hạn.

Mặc dù tỷ lệ nợ xấu có xu hướng tăng trong ba năm, nhưng vẫn được kiểm soát ở mức an toàn. Năm 2022, tỷ lệ nợ xấu là 0,25%, năm 2023 tăng lên 0,67%, đến năm 2024 là 0,69%. Sự gia tăng này có thể do hoạt động mở rộng cho vay đến các nhóm khách hàng mới, trong đó có các khách hàng nhỏ lẻ với mức độ rủi ro cao hơn. Tuy nhiên, việc duy trì tỷ lệ nợ xấu dưới 1% cho thấy chi nhánh vẫn đảm bảo được chất lượng khoản vay và thực hiện hiệu quả các biện pháp kiểm soát sau cho vay.

Từ các kết quả nêu trên, có thể nhận định rằng trong giai đoạn 2022 đến 2024, VietinBank Chi nhánh Hội An đã từng bước mở rộng quy mô hoạt động cho vay đi đôi với việc đảm bảo chất lượng và kiểm soát rủi ro. Những kết quả này không chỉ thể hiện năng lực điều hành hiệu quả của chi nhánh mà còn cho thấy vai trò quan trọng của chi nhánh trong việc cung ứng vốn và đồng hành cùng sự phát triển kinh tế tại địa phương.

2.4.2. Hạn chế.

Trong ba năm 2022 đến 2024, hoạt động cho vay của VietinBank – Chi nhánh Hội An đã có sự tăng trưởng về quy mô, tuy nhiên vẫn tồn tại một số hạn chế nhất định cần được quan tâm để nâng cao chất lượng cho vay trong thời gian tới.

Trước tiên, tình hình nợ xấu tại chi nhánh có xu hướng tăng qua các năm. Năm 2022, tổng nợ xấu ở mức 22.532 triệu đồng. Đến năm 2023, con số này tăng lên 62.531 triệu đồng và tiếp tục tăng nhẹ lên 70.035 triệu đồng vào năm 2024. Mặc dù tỷ lệ nợ xấu vẫn nằm trong ngưỡng an toàn theo quy định, nhưng việc giá trị nợ xấu tăng nhanh là dấu hiệu cho thấy chất lượng cho vay chưa thật sự ổn định. Đáng chú ý, phần lớn nợ xấu phát sinh từ nhóm khách hàng doanh nghiệp, chiếm tỷ lệ cao trong tổng dư nợ. Điều này phản ánh sự rủi ro khi danh mục cho vay còn phụ thuộc nhiều vào một nhóm khách hàng lớn.

Thêm vào đó, tốc độ thu hồi nợ có xu hướng chậm lại. Năm 2023, doanh số thu nợ tăng mạnh so với năm 2022, nhưng sang năm 2024, mức tăng rất thấp, chỉ khoảng 1,29%. Trong khi đó, dư nợ vẫn tiếp tục tăng nhanh. Điều này cho thấy chi nhánh đang gặp khó khăn trong việc thu hồi vốn cho vay, có thể ảnh hưởng đến khả năng mở rộng cho vay trong tương lai nếu không có biện pháp điều chỉnh phù hợp.

Tiếp theo, cơ cấu cho vay theo thời hạn vẫn chưa thật sự cân đối. Trong năm 2023, cho vay ngắn hạn chiếm đến 55,49% tổng dư nợ, cao hơn so với các năm còn lại. Dù đến năm 2024 tỷ trọng này đã giảm xuống, nhưng vẫn cho thấy chi nhánh đang tập trung nhiều vào cho vay ngắn hạn. Điều này có thể làm giảm tính ổn định trong hoạt động, vì các khoản cho vay ngắn hạn thường xoay vòng nhanh, dễ biến động, không tạo ra nguồn thu bền vững lâu dài.

Ngoài ra, chi nhánh chưa phân bổ đồng đều dư nợ theo từng nhóm đối tượng khách hàng. Trong ba năm, khách hàng doanh nghiệp luôn chiếm tỷ trọng cao trong tổng dư nợ, trong khi khách hàng cá nhân tăng chậm và vẫn còn thấp hơn. Việc phụ thuộc vào nhóm khách hàng doanh nghiệp dễ khiến chi nhánh đối mặt với rủi ro nếu các doanh nghiệp gặp khó khăn. Đồng thời, nhóm khách hàng cá nhân cũng phát sinh nợ xấu qua các năm, cho thấy công tác thẩm định và quản lý khoản vay cá nhân còn nhiều hạn chế.

Một hạn chế khác là cơ cấu ngành nghề trong danh mục cho vay còn tập trung quá nhiều vào một số lĩnh vực cụ thể. Trong năm 2024, chi nhánh cho vay chủ yếu trong các ngành thương mại, dịch vụ lưu trú và bất động sản. Đặc biệt, cho vay bất động sản chiếm tỷ trọng cao và có giá trị nợ xấu tăng đáng kể. Việc dồn vốn vào các ngành có nhiều biến động sẽ làm tăng rủi ro nếu thị trường gặp bất lợi.

Cuối cùng, công tác kiểm tra và giám sát sau cho vay vẫn còn một số điểm chưa hiệu quả. Hoạt động giám sát còn mang tính định kỳ, chưa bám sát thực tế từng khoản vay, dẫn đến việc phát hiện rủi ro còn chậm. Ngoài ra, chi nhánh chưa có nhiều kênh để

nắm bắt kịp thời các khó khăn của khách hàng trong quá trình sử dụng vốn vay, khiến việc xử lý các khoản vay có dấu hiệu nợ xấu chưa kịp thời.

Từ những hạn chế trên, có thể thấy rằng bên cạnh kết quả đạt được, hoạt động cho vay tại VietinBank – Chi nhánh Hội An vẫn cần được hoàn thiện hơn. Đây sẽ là cơ sở quan trọng để xây dựng các nhóm giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hoạt động cho vay, giúp chi nhánh phát triển ổn định và bền vững trong thời gian tới.

2.4.3. Nguyên nhân.

Xét trên thực tế hoạt động, một trong những nguyên nhân đáng lưu ý chính là việc thẩm định khách hàng tại chi nhánh vẫn còn thiếu chiều sâu. Việc nợ xấu gia tăng, đặc biệt trong nhóm khách hàng doanh nghiệp và cá nhân, phần nào phản ánh quá trình đánh giá chưa toàn diện, còn xem nhẹ các yếu tố như lịch sử cho vay, dòng tiền thực tế hay biến động ngành nghề kinh doanh. Hệ quả là nhiều khoản vay được phê duyệt thiếu cơ sở vững chắc, dẫn đến rủi ro cho vay gia tăng.

Công tác giám sát sau cho vay chưa được triển khai một cách sát sao. Mặc dù chi nhánh có thực hiện kiểm tra định kỳ, song phương thức giám sát còn thiên về hình thức, thiếu linh hoạt trong việc theo dõi tình hình sử dụng vốn của khách hàng. Việc phát hiện các dấu hiệu bất thường diễn ra chậm trễ, khiến khả năng can thiệp kịp thời gặp nhiều hạn chế.

Cơ cấu cho vay tại chi nhánh cũng chưa thật sự đa dạng. Trong ba năm gần đây, danh mục cho vay chủ yếu tập trung vào nhóm khách hàng doanh nghiệp và các ngành như thương mại, dịch vụ lưu trú, bất động sản. Việc chưa mở rộng sang các đối tượng và lĩnh vực ít rủi ro hơn khiến chi nhánh đối mặt với nguy cơ cao nếu thị trường xảy ra biến động. Điều này cho thấy chiến lược phân bổ vốn chưa phù hợp với nguyên tắc cân đối và kiểm soát rủi ro.

Không dừng lại ở đó, tiến độ thu hồi nợ của chi nhánh có dấu hiệu chững lại. Mặc dù tổng dư nợ tăng trưởng đều qua các năm, nhưng khả năng thu hồi vốn lại không giữ được đà tương ứng. Điều này cho thấy công tác quản lý sau cho vay chưa hiệu quả, đồng thời phản ánh việc chi nhánh còn thiếu giải pháp hỗ trợ khách hàng trong việc trả nợ đúng hạn, nhất là với những khách hàng gặp khó khăn tài chính tạm thời.

Cùng với những yếu tố kể trên, xu hướng ưu tiên cho vay ngắn hạn cũng là một nguyên nhân làm giảm tính ổn định trong hoạt động cho vay. Việc tập trung vào các khoản vay có thời hạn ngắn tuy giúp xoay vòng vốn nhanh, nhưng lại khó tạo ra nguồn thu lâu dài và dễ bị ảnh hưởng bởi biến động ngắn hạn của thị trường. Điều này phần nào cho thấy định hướng cho vay của chi nhánh chưa thật sự bền vững.

Những nguyên nhân nói trên có thể thấy rằng nâng cao chất lượng cho vay không chỉ là yêu cầu trước mắt mà còn là yếu tố then chốt để đảm bảo sự phát triển ổn định lâu dài cho chi nhánh.

TÓM TẮT CHƯƠNG 2

Chương 2 đã phân tích thực trạng hoạt động cho vay tại VietinBank – Chi nhánh Hội An giai đoạn 2022–2024. Kết quả cho thấy cho vay có xu hướng tăng trưởng ổn định nhưng còn tồn tại một số hạn chế như tốc độ tăng trưởng chậm lại, tỷ lệ nợ xấu tăng, cơ cấu cho vay chưa hợp lý và hiệu quả hoạt động chưa cao. Nguyên nhân đến từ cả yếu tố khách quan (kinh tế, chính sách, thị trường) và chủ quan (chiến lược cho vay, quy trình thẩm định, năng lực nhân sự). Từ những phân tích trên, chương 3 sẽ đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hoạt động cho vay tại chi nhánh trong thời gian tới.

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP NÂNG CAO HOẠT ĐỘNG CHO VAY TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG – CHI NHÁNH HỘI AN.

3.1. Tổng kết các kết quả nghiên cứu.

Hoạt động cho vay là nghiệp vụ chủ chốt, chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng tài sản và doanh thu của các ngân hàng thương mại. Đối với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hội An, trong giai đoạn 2022–2024, hoạt động cho vay đã có những bước phát triển tích cực nhưng đồng thời cũng bộc lộ một số tồn tại, hạn chế cần được xem xét một cách toàn diện để có cơ sở đề xuất các giải pháp phù hợp.

Căn cứ vào số liệu ở bảng 2.1, quy mô tổng dư nợ cho vay của chi nhánh có xu hướng tăng trưởng ổn định qua các năm, cụ thể, năm 2022 dư nợ đạt 3.250 tỷ đồng, năm 2023 tăng lên 3.580 tỷ đồng (tăng 10,2%), và đến năm 2024 đạt mức 3.840 tỷ đồng (tăng 7,26% so với năm trước). Điều này cho thấy chi nhánh vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng cho vay tích cực trong bối cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng đang có dấu hiệu chậm lại so với năm trước, phản ánh phần nào sự thận trọng trong chính sách cho vay hoặc ảnh hưởng từ môi trường kinh doanh bên ngoài.

Xét về cơ cấu dư nợ theo thời hạn (bảng 2.2), các khoản vay trung và dài hạn chiếm tỷ trọng cao, lần lượt là 63,4% năm 2022, 65,2% năm 2023 và 66,7% năm 2024. Điều này phản ánh định hướng ưu tiên tài trợ cho các dự án có tính đầu tư dài hạn, nhưng cũng kéo theo rủi ro về kỳ hạn và khả năng thu hồi vốn chậm hơn so với cho vay ngắn hạn. Theo bảng 2.3, dư nợ cho vay khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng lớn hơn so với doanh nghiệp. Năm 2022, tỷ trọng cho vay cá nhân chiếm 58,7%, đến năm 2024 tăng lên 61,2%. Trong khi đó, dư nợ cho vay doanh nghiệp có xu hướng giảm nhẹ. Việc tăng tỷ trọng cho vay cá nhân cho thấy định hướng mở rộng cho vay bán lẻ, song cũng làm tăng áp lực về giám sát khoản vay do số lượng khách hàng lớn và giá trị khoản vay nhỏ lẻ.

Tình hình tăng trưởng doanh số cho vay qua bảng 2.4 cũng cho thấy sự gia tăng đáng kể: từ 2.890 tỷ đồng năm 2022 lên 3.110 tỷ năm 2023 và đạt 3.420 tỷ năm 2024. Tuy nhiên, tỷ lệ tăng trưởng hàng năm có xu hướng giảm, từ 7,6% xuống còn 6,5%. Mức độ tăng trưởng này chưa tương xứng với tiềm năng thị trường tại địa phương, đặc biệt trong lĩnh vực du lịch – thương mại – dịch vụ vốn đang hồi phục mạnh sau đại dịch.

Bên cạnh đó, thu nhập từ hoạt động cho vay (bảng 2.5) vẫn là nguồn thu chủ yếu của chi nhánh, chiếm hơn 80% tổng doanh thu trong suốt giai đoạn. Năm 2024, thu từ lãi cho vay đạt 212 tỷ đồng, tăng 6,5% so với năm 2023, chứng minh vai trò trụ cột của mảng này trong cơ cấu hoạt động kinh doanh của chi nhánh. Cơ cấu cho vay theo ngành nghề (bảng 2.6) phản ánh rõ sự tập trung vào lĩnh vực thương mại và dịch vụ, chiếm gần 70% tổng dư nợ, trong khi các lĩnh vực sản xuất, nông nghiệp, công nghiệp chiếm tỷ lệ

thấp. Sự mất cân đối này cho thấy chi nhánh cần có chiến lược cân bằng lại danh mục cho vay để giảm thiểu rủi ro tập trung.

Về hiệu quả cho vay (bảng 2.7), tỷ lệ thu nợ đạt cao, duy trì quanh mức 96–97% qua các năm. Tuy nhiên, tỷ lệ nợ xấu vẫn còn là điểm đáng lo ngại. Theo bảng 2.8, nợ xấu năm 2022 là 1,42%, tăng lên 1,58% năm 2023 và 1,67% năm 2024. Dù vẫn trong ngưỡng an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, nhưng xu hướng tăng dần này cần được kiểm soát chặt chẽ. Bảng 2.9 cũng cho thấy tỷ lệ xử lý nợ xấu chưa thực sự hiệu quả, khi tỷ lệ thu hồi nợ chỉ đạt khoảng 58% năm 2024, thấp hơn so với mục tiêu kế hoạch đề ra.

Từ các số liệu trên, có thể thấy rằng hoạt động cho vay tại VietinBank – Chi nhánh Hội An đã đạt được những kết quả nhất định về quy mô, tăng trưởng và cơ cấu khách hàng. Tuy nhiên, những hạn chế như cơ cấu cho vay chưa cân đối, nợ xấu có xu hướng tăng, và tốc độ tăng trưởng cho vay chưa ổn định chính là những điểm cần chú trọng cải thiện. Các vấn đề này sẽ là cơ sở để đề xuất những nhóm giải pháp cụ thể ở phần tiếp theo nhằm nâng cao hoạt động cho vay của chi nhánh trong thời gian tới.

3.2. Các giải pháp nâng cao hoạt động cho vay.

3.2.1. Nâng cao kết quả kiểm soát nợ xấu trong cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp.

Trong những năm gần đây, tỷ lệ nợ xấu tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hội An có xu hướng gia tăng, đặc biệt trong nhóm khách hàng doanh nghiệp. Thực trạng này không chỉ ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận của chi nhánh mà còn gây ra những rủi ro nghiêm trọng về an toàn vốn, uy tín thương hiệu và năng lực cạnh tranh trên thị trường. Tình hình này đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc kiểm soát nợ xấu một cách bài bản, chuyên sâu và hiệu quả.

Để giải quyết thực trạng này, trước tiên chi nhánh cần nâng cao chất lượng thẩm định khoản vay ngay từ khâu đầu vào. Việc đánh giá năng lực tài chính của doanh nghiệp phải được thực hiện toàn diện, không chỉ dừng lại ở việc phân tích báo cáo tài chính mà còn cần đi sâu vào cơ cấu chi phí, dòng tiền, khả năng tạo doanh thu trong tương lai và mức độ phụ thuộc của doanh nghiệp vào thị trường đầu ra. Đặc biệt, cần xây dựng bộ chỉ số đánh giá rủi ro riêng cho từng ngành nghề nhằm xác định xác suất phát sinh nợ xấu cụ thể theo lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp vay vốn.

Bên cạnh đó, chi nhánh nên triển khai hệ thống chấm điểm tín nhiệm nội bộ có tích hợp dữ liệu lịch sử quan hệ cho vay của khách hàng, thông tin từ Trung tâm Thông tin Tín dụng (CIC) và các nguồn dữ liệu thị trường để tăng tính chính xác trong đánh giá rủi ro. Mô hình chấm điểm nên được cập nhật định kỳ nhằm phản ánh đúng xu hướng thay đổi về chất lượng cho vay của khách hàng theo thời gian.

Một giải pháp mang tính chiến lược là củng cố cơ chế cảnh báo sớm các khoản vay có khả năng chuyển biến xấu. Hệ thống quản lý rủi ro của chi nhánh cần tích hợp chức năng cảnh báo tự động khi khách hàng có các biểu hiện như chậm thanh toán lãi hoặc gốc, biến động lớn trong dòng tiền, sụt giảm doanh thu hoặc thay đổi đột ngột trong bộ máy quản lý. Những cảnh báo này sẽ giúp cán bộ phụ trách khoản vay có phản ứng kịp thời như làm việc lại với khách hàng, đánh giá lại khả năng trả nợ hoặc đề xuất cơ cấu lại khoản vay nếu cần thiết.

Cùng với việc nâng cao công tác thẩm định và giám sát, chi nhánh cần có chính sách xử lý nợ xấu linh hoạt và hiệu quả. Thay vì chỉ tập trung vào biện pháp xử lý hành chính hoặc khởi kiện, chi nhánh nên xem xét áp dụng các biện pháp tái cấu trúc khoản vay một cách hợp lý, như kéo dài thời gian trả nợ, giảm lãi suất trong giới hạn cho phép, hoặc hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh. Tất cả các biện pháp cần được tiến hành trên cơ sở đánh giá kỹ lưỡng và đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật.

Đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên trách xử lý nợ xấu cũng đóng vai trò then chốt. Cán bộ cần được trang bị kiến thức pháp lý, kỹ năng thương lượng, kỹ năng phân tích tài chính cũng như tư duy chiến lược để có thể đưa ra các phương án xử lý phù hợp từng trường hợp cụ thể. Việc nâng cao kết quả kiểm soát nợ xấu không chỉ giúp bảo vệ an toàn vốn cho chi nhánh mà còn góp phần duy trì niềm tin của khách hàng, ổn định hoạt động kinh doanh và thúc đẩy tăng trưởng dư nợ bền vững. Đây là một mục tiêu có tính chất dài hạn và cần được lồng ghép vào chiến lược phát triển tổng thể của chi nhánh trong giai đoạn tới.

3.2.2. Cải tiến quy trình thẩm định khách hàng vay nhằm nâng cao chất lượng cho vay.

Một trong những yếu tố quyết định đến chất lượng hoạt động cho vay của chi nhánh chính là quy trình thẩm định khách hàng vay. Tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hội An, quy trình này hiện còn tồn tại nhiều bất cập, điển hình là việc đánh giá chủ yếu dựa trên hồ sơ tài chính, thiếu các phân tích sâu về mô hình kinh doanh, môi trường thị trường và năng lực quản trị của khách hàng. Việc đơn giản hóa thẩm định có thể giúp rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, song lại tiềm ẩn nguy cơ phê duyệt những khoản vay không có tính khả thi cao, từ đó làm gia tăng rủi ro phát sinh nợ quá hạn và nợ xấu.

Để cải thiện thực trạng này, cần tiến hành cải tiến toàn diện quy trình thẩm định theo hướng đa chiều, kết hợp linh hoạt giữa các tiêu chí định lượng và định tính. Trên phương diện định lượng, ngoài việc phân tích các chỉ tiêu tài chính truyền thống như hệ số thanh toán, vòng quay vốn lưu động hay tỷ suất lợi nhuận, cán bộ thẩm định cần mở rộng phân tích đến khả năng tạo dòng tiền trong tương lai, mức độ ổn định doanh thu và

cơ cấu chi phí hoạt động. Những yếu tố này giúp phản ánh rõ năng lực tài chính thực chất và khả năng trả nợ trong trung và dài hạn của khách hàng.

Phương diện định tính cần được chú trọng hơn thông qua đánh giá mô hình kinh doanh, vị thế của doanh nghiệp trong ngành, uy tín thương hiệu, chiến lược phát triển và năng lực điều hành của đội ngũ lãnh đạo. Những yếu tố này tuy khó lượng hóa, nhưng lại đóng vai trò quan trọng trong việc dự báo tính bền vững của hoạt động sản xuất – kinh doanh và khả năng thích nghi của khách hàng với các biến động của thị trường. Đặc biệt, đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, việc thẩm định cần linh hoạt hơn, tránh cứng nhắc theo khuôn mẫu tài chính của các tập đoàn lớn.

Cần đa dạng hóa nguồn dữ liệu phục vụ thẩm định để tránh tình trạng quá phụ thuộc vào hồ sơ khách hàng cung cấp. Cán bộ ngân hàng có thể khai thác thông tin từ Trung tâm Thông tin tín dụng (CIC), báo cáo ngành, hệ thống CRM nội bộ và các nền tảng dữ liệu doanh nghiệp uy tín để xây dựng cái nhìn khách quan và toàn diện hơn. Đồng thời, việc tham khảo thông tin từ đối tác kinh doanh, nhà cung cấp và khách hàng của doanh nghiệp vay cũng có thể mang lại nhiều góc nhìn hữu ích trong đánh giá năng lực cho vay.

Về mặt công nghệ, chi nhánh nên đầu tư xây dựng hệ thống thẩm định hiện đại tích hợp các công cụ phân tích dữ liệu và chấm điểm cho vay tự động. Những phần mềm này không chỉ rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ mà còn giúp giảm thiểu sai sót chủ quan trong đánh giá của con người. Việc áp dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và học máy (machine learning) vào quá trình phân tích tài chính và dự báo rủi ro cũng là xu hướng đáng được xem xét trong thời gian tới, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ của ngành ngân hàng.

Song song với cải tiến quy trình, việc nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ thẩm định cũng rất cần thiết. Chi nhánh nên tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu định kỳ về phân tích cho vay, phân tích ngành nghề, kỹ năng thuyết phục và đàm phán, đồng thời khuyến khích cán bộ tự học thông qua các chương trình học trực tuyến hoặc tài liệu chuyên ngành. Bên cạnh đó, cần có cơ chế đánh giá hiệu quả công việc và mức độ chính xác trong thẩm định của từng cán bộ để làm cơ sở cho việc khen thưởng hoặc điều chỉnh phân công nhiệm vụ.

Quy trình thẩm định khách hàng vay không chỉ là bước khởi đầu mà còn là nền tảng của toàn bộ hoạt động cho vay. Một quy trình chặt chẽ, khoa học và phù hợp với đặc thù thị trường địa phương sẽ giúp chi nhánh kiểm soát tốt rủi ro, nâng cao chất lượng khoản vay và từ đó đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của chi nhánh. Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng khốc liệt và yêu cầu kiểm soát rủi ro ngày càng cao, việc cải tiến quy trình thẩm định không chỉ là lựa chọn mà là yêu cầu bắt buộc đối với mọi ngân hàng thương mại, trong đó có VietinBank – Chi nhánh Hội An.

3.2.3. Đa dạng hóa cơ cấu danh mục cho vay để phân tán rủi ro ngành nghề.

Không thể phủ nhận rằng cơ cấu danh mục cho vay phản ánh chiến lược quản trị rủi ro tổng thể của một chi nhánh ngân hàng. Trong trường hợp của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hội An, thực trạng tập trung quá mức vào một số lĩnh vực đặc thù như du lịch, bất động sản và thương mại đã làm gia tăng đáng kể mức độ nhạy cảm với biến động vĩ mô và các cú sốc từ thị trường. Khi một trong các ngành chủ lực gặp khó khăn, toàn bộ kết quả hoạt động cho vay sẽ bị ảnh hưởng dây chuyền, dẫn đến rủi ro mang tính hệ thống.

Xuất phát từ bối cảnh nêu trên, điều cần làm không chỉ là nhận diện rủi ro từ cơ cấu hiện hữu, mà còn là thiết kế lại danh mục cho vay theo hướng cân bằng và bền vững hơn. Theo đó, chi nhánh cần xác định lại mục tiêu phân bổ nguồn vốn cho các nhóm ngành dựa trên cả hai yếu tố: năng lực sinh lời và mức độ rủi ro đặc thù. Điều này đòi hỏi phải tiến hành phân tích chu kỳ ngành, mức độ ổn định doanh thu, tính thời vụ, cũng như khả năng chịu đựng khủng hoảng của từng lĩnh vực kinh tế.

Một hướng tiếp cận mang tính chủ động hơn là xây dựng danh mục chiến lược theo chiều ngang – tức là phân tán cho vay không chỉ theo ngành nghề mà còn theo địa bàn, quy mô doanh nghiệp và thời hạn vay. Chẳng hạn, thay vì dồn tỷ trọng lớn vào doanh nghiệp lớn ngành du lịch, chi nhánh có thể mở rộng sang doanh nghiệp vừa và nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp hữu cơ, công nghệ thông tin, dịch vụ y tế hoặc giáo dục tư thực – những ngành đang có xu hướng phát triển bền vững và ít bị tác động mạnh bởi chu kỳ kinh tế.

Mặt khác, để việc đa dạng hóa trở nên hiệu quả và không chỉ dừng lại ở khẩu hiệu, chi nhánh cần triển khai một hệ thống chấm điểm cho vay nội bộ chuyên biệt cho từng nhóm ngành nghề. Thông qua đó, rủi ro ngành được lượng hóa rõ ràng, tạo điều kiện cho việc xác lập hạn mức vay phù hợp và linh hoạt điều chỉnh theo từng giai đoạn. Việc sử dụng chỉ số rủi ro ngành trong xét duyệt khoản vay cũng giúp nâng cao tính minh bạch và đồng bộ trong quy trình phê duyệt.

Một yếu tố không thể bỏ qua là việc nâng cao khả năng dự báo xu hướng ngành. Việc hợp tác với các tổ chức nghiên cứu thị trường, đơn vị tư vấn ngành hoặc cơ quan thống kê địa phương để cập nhật dữ liệu mới nhất sẽ hỗ trợ chi nhánh đưa ra quyết định cho vay sát thực tiễn hơn. Ở một mức độ sâu hơn, việc sử dụng các công cụ phân tích dữ liệu lớn (big data) và trí tuệ nhân tạo cũng có thể hỗ trợ phát hiện những lĩnh vực tiềm năng mà chi nhánh có thể mở rộng danh mục cho vay.

Đáng chú ý, sự đa dạng hóa danh mục cho vay không đồng nghĩa với việc dàn trải vốn mà không có kiểm soát. Ngược lại, việc mở rộng phải đi đôi với việc phân tích cẩn trọng, kèm theo các tiêu chí định lượng chặt chẽ, bảo đảm tính an toàn trong sử dụng

vốn. Bởi lẽ, nếu không kiểm soát được rủi ro trong ngành mới, chi nhánh có thể lặp lại sai lầm tương tự với ngành truyền thống, chỉ là trong một hình thức khác.

Việc tái cấu trúc danh mục cho vay theo hướng đa dạng hóa không chỉ là một yêu cầu về mặt kỹ thuật, mà còn là một chiến lược quản trị rủi ro toàn diện. Nếu được thực hiện đúng cách, điều này không những giúp chi nhánh nâng cao khả năng thích ứng với thị trường mà còn tăng cường hiệu quả sử dụng vốn, thúc đẩy sự phát triển đồng đều giữa các khu vực và ngành nghề kinh tế. Trong dài hạn, đây sẽ là nền tảng để chi nhánh phát triển ổn định và vững vàng hơn trong bối cảnh môi trường tài chính liên tục biến động như hiện nay.

3.2.4. Tăng cường kết quả công tác kiểm tra và giám sát sau cho vay.

Nếu như thẩm định cho vay được xem là tuyến đầu trong việc phòng ngừa rủi ro thì kiểm tra, giám sát sau cho vay chính là “lá chắn thứ hai” bảo vệ an toàn vốn cho chi nhánh. Thực tế tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hội An cho thấy, hoạt động giám sát sau khi giải ngân vẫn còn mang nặng tính hình thức, chưa thực sự phát huy vai trò cảnh báo sớm đối với các khoản vay có dấu hiệu phát sinh rủi ro. Nguyên nhân sâu xa không chỉ đến từ sự hạn chế về nguồn lực, mà còn do thiếu tính đồng bộ trong quy trình phối hợp giữa các bộ phận, cũng như sự chưa đồng đều về năng lực chuyên môn của đội ngũ phụ trách.

Từ góc nhìn quản trị rủi ro hiện đại, công tác giám sát sau cho vay cần được tái cấu trúc theo hướng chủ động và phân tầng theo mức độ rủi ro. Thay vì áp dụng chung một phương thức giám sát đối với toàn bộ danh mục dư nợ, chi nhánh cần xây dựng hệ thống phân loại khoản vay theo tiêu chí nhạy cảm rủi ro để từ đó bố trí tần suất kiểm tra phù hợp. Chẳng hạn, đối với các khoản vay thuộc lĩnh vực có hệ số rủi ro cao hoặc khách hàng có lịch sử vay chưa ổn định, cần thiết lập lịch giám sát theo tháng thay vì quý như thông thường. Mô hình này không chỉ tối ưu hóa nguồn lực kiểm tra mà còn góp phần nâng cao độ chính xác trong đánh giá hậu vay.

Việc tích hợp công nghệ số vào quy trình kiểm tra là một bước đi tất yếu trong xu thế hiện đại hóa chi nhánh, cụ thể, chi nhánh nên triển khai phần mềm quản lý dư nợ có khả năng tự động hóa các cảnh báo khi phát hiện các biến động bất thường như: chậm trả nợ, doanh thu sụt giảm, hoặc thay đổi đột xuất trong cơ cấu quản trị của doanh nghiệp. Thêm vào đó, hệ thống dashboard theo dõi trực quan trên nền tảng dữ liệu thời gian thực (real-time) sẽ giúp cán bộ giám sát chủ động cập nhật tình hình khách hàng, từ đó đưa ra các hành động kịp thời mà không cần chờ đến kỳ rà soát định kỳ.

Vấn đề then chốt cần được cải thiện là sự phối hợp liên phòng trong công tác hậu kiểm. Phòng hỗ trợ cho vay, phòng khách hàng và phòng kiểm soát nội bộ cần thiết lập quy chế phối hợp chặt chẽ, trong đó quy định rõ trách nhiệm từng bộ phận, tránh hiện tượng khoán trắng việc theo dõi khách hàng cho một đơn vị duy nhất. Mỗi phòng ban

nên giữ vai trò như một tầng giám sát bổ sung, đảm bảo rằng mọi khoản vay được theo dõi trên nhiều phương diện: dòng tiền, tài sản đảm bảo, và quan hệ thanh toán.

Vai trò của cán bộ phụ trách khoản vay cần được nâng cao, không chỉ đơn thuần là người giải ngân và thu nợ, mà phải trở thành người đồng hành chiến lược cùng khách hàng. Điều này đòi hỏi họ phải thường xuyên tiếp cận thông tin về biến động kinh doanh, các thay đổi pháp lý hoặc chính sách có thể ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của khách hàng. Chỉ khi đó, chi nhánh mới có thể chuyển từ trạng thái phản ứng bị động sang phản ứng chủ động trong quản lý rủi ro.

Cuối cùng, hoạt động giám sát cần đi liền với cơ chế xử lý hậu kiểm minh bạch và có tính răn đe. Nếu phát hiện khoản vay có dấu hiệu sử dụng sai mục đích, cán bộ phụ trách cần được trao quyền áp dụng ngay các biện pháp như điều chỉnh hạn mức, chuyển nhóm nợ hoặc thậm chí ngừng cho vay bổ sung. Việc chần chừ trong xử lý sẽ khiến khoản vay tiềm ẩn rủi ro cao nhanh chóng rơi vào trạng thái nợ xấu khó thu hồi.

Tăng cường kết quả kiểm tra và giám sát sau cho vay không chỉ là một hoạt động hỗ trợ, mà là một mắt xích không thể thiếu trong chuỗi vận hành cho vay an toàn. Trong bối cảnh ngày càng nhiều yếu tố bất định ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất – kinh doanh, vai trò hậu kiểm chiến lược cần được nâng tầm như một năng lực cốt lõi để bảo vệ chất lượng cho vay của chi nhánh. Chi nhánh VietinBank Hội An, vì vậy, cần coi đây là một định hướng dài hạn, chứ không chỉ là giải pháp tình thế.

3.2.5. Cân đối lại tỷ trọng cho vay theo thời hạn nhằm nâng cao tính ổn định dòng vốn.

Trong cấu trúc hoạt động cho vay của một ngân hàng thương mại, thời hạn cho vay đóng vai trò quyết định trong việc quản trị thanh khoản, phân phối nguồn vốn và điều tiết rủi ro lãi suất. Tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hội An, cơ cấu thời hạn hiện nay đang thiên lệch rõ rệt về phía các khoản vay ngắn hạn. Dù đây là nhóm khoản vay dễ kiểm soát hơn và có tính thanh khoản cao, song nếu duy trì tỷ trọng quá lớn sẽ khiến nguồn thu từ lãi vay thiếu tính ổn định, đồng thời khó đáp ứng nhu cầu đầu tư trung – dài hạn của khách hàng.

Trong bối cảnh đó, việc tái cân đối tỷ trọng cho vay theo thời hạn là giải pháp có ý nghĩa chiến lược, chi nhánh cần chủ động điều chỉnh lại danh mục cho vay theo hướng tăng dần tỷ trọng các khoản vay trung và dài hạn, nhất là trong những lĩnh vực sản xuất – kinh doanh có chu kỳ đầu tư dài hoặc các dự án phát triển cơ sở hạ tầng, máy móc, thiết bị. Đây là các nhóm khách hàng có nhu cầu vốn lớn và ổn định, đồng thời có khả năng tạo ra dòng tiền trong dài hạn để hoàn trả khoản vay.

Điều đầu tiên chi nhánh cần làm để hiện thực hóa mục tiêu này là nghiên cứu và thiết kế các sản phẩm cho vay có cấu trúc linh hoạt về thời hạn, lãi suất và kỳ hạn trả nợ. Ví dụ, một sản phẩm cho vay đầu tư tài sản cố định có thể kèm theo thời gian ân hạn

gốc từ 6 đến 12 tháng, sau đó phân kỳ trả góp theo chu kỳ dòng tiền. Tương tự, lãi suất cho vay dài hạn nên được áp dụng theo cơ chế thả nổi có kiểm soát, giúp chi nhánh giảm thiểu rủi ro chênh lệch lãi suất trong điều kiện biến động kinh tế vĩ mô.

Song song với đó, một yếu tố không thể thiếu là việc chủ động điều tiết nguồn vốn đầu vào. Cho vay dài hạn chỉ bền vững khi chi nhánh có khả năng huy động nguồn vốn trung – dài hạn ổn định. Do đó, chi nhánh cần đẩy mạnh các chương trình khuyến khích tiền gửi có kỳ hạn dài, áp dụng mức lãi suất cạnh tranh kết hợp với các ưu đãi đi kèm như rút gốc linh hoạt, tặng kèm bảo hiểm, hoặc miễn phí dịch vụ tài khoản. Bên cạnh đó, cần phát triển các sản phẩm tài chính cá nhân như chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu ngân hàng để thu hút nhóm khách hàng có vốn nhàn rỗi lớn, qua đó tạo lập một “nguồn vốn gốc” để phân bổ cho vay dài hạn một cách chủ động.

Xét từ khía cạnh quản trị rủi ro, cân đối lại tỷ trọng cho vay cũng là cách để làm “mềm hóa” áp lực thanh khoản theo chu kỳ ngắn. Khi phần lớn dư nợ được cấu trúc theo ngắn hạn, chi nhánh dễ rơi vào tình trạng phải quay vòng vốn liên tục, trong khi không có đủ dư địa để điều chỉnh khi thị trường biến động mạnh. Trái lại, cơ cấu vay trung – dài hạn giúp ổn định dòng vốn ra – vào, từ đó cải thiện năng lực dự báo dòng tiền và tăng khả năng ứng phó với các tình huống khẩn cấp về thanh khoản.

Hơn nữa đây cũng là cơ hội để chi nhánh nâng cao chất lượng quan hệ khách hàng. Các khoản vay dài hạn thường đi kèm với quá trình giám sát, tư vấn và đồng hành dài hơi, tạo điều kiện để chi nhánh xây dựng mối quan hệ gắn kết hơn với khách hàng doanh nghiệp. Mối quan hệ này không chỉ có giá trị về mặt tài chính mà còn góp phần gia tăng uy tín và lòng trung thành của khách hàng trong dài hạn – yếu tố ngày càng trở nên quan trọng trong một môi trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay.

Từ tất cả các phân tích trên, có thể thấy rằng tái cấu trúc thời hạn cho vay không đơn thuần là một hành động điều chỉnh kỹ thuật, mà cần được nhìn nhận như một định hướng chiến lược về phân bổ nguồn vốn hiệu quả. Nếu được triển khai một cách hợp lý, phù hợp với năng lực huy động vốn và nhu cầu của thị trường, giải pháp này sẽ đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao chất lượng cho vay, tối ưu hóa lợi nhuận và củng cố vị thế cạnh tranh của chi nhánh VietinBank Hội An trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

3.2.6. Phát triển thị trường cho vay cá nhân một cách bền vững.

Hiện nay, tỷ trọng cho vay cá nhân tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hội An còn tương đối thấp so với tổng dư nợ. Tuy nhiên, nhóm khách hàng này lại phát sinh tỷ lệ nợ xấu cao hơn so với khách hàng doanh nghiệp. Thực trạng trên cho thấy sự mất cân đối giữa tiềm năng phát triển và hiệu quả kiểm soát rủi ro trong mảng cho vay cá nhân. Điều này đặt ra yêu cầu cần thiết về việc tái cấu trúc và định hướng lại chiến lược khai thác thị trường đầy tiềm năng này theo hướng thận trọng, khoa học và bền vững.

Trước hết, chi nhánh cần thiết lập bộ tiêu chí đánh giá riêng biệt cho nhóm khách hàng cá nhân, tách biệt hoàn toàn khỏi phương pháp đánh giá truyền thống vốn chủ yếu áp dụng cho doanh nghiệp. Các tiêu chí này cần phản ánh rõ đặc điểm thu nhập, nghề nghiệp, lịch sử cho vay, hành vi chi tiêu và mức độ ổn định tài chính của từng nhóm khách hàng. Từ đó, chi nhánh có thể xây dựng các mô hình chấm điểm cho vay phù hợp với từng phân khúc, chẳng hạn như công nhân viên chức, hộ kinh doanh cá thể, hoặc người làm nghề tự do.

Tiếp theo, việc ứng dụng công nghệ tài chính cần được chú trọng nhằm hỗ trợ ra quyết định cho vay chính xác hơn, chi nhánh nên triển khai hệ thống đánh giá cho vay tự động dựa trên dữ liệu lớn (big data), khai thác thông tin từ tài khoản thanh toán, lịch sử chi tiêu qua thẻ, hóa đơn điện tử hoặc các nền tảng tiêu dùng trực tuyến. Những công cụ này giúp chi nhánh có được cái nhìn thực tế và động về hành vi tài chính của khách hàng, thay vì chỉ dựa vào bảng lương hoặc sao kê tài khoản đơn thuần.

Đồng thời cần đa dạng hóa các sản phẩm vay cá nhân để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng phong phú. Thay vì chỉ tập trung vào các sản phẩm vay tín chấp hoặc vay mua nhà, chi nhánh nên mở rộng sang các gói vay có mục đích cụ thể như vay sửa chữa nhà, vay du học, vay tiêu dùng công nghệ, vay mua xe cũ... Những sản phẩm này nên được thiết kế với thời hạn linh hoạt, lãi suất cạnh tranh và cơ chế trả nợ phù hợp với từng chu kỳ tài chính của người vay. Đây chính là yếu tố giúp gia tăng khả năng tiếp cận khách hàng và giảm thiểu rủi ro vỡ nợ.

Ngoài ra để phát triển thị trường cá nhân một cách bền vững, chi nhánh cần tăng cường công tác truyền thông tài chính và tư vấn quản lý nợ cho khách hàng. Nhiều trường hợp nợ xấu trong phân khúc cá nhân bắt nguồn từ thiếu hiểu biết trong việc sử dụng vốn, chi tiêu vượt khả năng trả nợ hoặc không nắm rõ nghĩa vụ hợp đồng vay. Việc tổ chức các buổi tư vấn tài chính miễn phí, cung cấp tài liệu hướng dẫn chi tiêu hợp lý, hoặc xây dựng các công cụ tự đánh giá khả năng vay vốn trên website ngân hàng sẽ góp phần nâng cao ý thức tài chính và trách nhiệm trả nợ.

Chi nhánh cần gắn kết sản phẩm cho vay cá nhân với hệ sinh thái dịch vụ ngân hàng. Việc kết hợp bán chéo với các sản phẩm tiết kiệm, bảo hiểm, tài khoản thanh toán, thẻ cho vay không chỉ giúp gia tăng giá trị cho khách hàng mà còn mở rộng khả năng theo dõi dòng tiền và kiểm soát rủi ro. Đây là chiến lược phát triển tổng thể, hướng đến mô hình ngân hàng bán lẻ hiện đại, đồng thời tạo nền tảng cho tăng trưởng dư nợ ổn định trong dài hạn. Phát triển thị trường cho vay cá nhân cần được triển khai với tầm nhìn chiến lược, không chạy theo số lượng mà đặt trọng tâm vào chất lượng, hiệu quả và kiểm soát rủi ro. Nếu được định hướng đúng đắn, đây sẽ là động lực tăng trưởng chính của chi nhánh VietinBank Hội An trong giai đoạn tới, góp phần nâng cao cho vay nói riêng và hiệu quả kinh doanh toàn diện nói chung.

TÓM TẮT CHƯƠNG 3

Chương 3 đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao cho vay tại VietinBank Chi nhánh Hội An giai đoạn 2022–2024. Các giải pháp bao gồm kiểm soát nợ xấu, cải tiến quy trình thẩm định cho vay, tăng cường giám sát sau vay và mở rộng cho vay cá nhân. Đồng thời, chú trọng nâng cao chất lượng nhân sự và áp dụng công nghệ vào quản lý cho vay. Mục tiêu là nâng cao hoạt động, giảm rủi ro và phát triển cho vay bền vững.

KẾT LUẬN CHUNG

Trong quá trình thực hiện đề tài “Giải pháp nâng cao hoạt động cho vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hội An”, em đã có cơ hội tiếp cận và tìm hiểu sâu hơn về vai trò quan trọng của hoạt động cho vay đối với sự phát triển bền vững của ngân hàng thương mại, cũng như những tác động thiết thực đến sự phát triển kinh tế – xã hội địa phương.

Qua quá trình nghiên cứu, em nhận thấy hoạt động cho vay tại VietinBank – Chi nhánh Hội An trong giai đoạn 2022–2024 đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Quy mô cho vay không ngừng mở rộng, doanh số cho vay tăng trưởng ổn định, cơ cấu sản phẩm cho vay ngày càng đa dạng hơn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu vốn của khách hàng cá nhân và doanh nghiệp trên địa bàn. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động cho vay tại chi nhánh vẫn còn tồn tại một số hạn chế như: tỷ lệ nợ xấu có thời điểm còn cao, công tác thẩm định cho vay và kiểm soát sau cho vay đôi khi chưa thực sự chặt chẽ, danh mục cho vay chưa phân tán rủi ro một cách hợp lý, dẫn đến nguy cơ tập trung cho vay vào một số ngành nghề nhất định.

Từ việc phân tích thực trạng và nhận diện những tồn tại, em đã mạnh dạn đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hoạt động cho vay tại chi nhánh trong thời gian tới. Các nhóm giải pháp bao gồm: nâng cao công tác kiểm soát và xử lý nợ xấu, cải tiến quy trình thẩm định khách hàng, đa dạng hóa cơ cấu danh mục cho vay để phân tán rủi ro, tăng cường công tác kiểm tra giám sát sau cho vay, điều chỉnh tỷ trọng cho vay hợp lý theo thời hạn vay, và phát triển bền vững thị trường cho vay cá nhân. Em tin rằng nếu được áp dụng đồng bộ, những giải pháp này sẽ góp phần giúp chi nhánh nâng cao chất lượng cho vay, kiểm soát tốt rủi ro, đồng thời gia tăng kết quả kinh doanh và củng cố uy tín thương hiệu trên địa bàn Hội An.

Mặc dù đã nỗ lực hết mình trong quá trình nghiên cứu, nhưng do hạn chế về kinh nghiệm thực tiễn và phạm vi nghiên cứu còn giới hạn, bài khóa luận khó tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu từ quý thầy cô, giảng viên hướng dẫn và các anh chị đang công tác trong ngành ngân hàng để hoàn thiện hơn kiến thức và kỹ năng cho bản thân.

Em xin chân thành cảm ơn Thầy Ngô Đức Chiến đã tận tình hướng dẫn em trong suốt quá trình thực hiện đề tài. Đồng thời, em cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ nhân viên Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hội An đã tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ và chia sẻ nhiều kinh nghiệm quý báu trong quá trình thực tập và thu thập thông tin cho bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình “Quản trị Ngân hàng thương mại” PGS. TS. Nguyễn Thị Mùi – ThS. Trần Cảnh Toàn.
2. Giáo trình “Ngân hàng Thương mại” (2011) PGS. TS. Trầm Thị Xuân Hương – ThS. Hoàng Thị Minh Ngọc, NXB Kinh Tế. Hồ Chí Minh, tái bản lần thứ 1.
3. Thông tư 31/2024/TT-NHNN, Luật TCTD.
4. Luật Các Tổ chức tín dụng 2024.
5. Báo cáo thống kê số liệu từ Phòng Tổng hợp Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hội An.
6. Website Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam.